StudyinKorea
www.studyinkorea.go.kr

GK GROUP

Hàn Quốc

Sách hướng dẫn dành cho du học sinh nước ngoài

Ministry of Education
National Institute for International Education

Núi Hallasan

Cung Changdeok

Cheomseongdae

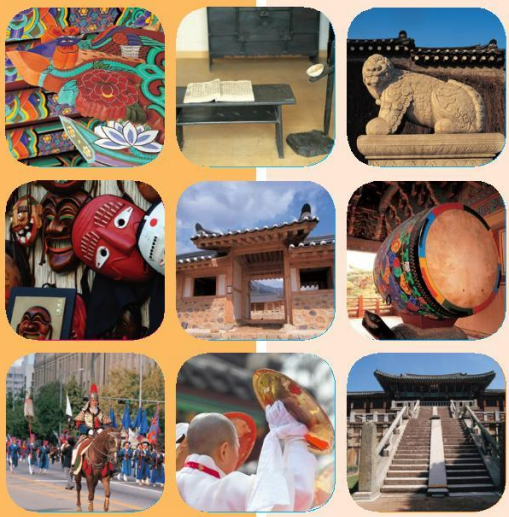

Mục lục

Phần 1 Chuẩn bị du học Hàn Quốc

1. Thu thập thông tin 6
2. Lưu ý khi quyết định du học 7
3. Trình tự đăng ký và nhận thị thực (visa) 8
4. Những điều cần biết ở sân bay 19

Phần 2 Hệ thống giáo dục Hàn Quốc và thủ tục nhập học

1. Khóa học tiếng 23
2. Giáo dục bậc cao 27
3. Giáo dục tiểu học trung học 36

Phần 3 Cuộc sống du học ở Hàn Quốc

1. Quản lý xuất nhập cảnh sau khi đến Hàn Quốc 37
2. Cư trú 42
3. Giao thông 45
4. Bảo hiểm y tế 54
5. Nghiệp vụ ngân hàng 56
6. Dịch vụ viễn thông 59
7. Dịch vụ chuyển phát 61
8. Phân loại rác 64
9. Các hoạt động vui chơi giải trí 66
10. Du lịch Hàn Quốc 74
11. Thư viện & nhà sách 75
12. Việc làm 76
13. Kiến thức an toàn cơ bản trong cuộc sống du học 82

Phụ lục 1. Bản đồ tàu điện ngầm ở một số thành phố lớn
Phụ lục 2. Những điều cần kiểm tra trước khi du học Hàn Quốc
Phụ lục 3. Tiếng Hàn thiết yếu
Phụ lục 4. Ngày nghỉ lễ ở Hàn Quốc
Phụ lục 5. Số điện thoại và trang web của một số cơ quan

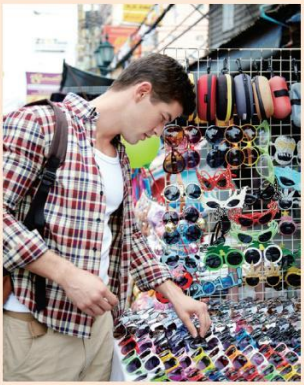

Phần 1 Chuẩn bị du học Hàn Quốc

1 Thu thập thông tin

Nếu đã quyết tâm du học Hàn Quốc thì việc tìm hiểu xem thực tế mình cần phải làm gì, bắt đầu như thế nào là bước đầu tiên chuẩn bị cho việc du học. Hiện nay hầu hết các trường đại học Hàn Quốc đều có bộ phận hợp tác quốc tế, và nhiều trung tâm du học có website nên chỉ cần tìm trên trang mạng thôi cũng có thể dễ dàng nhận được thông tin.

Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia đang vận hành Hệ thống tổng hợp du học Hàn Quốc (http://www.studyinkorea.go.kr), qua đó cung cấp những thông tin mới nhất về văn hóa Hàn Quốc, chế độ đào tạo, thủ tục du học, nhập học đại học ở Hàn Quốc và các triển lãm du học... dành cho sinh viên nước ngoài có mong muốn du học Hàn Quốc. Trang tin điện tử này đang cung cấp các dịch vụ bằng 12 thứ tiếng như Hàn, Anh, Trung, Việt, Nga, Mông Cổ, Nhật, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Ả Rập, Pháp và Indonesia.

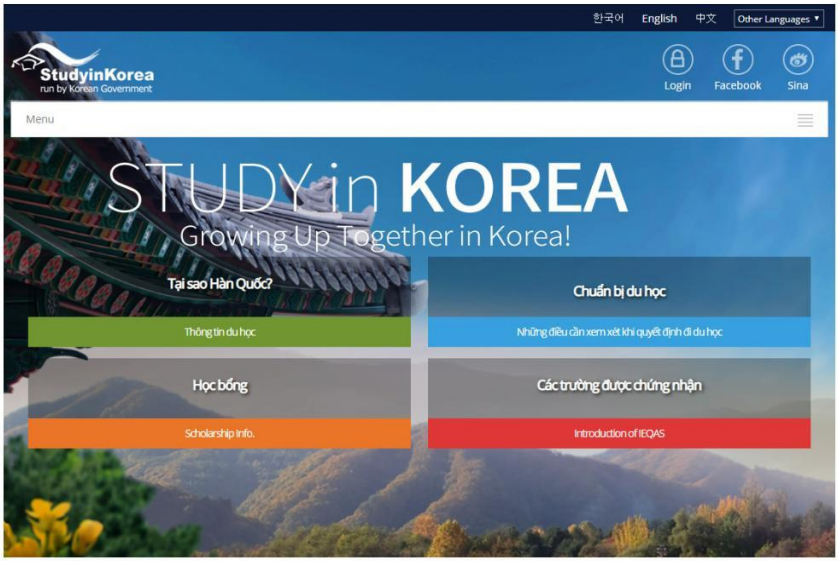

Ngoài ra, hàng năm Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia cùng Bộ giáo dục và các trường đại học Hàn Quốc còn tổ chức và tham gia các triển lãm du học Hàn Quốc dành cho học sinh quan tâm đến du học Hàn tại nhiều nước trên thế giới. Tại các triển lãm du học này sẽ có sự tham gia của người phụ trách chính từ các trường đại học ở Hàn Quốc nên các bạn học sinh có mong muốn du học có thể được tư vấn và cung cấp thông tin cụ thể về chương trình đào tạo của các trường, cách đăng ký, khóa học tiếng, học bổng, ký túc xá...

Tip Trung tâm tư vấn du học hankang - Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia

Cung cấp thông tin đa dạng về du học Hàn Quốc cho du học sinh, lắng nghe khó khăn và tư vấn giúp đỡ cho du học sinh để có thể học tập tốt tại Hàn Quốc

Thứ	Ngôn ngữ	Thời gian	Liên hệ	
			Điện thoại	Email
Thứ 2 – Thứ 6	Tiếng Anh, tiếng Hàn	9h – 18h	02-3668-1490	studyinkorea@korea.kr
	Tiếng Trung, tiếng Hàn		02-3668-1491	niiedcounselling@korea.kr
Thứ 2	Tiếng Việt	13h – 18h	02-3668-1492	webmaster@studyinkorea.go.kr
Thứ 3	Tiếng Tây Ban Nha			
Thứ 4	Tiếng Nga			
Thứ 5	Tiếng Mông Cổ			

※ Tư vấn online liên tục (www.studyinkorea.go.kr)/ nghỉ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ

※ Ngôn ngữ và lịch tư vấn có thể thay đổi, thông tin chi tiết tham khảo trên trang web Study in Korea

2 Lưu ý khi quyết định du học

Tùy vào từng mục đích học tập của du học sinh, để có thể hoàn thành đúng thời gian học tập thì việc xác định các thông tin về điều kiện, tư cách ứng tuyển mà mỗi chương trình đào tạo yêu cầu, các loại giấy tờ và thủ tục đăng kí, cũng như chi phí du học là điều vô cùng cần thiết.

Khi chọn trường nên tìm kiếm thông tin qua nhiều kênh khác nhau, tổng hợp rồi chọn trường phù hợp.

(Ví dụ: Tra cứu tên trường đại học trên mạng, đọc các bài báo về trường, xem các tài liệu giới thiệu về trường, cộng đồng du học sinh và các trải nghiệm du học...)

Các trường đại học Hàn Quốc có nhiều chương trình đào tạo khác nhau, tùy theo từng chương trình đào tạo mà thời gian học có sự thay đổi.

Tùy từng trường đại học mà chương trình học cũng có sự khác nhau nên trước khi đi du học, học sinh nên xác định rõ chương trình học mà mình mong muốn.

Thông thường thời hạn nhận hồ sơ đăng ký học là khoảng tháng 11 đến tháng 1 đối với kỳ học mùa xuân (nhập học vào tháng 3) và tháng 4 đến tháng 6 đối với kỳ học mùa thu (nhập học vào tháng 9). Vì tùy từng trường đại học mà thời gian đăng ký nhập học có sự khác nhau nên học sinh cần nắm rõ ngày hết hạn đăng ký nhập học thông qua website của trường.

• Đối tượng tuyển sinh và số năm học theo từng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo	Đối tượng tuyển sinh	Số năm học
Tiến sĩ	Người đã tốt nghiệp thạc sĩ	2 năm trở lên
Thạc sĩ	Người đã tốt nghiệp đại học	2 năm trở lên
Đại học	Người đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông ở nước mình (chương trình 12 năm)	4-6 năm
Cao đẳng	Người đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông ở nước mình (chương trình 12 năm)	2-3 năm
Khóa học tiếng	Người có học lực tương đương với trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông	1-2 năm
Sinh viên trao đổi	Là sinh viên đang theo học tại các trường đại học có liên kết với trường đại học Hàn Quốc	1 học kỳ ~ 1 năm
Du học tự túc ngắn hạn	Là sinh viên đang theo chương trình du học của trường đại học, hoặc sinh viên du học đại học ở Hàn Quốc mà vẫn đang theo học hoặc đã tốt nghiệp đại học ở Việt Nam	1 học kỳ ~ 1 năm
Học kỳ hè (hoặc đông)	Là sinh viên đại học tham gia các chương trình tiếng Hàn hoặc chuyên ngành Hàn Quốc học trong thời kỳ nghỉ hè (hoặc đông)	2-3 tháng

※ Trên đây là điều kiện về đối tượng tuyển sinh thông thường, cần kiểm tra thêm thông tin tuyển sinh của trường đại học mà mình muốn đăng ký.

※ Đối với trường hợp các nước có chương trình giáo dục phổ thông dưới 12 năm thì sau khi tốt nghiệp toàn bộ chương trình tiểu học, trung học cơ sở ở nước mình, có thể nhập học sau khi cán bộ ở trường đại học xác nhận các giấy tờ công chứng như bằng tốt nghiệp trung học phổ thông

3 Trình tự đăng ký và nhận thị thực (visa)

Nếu đã nhận được Giấy báo nhập học, sau khi chuẩn bị giấy tờ cần thiết để nhập cảnh vào Hàn Quốc, học sinh phải xin visa du học thông qua Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Hàn Quốc tại nước mình. Tùy theo chương trình học (chương trình học hệ chính quy, học tiếng, khóa học văn hóa Hàn Quốc) của mình tại trường đại học mà loại visa được nhận cũng sẽ khác nhau. Du học sinh nhập học hệ chính quy phải xin visa D-2, du học sinh nhập học hệ không chính quy (khóa học tiếng Hàn, học tiếng nước ngoài) phải xin visa D-4. Để quá trình xin visa tại cơ quan chính phủ Hàn Quốc nhanh chóng thì ngoại trừ những trường hợp đặc biệt, mọi người ngoại quốc cần phải nhận "Giấy chứng nhận cấp thị thực" trước khi đăng ký xin visa.

(1) Giấy chứng nhận cấp thị thực là gì?

Nếu cơ quan công vụ ở nước ngoài công nhận cần phải cấp thị thực gấp, Bộ Tư pháp sẽ cấp Giấy chứng nhận cấp thị thực theo nguyện vọng của người nước ngoài hoặc người bảo lãnh ở Hàn Quốc.

⦿ Trình tự cấp phát Giấy chứng nhận thị thực

- Người nước ngoài nhập cảnh vào Hàn Quốc hoặc người bảo lãnh ở Hàn Quốc đem giấy tờ cần thiết để cấp thị thực đến đăng kỳ cấp Giấy chứng nhận cấp thị thực tại Cục xuất nhập cảnh (Văn phòng người nước ngoài hoặc văn phòng chi nhánh) tại khu vực mà mình sinh sống.
- Nếu trưởng phòng Cục xuất nhập cảnh (trưởng văn phòng người nước ngoài hoặc văn phòng chi nhánh) nhận thấy việc cấp thị thực là thỏa đáng thì người đăng kí hoặc người bảo lãnh sẽ nhận được thông báo về Giấy chứng nhận cấp thị thực hoặc mã số chứng nhận cấp thị thực
- Người nước ngoài nhận được Giấy chứng nhận cấp thị thực hoặc mã số chứng nhận cấp thị thực phải đính kèm Giấy chứng nhận cấp thị thực hoặc ghi mã số chứng nhận cấp thị thực khi đăng ký cấp thị thực với trưởng phòng cơ quan công vụ ở nước ngoài.

※ Giấy chứng nhận cấp thị thực có hiệu lực trong vòng 3 tháng, chỉ công nhận một lần cho mỗi lần cấp.

⦿ Đối tượng được cấp giấy chứng nhận cấp thị thực

- Công dân các nước đặc biệt hoặc nước chưa thiết lập quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc (Cuba, Syria, Kosova, Macedonia)
- Những người thuộc diện visa văn hóa nghệ thuật (D-1), du học (D-2), nghiên cứu kĩ thuật (D-3), nghiên cứu thông thường (D-4), phóng viên (D-5), tôn giáo (D-6), lưu trú dài hạn (D-7), đầu tư doanh nghiệp (D-8), kinh doanh thương mại (D-9), giáo sư (E-1), giảng viên ngoại ngữ (E-2), nghiên cứu (E-3), giảng viên kĩ thuật (E-4), chuyên gia (E-5), biểu diễn nghệ thuật (E-6), kĩ sư chuyên ngành (E-7), lao động phổ thông (E-9), thủy thủ (E-10), thăm thân (F1), bảo lãnh (F-3), thực tập sinh (H-2) và các loại khác (G-1)
- Những trường hợp khác được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận là cần Giấy chứng nhận cấp thị thực

⦿ Đối tượng không được cấp Giấy chứng nhận cấp thị thực

- Người thuộc diện visa ngoại giao (A-1), công vụ (A-2), hợp tác (A-3)
- Người thuộc diện miễn thị thực (B-1), thông hành du lịch (B-2)
- Người thuộc diện cư trú (F-2), kiều bào Hàn Quốc (F-4), định cư vĩnh viễn (F-5), kết hôn (F-6), lao động du lịch (H-1)

⦿ Thông báo cho phép cấp Giấy chứng nhận cấp thị thực

- Thông thường sẽ thông báo mã số chứng nhận cấp thị thực qua email, trong trường hợp ngoại lệ không thể thông báo mã số chứng nhận cấp thị thực sẽ ban hành trực tiếp Giấy chứng nhận cấp thị thực.

※ Khi đăng ký cấp Giấy chứng nhận cấp thị thực phải ghi chính xác địa chỉ email mới có thể nhận được thông báo chính xác

(2) Du học (D-2)

⦿ Đối tượng và phạm vi hoạt động

Du học hoặc nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, nghiên cứu học thuật trên bậc cao đẳng

- Người theo học chương trình chính quy (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ) hoặc nghiên cứu đặc biệt ở các trường đại học, cao học, cao đẳng được thành lập theo quy định của Luật giáo dục bậc cao hoặc ở các cơ quan học thuật trên cấp cao đẳng được thành lập theo quy định của Luật đặc biệt

⦿ Thời hạn lưu trú tối đa cho 1 lần cấp

2 năm

⦿ Địa điểm đăng ký

Đăng kí tại cơ quan công vụ Hàn Quốc ở nước mà mình cư trú hoặc cơ quan công vụ ở khu vực có cơ sở đào tạo cao nhất của mình

⦿ Giấy tờ cần nộp

※ Chú ý: Trường hợp nộp giấy tờ bằng tiếng nước ngoài được cấp phát tại nước ngoài, phải dịch và có công chứng của cơ quan công vụ (hoặc công chứng lãnh sự)

Giấy tờ chung

① Đơn đăng ký (chứng nhận) cấp thị thực, bản sao hộ chiếu, ảnh cá nhân (ảnh 3X4 chụp trong 6 tháng trở lại)

② Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh nghiệp của cơ sở giáo dục (hoặc giấy mã số định danh)

③ Giấy báo nhập học (do hiệu trưởng của trường cấp)

☞ Tuy nhiên với những học sinh nhận học bổng chính phủ của Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia hoặc của Bộ Quốc phòng có thể thay thế bằng giấy mời (Giấy chứng nhận sinh viên nhận học bổng chính phủ...) được cấp bởi Viện trưởng Viện giáo dục hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

④ Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình (Với những trường hợp nộp số dư tài khoản đứng tên bố mẹ)

Mẫu Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình
Trung Quốc: Công chứng hộ khẩu hoặc Giấy quan hệ nhân thân, **Philipin**: Family Census, **Indonesia**: Giấy chứng minh quan hệ gia đình (KARTU KELUARGA), **Bangladesh** : Jumber Shields hoặc Jumbo Side Tickets, **Việt Nam**: Sổ hộ khẩu hoặc Giấy khai sinh, **Mông Cổ**: Giấy chứng minh quan hệ nhân thân, **Paskistan**: Family Certificate, **Srilanka**: Fowler Certificate, **Myanmar**: Giấy chứng minh quan hệ nhân thân (Yingtaung Susayan), **Nepal**: Jeonmadalda, **Kyrgyzstan-Kazakhstan-Uzbek-Ucraina-Thái Lan**: Giấy khai sinh

⑤ Giấy tờ chứng minh học lực cao nhất

- Theo nguyên tắc phải nộp bản chính bằng cấp cao nhất, tuy nhiên trường hợp bằng cấp hoặc báo cáo chứng nhận có bản sao sao y bản chính thì có thể nộp bản sao. Chỉ công nhận bằng cấp học lực còn thời hạn, được cấp trong vòng 30 ngày và có thể gia hạn
- Công dân thuộc 21 quốc gia sau hoặc những người nhận học vị (học lực) ở các trường đại học thuộc quốc gia quản lý trọng điểm chọn 1 trong 3 mục a, b, c dưới đây
  - 21 quốc gia: Gana, Nigieria, Nepal, Myanmar, Bangladesh, Việt Nam, Mông Cổ, Srilanka, Uzbekistan, Ucraina, Iran, Ai Cập, Ấn Độ, Indonesia, Trung Quốc, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Thái Lan, Paskistan, Peru, Philipin.
  - Quốc gia quản lý trọng điểm du học sinh: Guinea, Mali, Ethiopia, Uganda, Cameroun

  a. Giấy tờ chứng minh học vị (học lực) đã được xác nhận công chứng lãnh sự (Apostille)

  b. Giấy tờ chứng minh học vị được cấp bởi trường đã được xác nhận hợp pháp hóa của Lãnh sự quán Hàn Quốc

  c. Trường hợp ở Trung Quốc, báo cáo chứng nhận học vị được cấp bởi trung tâm chứng nhận học lực học vị do Bộ Giáo dục Trung Quốc quản lý (chỉ đối với những người nhận bằng tại Trung Quốc)

  ※ Trường hợp những người tốt nghiệp cấp 3 ngành công nghiệp không được cấp bằng hay báo cáo chứng nhận thì nộp:

  i) Giấy chứng nhận tốt nghiệp được cấp bởi trường của mình (bắt buộc phải có xác nhận của Sở Giáo dục của tỉnh và của lãnh sự quán Hàn Quốc) hoặc

  ii) Giấy chứng nhận tốt nghiệp được cấp bởi Sở giáo dục của tỉnh (bắt buộc phải có xác nhận lãnh sự quán Hàn Quốc)

  ※ Tuy nhiên, trường hợp những người nhận học vị (học lực) tại các trường đại học Hàn Quốc có thể nộp bằng mà không cần công chứng

- Những người không phải là công dân của 21 nước trên, trong trường hợp bị nghi ngờ làm giả bằng cấp thì Trưởng phòng Cục xuất nhập cảnh Văn phòng người nước ngoài có thể cân nhắc và yêu cầu nộp giấy tờ theo mục a đến mục c như ở trên.

⑥ Giấy tờ chứng minh tài chính

- Số tiền chứng minh có thể chi trả học phí và tiền nhà ở trong vòng 1 năm

• Giấy tờ cần nộp thêm tùy theo từng chương trình học

Chương trình nghiên cứu đặc biệt	⑤ Giấy tờ chứng minh học lực cao nhất (những người có bằng thạc sĩ trở lên)
	⑥ Giấy tờ chứng minh phí nhà ở (Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng, giấy xác nhận chi trả phí nghiên cứu)
	⑦ Giấy tờ chứng minh chương trình nghiên cứu đặc biệt (Giấy xác nhận nghiên cứu sinh của hiệu trưởng)
Sinh viên trao đổi	⑤ Miễn nộp giấy tờ chứng minh học lực cao nhất (tuy nhiên cần có giấy chứng nhận năng lực ngôn ngữ)
	⑥ Giấy chứng minh phí nhà ở (cân nhắc đến việc học phí đã nộp ở nước mình)
	⑦ Giấy giới thiệu được cấp bởi hiệu trưởng của trường mà mình theo học (ở nước mình)
	⑧ Giấy tờ chứng minh là sinh viên trao đổi (ví dụ công văn của trường đại học Hàn Quốc, văn bản ký kết trao đổi sinh viên giữa các trường đại học)
	⑨ Giấy tờ chứng minh đã học ít nhất một học kỳ (Giấy xác nhận sinh viên tại trường đại học của mình)
Sinh viên ủy thác của quân đội nước ngoài thuộc Bộ quốc phòng	④ Miễn nộp giấy tờ quan hệ gia đình
	⑤ Miễn nộp giấy tờ chứng minh học lực cao nhất
	⑥ Miễn nộp giấy chứng minh tài chính
	⑦ Thư mời của Bộ quốc phòng

※ Tùy theo từng trường hợp mà có thể thêm hoặc bớt giấy tờ

(3) Nghiên cứu thông thường (D-4)

⊙ Đối tượng và phạm vi hoạt động

Là những hoạt động học tập hoặc nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, đoàn thể mà không phải là cơ sở giáo dục và các cơ quan nghiên cứu học thuật thuộc tư cách visa du học (D-2)

- Người học tiếng Hàn Quốc ở các trung tâm tiếng của trường đại học
- Người học tập tại cơ sở giáo dục mà không phải là cơ quan nghiên cứu học thuật thuộc tư cách visa du học (D-2)
- Người học kĩ thuật, kĩ năng tại các cơ quan nghiên cứu công lập hoặc các viện đào tạo
- Người học tập hoặc nghiên cứu theo dạng thực tập ở các doanh nghiệp đầu tư của nước ngoài hoặc doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài

⦿ Thời hạn lưu trú tối đa cho 1 lần cấp

2 năm (sinh viên học tiếng là 6 tháng)

⦿ Địa điểm đăng ký

Đăng ký tại cơ quan công vụ Hàn Quốc ở nước mà mình cư trú hoặc cơ quan công vụ ở khu vực có cơ sở đào tạo cao nhất của mình

⦿ Giấy tờ cần nộp

※ Sách hướng dẫn dành cho du học sinh chỉ giới thiệu chương trình học tiếng (học tiếng Hàn: D-4-1).

① Đơn đăng ký chứng nhận cấp thị thực, hộ chiếu, 1 ảnh cá nhân, lệ phí

② Bản sao giấy phép kinh doanh nghiệp của cơ sở giáo dục hoặc giấy mã số định danh

③ Giấy báo nhập học (do hiệu trưởng trường đại học cấp)

④ Giấy xác nhận đang là sinh viên hoặc giấy tờ chứng minh học lực cao nhất

- Khi cần xét hồ sơ theo bản chính, có thể nộp bản sao đã có xác nhận sao y bản chính

⑤ Giấy tờ chứng minh tài chính (khoảng 10.000 đô la Mỹ)

※ Giấy chứng minh tài chính (ví dụ: Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng, sổ tài khoản, giấy chứng nhận học bổng, lịch sử giao dịch của tài khoản). Khi cần thẩm tra bản chính có thể nộp bản sao đã có xác nhận sao y bản chính (Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng chỉ công nhận trong vòng 30 ngày kể từ ngày cấp)

※ Trong trường hợp dự định học tiếng của trường đại học theo Hệ thống chứng nhận năng lực giáo dục quốc tế thì bắt buộc phải nộp Giấy đảm bảo chi trả chi phí du học (Sau khi đăng ký, cơ quan tín dụng được thành lập theo pháp luật hai nước Hàn Quốc và Việt Nam sẽ cấp giấy đảm bảo)

※ Nếu nộp Giấy xác nhận số dư tài khoản đứng tên bố mẹ phải nộp thêm Giấy chứng minh quan hệ gia đình

▶ Chứng minh tài chính (học phí + phí nhà ở) trong vòng 1 năm (6 tháng nếu là học tiếng)

⑥ Kế hoạch học tập (bao gồm các nội dung về thời gian học, danh sách giảng viên, cơ sở học tập...)

※ Nếu cơ quan công vụ Hàn Quốc ở nước ngoài cần kiểm tra mục đích nhập cảnh, tính xác thực của cơ quan bảo lãnh, người bão lãnh có thể thêm hoặc bớt một số giấy tờ

※ Nội dung chi tiết tham khảo tại Cục xuất nhập cảnh trụ sở chính sách người nước ngoài

- Homepage: Hi Korea (https://www.hikorea.go.kr)
  hoặc trang visa của Đại Hàn Dân Quốc (https://www.visa.go.kr)

- Điện thoại liên hệ:
  Nếu ở Hàn Quốc 1345
  Nếu ở nước ngoài +82-1345/ +82-2-6908-1345 6

※ Nguồn: Cục xuất nhập cảnh Văn phòng chính sách người nước ngoài

출입국관리법 시행규칙 [별지 제 17호 서식] (제 1 쪽)

사증발급신청서 APPLICATION FOR VISA

<신청서 작성방법>

- 신청인은 사실에 근거하여 빠짐없이 정확하게 신청서를 작성하여야 합니다.
- 신청서상의 모든 질문에 대한 답변은 한글 또는 영문으로 기재하여야 합니다.
- 선택사항은 해당 칸[ ] 안에 √ 표시를 하시기 바랍니다.
- '기타' 를 선택한 경우, 상세내용을 기재하시기 바랍니다.

<How to fill out this form>

- You must fill out this form completely and correctly.
- You must write in block letters either in English or Korean.
- For multiple-choice questions, you must check [√] all that apply.
- If you select 'Other', please provide us with more information in the given space.

1. 인적사항 / PERSONAL DETAILS

PHOTO 여권용사진 (35mm×45mm) - 흰색 바탕에 모자를 쓰지 않은 정면 사진으로 촬영일부터 6개월이 경과하지 않아야 함 A color photo taken within last 6 months(full face without hat, front view against white or off-white background)	1.1 여권에 기재된 영문 성명/Full name in English (as shown in your passport)	
	성 Family Name	명 Given Names
	1.2 한자성명 漢字姓名	1.3 성별 Sex 남성/Male[ ] 여성/Female[ ]
	1.4 생년월일 Date of Birth (yyyy/mm/dd)	1.5 국적 Nationality
	1.6 출생국가 Country of Birth	1.7 국가신분증번호 National Identity No.

1.8 이전에 한국에 출입국하였을 때 다른 성명을 사용했는지 여부

Have you ever used any other names to enter or depart Korea?

아니오 No [ ] 예 Yes [ ] → '예' 선택 시 상세내용 기재 If 'Yes' please provide details

(성 Family Name , 명 Given Name)

1.9 복수 국적 여부 Are you a citizen of more than one country ? 아니오 No [ ] 예 Yes [ ]

→ '예' 선택 시 상세내용 기재 If 'Yes' please write the countries ( )

2. 여권정보 / PASSPORT INFORMATION

2.1 여권종류 Passport Type

외교관 Diplomatic [ ] 관용 Official [ ]

일반 Regular [ ] 기타 Other [ ]

→ '기타' 상세내용 If 'Other' please provide details ( )

2.2 여권번호 Passport No.	2.3 발급국가 Country of Passport	2.4 발급지 Place of Issue
2.5 발급일자 Date of Issue	2.6 기간만료일 Date Of Expiry	

2.7 다른 여권 소지 여부 Does the invitee have any other valid passport ? 아니오 No [ ] 예 Yes [ ]

→ '예' 선택 시 상세내용 기재 If 'Yes' please provide details

a) 여권종류 Passport Type

외교관 Diplomatic [ ] 관용 Official [ ]

일반 Regular [ ] 기타 Other [ ]

b) 여권번호 Passport No. c) 발급국가 Country of Passport d) 기간만료일 Date of Expiry

3. 연락처 / CONTACT INFORMATION

3.1 본국 수소 Address in Your Home Country

3.2 현 거주지 Current Residential Address *현 거주지가 본국 주소와 다를 경우 기재 / Write if it is different from the above address

3.3 휴대전화 Cell Phone No. 3.4 일반전화 Telephone No. 3.5 이메일 E-mail

3.6 비상시 연락처 Emergency Contact Information

a) 성명 Full Name in English	b) 거주국가 Country of Residence
c) 전화번호 Telephone No.	d) 관계 Relationship to you

4. 혼인사항 및 가족사항 / MARITAL STATUS AND FAMILY DETAILS

4.1 현재 혼인사항 Current Marital Status

기혼 Married [ ] 이혼 Divorced [ ] 미혼 Single [ ]

4.2 배우자 인적사항 Personal Information of Your Spouse *기혼으로 표기한 경우에만 기재 If 'Married' please provide details of your spouse

a) 성 Family Name (in English)	b) 명 Given Names (in English)
c) 생년월일 Date of Birth (yyyy/mm/dd)	d) 국적 Nationality
e) 거주지 Residential Address	f) 연락처 Contact No.

4.3 자녀 유무 Do you have children?

없음 No [ ] 있음 Yes [ ] 자녀수 Number of children [ ]

5. 학력 / EDUCATION

5.1 최종학력 What is the highest degree or level of education the invitee has completed ?

석사/박사 Master's /Doctoral Degree [ ] 대졸 Bachelor's Degree [ ]

고졸 High School Diploma [ ] 기타 Other [ ]

→ '기타' 선택 시 상세내용 기재 If 'Other' please provide details ( )

5.2 학교명 Name of School	5.3 학교 소재지 Location of School(city/province/country)

6. 직업 / EMPLOYMENT

6.1 직업 Current personal circumstances

사업가 Entrepreneur [ ] 자영업자 Self-Employed [ ] 직장인 Employed [ ]

공무원 Civil Servant [ ] 학생 Student [ ] 퇴직자 Retired [ ]

무직 Unemployed [ ] 기타 Other [ ]

→ '기타' 선택 시 상세내용 기재 If 'Other' please provide details ( )

6.2. 직업 상세정보 Employment Details

a) 회사/기관/학교명 Name of Company/Institute/School	b) 직위/과정 Position/Course
c) 회사/기관/학교 주소 Address of Company/Institute/School	d) 전화번호 Telephone No.

210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

7. 방문정보 / DETAILS OF VISIT

7.1 입국목적 Purpose of Visit to Korea

관광/통과 Tourism/Transit [ ] 행사참석/Meeting, Conference [ ] 의료관광 Medical Tourism [ ]
단기상용 Business Trip [ ] 유학/연수 Study/Training [ ] 취업활동 Work [ ]
무역/투자/주재 Trade/Investment/Intra-Corporate Transferee [ ] 가족 또는 친지방문 Visiting Family/Relatives/Friends [ ] 결혼이민 Marriage Migrant [ ]
외교/공무 Diplomatic/Official [ ] 기타 Other [ ]

→ '기타'선택 시 상세내용 기재 If 'Other' please provide details ( )

7.2 체류예정기간 Intended Period of Stay

7.3 입국예정일 Intended Date of Entry

7.4 체류예정지(호텔 포함) Address in Korea (including hotels)

7.5 한국 내 연락처 Contact No. in Korea

7.6 과거 5년간 한국을 방문한 경력 Has the invitee travelled to Korea in the last 5 years ?

아니오 No [ ] 예 Yes [ ] → '예'선택 시 상세내용 기재 If 'Yes' please provide details of any trips to Korea

( ) 회 times, 최근 방문목적 Purpose of Recent Visit ( )

7.7 한국 이외에 과거 5년간 여행한 국가 Has the invitee travelled outside his/her country of residence, excluding to Korea, in the last 5 years?

아니오 No [ ] 예 Yes [ ] → '예'선택 시 상세내용 기재 If 'Yes' please provide details of these trips

국가명 Name of Country (in English)	방문목적 Purpose of Visit	방문기간 Period of Stay (yyyy/mm/dd)~ (yyyy/mm/dd)

7.8. 동반입국 가족 유무 Is the invitee travelling to Korea with any family member ?

아니오 No [ ] 예 Yes [ ] → '예'선택 시 상세내용 기재 If 'Yes' please provide details of the family members the invitee is travelling with

성명 Full name in English	생년월일 Date of Birth (yyyy/mm/dd)	국적 Nationality	관계 Relationship to the invitee

* 참고 : 가족의 범위 - 배우자, 자녀, 부모, 형제
Note : Definition of a Family Member - your spouse, father, mother, children, brothers and sisters

8. 초청인 정보 / DETAILS OF SPONSOR

8.1 초청인/초청회사 Do you have anyone sponsoring you for the visa ?

아니오 No [ ] 예 Yes [ ] → '예' 선택 시 상세내용 기재 If 'Yes' please provide details

a) 초청인/초청회사명 Name of your visa sponsor (Korean, foreign resident in Korea, company, or institute)

b) 생년월일/사업자등록번호 Date of Birth/Business Registration No.

c) 관계 Relationship to you

d) 주소 Address

e) 전화번호 Phone No.

210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

9. 방문경비 / FUNDING DETAILS

9.1 방문경비(미국 달러 기준) Estimated travel costs(in US dollars)

9.2 경비지불자 Who will pay for your travel-related expenses ? (any person including yourself and/or institute)

a) 성명/회사(단체)명 Name of Person/Company(Institute)	b) 관계 Relationship to you
c) 지원내용 Type of Support	d) 연락처 Contact No.

10. 서류 작성 시 도움 여부 / ASSISTANCE WITH THIS FORM

10.1 이 신청서를 작성하는데 다른 사람의 도움을 받았습니까? Did you receive assistance in completing this form?
아니오 No [ ] 예 Yes [ ] → '예' 선택 시 상세내용 If 'Yes' please provide details of the person who assisted you

성명 Full Name	생년월일 Date of Birth (yyyy/mm/dd)	연락처 Telephone No.	관계 Relationship to you

11. 서약 / DECLARATION

본인은 이 신청서에 기재된 내용이 거짓 없이 정확하게 작성되었음을 확인합니다. 또한 본인은 대한민국의 출입국관리법 규정을 준수할 것을 서약합니다.

I declare that the statements made in this application are true and correct to the best of my knowledge and belief, and that I will comply with the Immigration Act of the Republic of Korea.

신청일자 (년. 월. 일) DATE OF APPLICATION (yyyy/mm/dd)

/ / /

신청인 서명 SIGNATURE OF APPLICANT

17세 미만자의 경우 부모 또는 법정후견인의 서명
Signature of Parent or Legal Guardian's for a person under 17 years of age

첨부서류 ATTACHMENT	1. 「출입국관리법 시행규칙」 제76조제1항 관련 [별표 5] 사증발급신청 등 첨부서류

유의사항 Notice

1. 위 기재사항과 관련하여 자세한 내용은 별지로 작성하거나 관련 서류를 추가로 제출할 수 있습니다.
   If extra space is needed to complete any item, record on a separate sheet of paper or submit relevant documents which could support your application.
2. 대한민국 사증을 승인받은 후 분실 또는 훼손 등의 사유로 여권을 새로 발급받은 경우에는, 정확한 개인정보를 반영할 수 있도록 변경된 여권정보를 사증처리기관에 통보하여야 합니다.
   If you received Korean visa approval, and have new passport issued thereafter in lieu of lost/damaged passport, you must notify the concerned visa office of changes in your passport information.
3. 사증을 발급받았더라도 대한민국 입국 시 입국거부 사유가 발견될 경우에는 대한민국으로의 입국이 허가되지 않을 수 있습니다.
   Possession of a visa does not entitle the bearer to enter the Republic of Korea upon arrival at the port of entry if he/she is found inadmissible.
4. 「출입국관리법 시행규칙」 제9조제1항에 따라 C 계열 사증소지자는 입국 후에 체류자격을 변경할 수 없습니다.
   Please note that category C visa holders are not able to change their status of stay after their entry into the Republic of Korea in accordance with Article 9(1) of the Enforcement Regulations of the Immigration Act.

210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

공용란 FOR OFFICIAL USE ONLY						
기본사항	체류자격		체류기간		사증종류	단수・복수(2회, 3회 이상)
접수사항	접수일자		접수번호		처리과	
허가사항	허가일자		사증번호		고지사항	
결 재	담당자		가 [ ] 부 [ ]	<심사의견>		

< 수입인지 부착란 >

처리절차

신정서 작성 Application	➔	접 수 Reception	➔	심 사 Review	➔	결 재 Approval	➔	사증 발급 Issuance
신정인 Applicant		처 리 기 관 (재외공관) Diplomatic Mission		처 리 기 관 (좌동) Diplomatic Mission		처 리 기 관 (좌동) Diplomatic Mission		처 리 기 관 (좌동) Diplomatic Mission

210㎜×297㎜[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

4 Những điều cần biết ở sân bay

(1) Thủ tục nhập cảnh

(A) Các giấy tờ cần điền trên máy bay: Có thể làm thủ tục nhập cảnh tiện lợi và nhanh chóng hơn nếu điền trước giấy khai báo nhập cảnh mà tiếp viên hàng không phát trên máy bay

Các giấy tờ điền trên máy bay

Đơn khai báo nhập cảnh	Tờ khai nhập cảnh nước ngoài (ngoại trừ những người nước ngoài đã đăng ký lưu trú) phải điền đơn khai báo nhập cảnh, nếu lưu trú ở Hàn Quốc thì phải đăng ký thẻ người nước ngoài ở Cục xuất nhập cảnh - Văn phòng người nước ngoài trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh
Tờ khai hành lý của hành khách	· Mỗi người khai báo 1 tờ, mỗi gia đình cùng khai báo trong 1 tờ · Vẫn phải điền dù không có hành lý khai báo · Kể từ ngày 1/10/2005, tất cả người nhập cảnh đều phải điền và nộp tờ khai hành lý
Tờ khai tình trạng sức khỏe	Người nhập cảnh (lưu trú hoặc quá cảnh) trong khoảng thời gian giám sát những khu vực có bệnh truyền nhiễm cần kiểm dịch (hoặc gần khu vực có bệnh truyền nhiễm) bắt buộc phải điền tờ khai về tình trạng sức khỏe và nộp cho nhân viên kiểm dịch khi nhập cảnh. ※ Nguồn: Phòng quản lý bệnh dịch

(B) Tờ khai hành lý: Bất cứ ai nhập cảnh vào Hàn Quốc cũng đều phải tờ khai hành lý cho bộ phận hải quan

- Ghi tên hàng hóa cần khai báo hải quan và thông tin cá nhân của hành khách vào tờ khai hành lý đã được phát trên máy bay

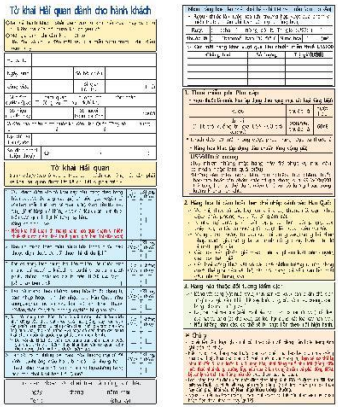

※ Thông tin chi tiết về Tờ khai hành lý, liên hệ Trụ sở hải quan Incheon để được giải đáp (http://www.customs.go.kr)

※ Nguồn: Trụ sở hải quan Incheon

※ Thông tin chi tiết về Đơn khai báo nhập cảnh liên hệ Cục xuất nhập cảnh - Văn phòng người nước ngoài sân bay Incheon (gọi 1345, không cần mã Quốc tế) để được giải đáp

※ Nguồn: Cục xuất nhập cảnh - Văn phòng người nước ngoài sân bay Incheon

(C) Thẩm tra nhập cảnh

- Thẩm tra nhập cảnh chỉ tiến hành đối với người nước ngoài được cho phép nhập cảnh vào Hàn Quốc, không áp dụng đối với người Hàn Quốc
- Chuẩn bị trước hộ chiếu, tờ khai nhập cảnh và chờ ở vạch kẻ phía trước quầy kiểm tra nhập cảnh dành riêng cho ngoài, rồi làm thủ tục kiểm tra và nhập cảnh

(D) Lấy hành lý ký gửi: Sau khi làm xong thủ tục nhập cảnh, kiểm tra số băng chuyền lấy hành lý ký gửi trên bảng điện tử phía trước, di chuyển xuống tầng 1 bằng thang cuốn và chờ trước băng chuyền đã được chỉ định để nhận hành lý của mình

(E) Thất lạc hành lý và hành lý quá cỡ: Trong trường hợp không thấy hành lý của mình, có thể hỏi thông tin ở Quầy hành lý thất lạc, trường hợp hành lý quá cỡ thì lấy tại băng chuyền hành lý quá cỡ

(2) Giao thông

(A) Xe buýt Limousine

Có thể di chuyển từ sân bay Quốc tế Incheon tới Seoul hoặc các tỉnh thành khác bằng các tuyến xe buýt Limousine. Có thể mua vé xe buýt tại Nhà ga T1 - tầng 1 (tầng đến/ Arrival) ở các quầy bán vé trong sân bay (cạnh cửa ra số 4, 9), các quầy bán vé ngoài sân bay (cạnh cửa ra số 4, 6, 7, 8, 11, 13 và 9C), tại Nhà ga T2 ở bến xe tầng hầm 1. Giá vé một chiều các chuyến xe về Seoul cao nhất là 16.000 won, về các tỉnh có sự thay đổi, Gangneung là 34.100 won, Daejeon là 23.100 won, Dongdaegu 37.600 won, Gwangju 36.300 won (chuyến đêm 39.900 won), Busan 44.900 won (chuyến đêm 49.400 won)

Nhà ga T1

Nhà ga T2

Liên hệ

* Xe buýt khu vực Seoul: Tổng đài Dasan 02-120
* Xe buýt khu vực Gyeonggi: Tổng đài Gyeonggi 031-120
* Xe buýt về các tỉnh thành: Liên hệ bộ phận giao thông công cộng ở các tỉnh thuộc công ty xe buýt

(B) Tàu điện ngầm

Sau khi đến sân bay Quốc tế Incheon có thể di chuyển về Seoul bằng tàu điện ngầm, ga tàu điện ngầm sân bay Quốc tế Incheon nằm ở trung tâm giao thông (tầng hầm 1). Di chuyển bằng tàu thường từ sân bay Quốc tế Incheon đến ga Seoul có dừng tại các ga trên đường đi tại Nhà ga T1 là 4.150 won, tại Nhà ga T2 là 4.750 won, còn di chuyển bằng tàu nhanh không dừng là 9.000 won

※ Nguồn ảnh: Công ty cổ phần đường sắt sân bay http://www.arex.or.kr

(c) Taxi

Điểm đón taxi nằm tại tầng 1, tầng đến của sân bay

Nhà ga T1

Nhà ga T2

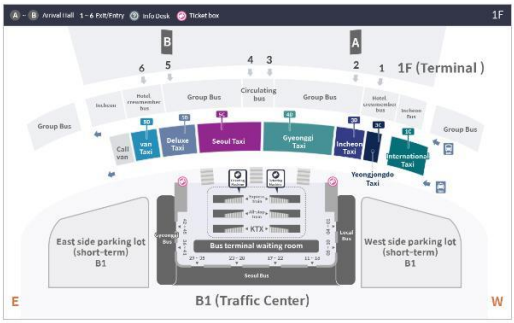

• Cước phí và điểm đón taxi

Phân loại	Phí mở cửa	Số hiệu điểm đón		Ghi chú
		Nhà ga T1	Nhà ga T2	
Taxi thường	Seoul : 3,800	5C,6C,6D	5C	Tăng 20% các chuyến đêm từ 24:00~04:00
	Gyeonggi: 3,800		4D	
	Incheon: 3,800		3C,3D	
Taxi cao cấp/Taxi to (9 chỗ)	5,000	7C/8C	5D	Không tăng giá đêm và giá đồng hồ đo
Taxi quốc tế, taxi thông minh	Phí áp dụng theo từng khu vực ở Seoul	4C	1C	Hỗ trợ ngoại ngữ, gọi taxi chính quy

(D) Callvan (Xe 7 chỗ)

Hành khách có nhu cầu sử dụng xe 7 chỗ có thể đến "Quầy hướng dẫn xe 7 chỗ tại sân bay" cạnh cửa số 13 tầng 1, Nhà ga T1. Vui lòng chú ý để không bị thiệt hại do các hành vi vẫy gọi khách ở ngoài khu vực nói trên.

Nhà ga T1

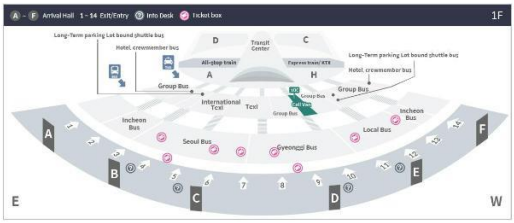

Nhà ga T2

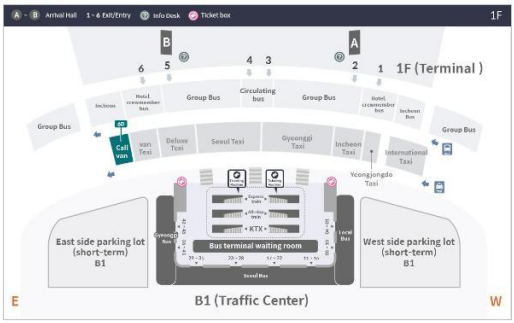

. **Điện thoại:** 032-743-0828 · **Thời gian làm việc:** 8:00 – 21:00

. **Đối tượng sử dụng:** Hành khách có hành lý 20kg/ người (theo đoàn dưới 5 người)

. **Nơi xuất phát:** Nhà ga T1, tầng 1, điểm đón 10C; Nhà ga T2 điểm đón 6D

. **Cước phí:** theo khoảng cách (chưa bao gồm phí cầu đường)

※ Nguồn: Tổng công ty sân bay Quốc tế Incheon

Phần 2 Hệ thống giáo dục Hàn Quốc và thủ tục nhập học

Giáo dục ở Hàn Quốc theo chế độ 6-3-3-4, trong đó ngoài 6 năm học tiểu học, 3 năm học trung học cơ sở là bắt buộc, có 3 năm học trung học phổ thông và 4 năm học đại học. Mỗi năm có 2 học kỳ chính (học kỳ 1: từ tháng 3 đến tháng 8 / học kỳ 2: từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau), mỗi trường hầu như đều có 2 kỳ nghỉ từ tháng 7 đến tháng 8 và từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau)

1 Khóa học tiếng

Trước khi bắt đầu học đại học ở Hàn Quốc, trong trường hợp cần học tiếng Hàn thì có thể học làm quen với tiếng Hàn qua các lớp học tiếng miễn phí, các viện đào tạo tiếng Hàn của trường đại học.

A. Viện đào tạo tiếng Hàn của trường đại học

Là chương trình được các học sinh có ý định nhập học đại học ở Hàn Quốc tham gia nhiều nhất, theo đó học sinh có thể được học tiếng Hàn bài bản ở tất cả các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết Hầu hết các khóa học đều được xây dựng theo chương trình 10 tuần học, trung bình học 20 tiếng mỗi tuần, học phí dao động trong khoảng từ 1.200.000 ~ 1.800.000 won. Chương trình được áp dụng với những người trên 18 tuổi, bao gồm trải nghiệm văn hóa (tham quan và trải nghiệm văn hóa truyền thống Hàn Quốc) mỗi tháng 1 lần.

(1) Thủ tục nhập học

Tiếp nhận hồ sơ → Xét tuyển hồ sơ → Đóng học phí → Cấp giấy báo nhập học → Đăng ký và gia hạn visa

(2) Các mẫu hồ sơ cần nộp

* Đơn đăng ký cấp visa
* Hộ chiếu
* Ảnh thẻ
* Giấy báo nhập học
* Giấy xác nhận sinh viên sinh viên hoặc Giấy chứng nhận học lực cấp cao nhất
* Giấy tờ chứng minh tài chính (tương đương 10.000 $)
* Kế hoạch học tập

※ Toàn bộ hồ sơ đã nộp sẽ không được hoàn trả, hồ sơ đầy đủ ở mỗi trường, mỗi nước sẽ có sự khác nhau, nên kiểm tra lại chính xác giấy tờ cần nộp thông qua trang chủ của mỗi trường trước khi nộp

(3) Các chương trình học chính quy theo từng cấp độ

Nhập môn	Tìm hiểu về nguyên âm phụ âm tiếng Hàn, đặc điểm cấu tạo của âm tiết Hiểu và thực hành từ vựng và câu cơ bản
Sơ cấp 1	Viết từ và câu cơ bản sử dụng trong đời sống thường ngày Giao tiếp cơ bản về chào hỏi, giới thiệu bản thân, mua sắm, gọi món ăn
Sơ cấp 2	Phát âm chính xác và phân biệt được sự thay đổi ngữ âm Giao tiếp trong đời sống thường ngày về đặt chỗ, gọi điện thoại, sử dụng dịch vụ ngân hàng, bưu điện
Trung cấp 1	Từ vựng cần thiết về hiện tượng xã hội và việc sử dụng tiện ích công cộng Thông qua tiểu từ so sánh, đuôi từ kết nối, đuôi từ kết thúc, vị từ bổ trợ, hiểu về cấu trúc hội thoại, quảng cáo, phỏng vấn, dự báo thời tiết
Trung cấp 2	Học về từ vựng thời sự cơ bản, tục ngữ, các cụm từ thời sự và từ vựng trừu tượng thường được dùng Hiểu về các vấn đề thời sự cơ bản và văn hóa Hàn Quốc thông qua báo chí và TV
Cao cấp 1	Học các quán dụng ngữ, từ ngoại lai, từ vựng trừu tượng liên quan đến hiện tượng xã hội Học tài liệu đa dạng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và các tác phẩm văn học đơn giản
Cao cấp 2	Học mở rộng về các thuật ngữ, ẩn ngữ, tiếng lóng, từ viết tắt về các chuyên ngành Không chỉ hiểu về chính trị, kinh tế, xã hội mà cả về các nội dung trừu tượng như triết học, tư tưởng
Nâng cao	Sử dụng thành thạo tiếng Hàn như tiếng mẹ đẻ trong quá trình học đại học hoặc cao học, chuẩn bị xin việc, trau dồi năng lực để có thể theo học các khóa học chuyên ngành

※ Người nước ngoài đến Hàn Quốc để học tiếng tại các trung tâm ngoại ngữ của trường đại học cần phải xin visa (D4) ở Đại sứ quán Hàn Quốc hoặc Lãnh sự quán Hàn Quốc. Để được cấp visa cần phải chuẩn bị Giấy báo nhập học của trung tâm ngoại ngữ trường, giấy bảo lãnh nhân thân, giấy chứng minh tài chính, Đại sứ quán Hàn Quốc thường trú ở từng nước sẽ có yêu cầu về giấy tờ khác nhau nên cần tìm hiểu kĩ thông tin và đăng ký cho phù hợp

Tip Trường hợp đã theo học và muốn chuyển sang một trung tâm ngoại ngữ khác, cần tham khảo thêm về quy định hoàn trả học phí

B. Lớp học tiếng Hàn Quốc

(1) Học online miễn phí

Hầu hết ở các trường, bên cạnh đào tạo trực tiếp còn có chương trình dạy online miễn phí.

* Học viện Nuri – Sejong: http://www.sejonghakdang.org
* Đại học Cyber Korea: http://korean.cuk.edu
* EBS Durian: http://www.ebs.co.kr/durian/kr/course
* Chương trình dạy tiếng Hàn Quốc online của trường Sogang: http://korean.sogang.ac.kr

(2) Chương trình của các tổ chức địa phương và tổ chức phi chính phủ

Các cơ quan hỗ trợ người nước ngoài như Trung tâm toàn cầu Seoul hay tổ chức phi Chính phủ cho người lao động nước ngoài đang mở các lớp tiếng Hàn.

Cơ quan	Số điện thoại	Homepage
Trung tâm toàn cầu Seoul	02-2075-4180	http://global.seoul.go.kr
Hanultari	02-843-5431	https://www.mcfamily.or.kr
Trung tâm hỗ trợ đa văn hóa thành phố Ansan	1644-1234	https://global.ansan.go.kr
Hội phúc lợi người lao động cư trú Hàn Quốc	02-858-4115	http://miwel.or.kr
Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài Hàn Quốc	02-6900-8000	http://www.migrantok.org

※ Có thể tìm kiếm các khóa học tiếng Hàn theo từng khu vực ở cổng thông tin hỗ trợ gia đình đa văn hóa "Danuri" do Bộ bình đẳng giới và Gia đình cung cấp (Hỗ trợ bằng 13 ngôn ngữ: https://www.liveinkorea.kr)

C. Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK: Test of Proficiency in Korean)

Nhằm nâng cao chất lượng du học, Chính phủ Hàn Quốc yêu cầu du học sinh nước ngoài phải có năng lực tiếng Hàn ở trên một trình độ nhất định. Bởi vì sinh viên quốc tế yếu kém về năng lực tiếng Hàn cần thiết trong quá trình học tập và sinh sống có thể gặp nhiều khó khăn khi du học tại Hàn Quốc.

Để có thể nhập học vào trường đại học ở Hàn Quốc sinh viên cần phải có chứng chỉ Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) được tổ chức bởi Viện giáo dục Quốc tế Quốc gia. Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) nhằm mục đích đưa ra định hướng học tiếng Hàn cho người nước ngoài không dùng tiếng Hàn như ngôn ngữ mẹ đẻ, đánh giá năng lực tiếng Hàn và dùng kết quả đó để du học hay xin việc.

Trường hợp theo học hệ đại học chính quy ở Hàn Quốc, thông thường sinh viên phải đạt được tối thiểu TOPIK cấp 3 để nhập học, và tối thiểu TOPIK cấp 4 để tốt nghiệp. Tuy nhiên, trường hợp học đại học đào tạo bằng tiếng Anh, vẫn có thể nhập học bằng các chứng chỉ tiếng Anh (như TOEFL) mà không cần chứng chỉ TOPIK, và cũng không nhất thiết phải đạt được TOPIK cấp 4 để đủ điều kiện tốt nghiệp

Ngoài ra đối với sinh viên trao đổi, học bổng chính phủ Hàn Quốc, học bổng chính phủ nước ngoài, sinh viên học tiếng, sinh viên khoa năng khiếu nghệ thuật thì yêu cầu năng lực tiếng Hàn khác nhau. Sinh viên cần tìm hiểu kĩ điều kiện tương ứng với trường mình.

Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK) được tổ chức 6 lần mỗi năm tại Hàn Quốc (tháng 1, tháng 4, tháng 5, tháng 7, tháng 10, tháng 11), lịch trình cụ thể sẽ được thông báo trên trang chủ Kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK). Kỳ thi được chia làm 2 mức độ, TOPIK I (cấp 1, cấp 2) đối với những người mới học tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, và TOPIK II (cấp 3 ~ cấp 6) đối với những người học tiếng Hàn ở trình độ trung, cao cấp; tùy theo điểm số trong kỳ thi mà xếp hạng cấp độ. Có thể tham khảo thêm thông tin chi tiết về TOPIK trên trang chủ chính thức (http://www.topik.go.kr)

2 Giáo dục bậc cao

Giáo dục bậc cao ở Hàn Quốc nhìn chung được chia thành đào tạo cao đẳng (2 ~ 3 năm), đào tạo đại học (4 năm), đào tạo cao học. Gần đây, do sự phát triển của khoa học công nghệ thông tin mà cũng đã xuất hiện các trường đại học mạng (cyber universities) chủ yếu là các khóa học e-Learning. Hầu hết ở các trường đại học hệ 4 năm sẽ có cơ sở đào tạo cao học (thạc sĩ, tiến sĩ), tuy nhiên gần đây cũng xuất hiện thêm các "Trường đại học cao học" chỉ nhận đào tạo sau đại học. Tùy theo từng cơ quan thành lập mà các trường đại học ở Hàn Quốc sẽ chia thành đại học công lập do Chính phủ thành lập, đại học công lập do địa phương thành lập, và các trường đại học tư lập, dân lập (Tổ chức phi chính phủ)

Để đảm bảo chất lượng giáo dục của các trường đại học, Bộ giáo dục sẽ đưa ra các điều kiện về giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, học vị. Theo đó, tất cả các trường đại học tư lập sau khi thỏa mãn các điều kiện về cơ sở vật chất mà Bộ giáo dục Giáo dục Khoa học kĩ thuật yêu cầu sẽ được cấp phép thành lập và trở thành cơ sở giáo dục bậc cao.

Nhằm đẩy mạnh giao lưu hợp tác quốc tế và tăng cường năng lực cạnh tranh Quốc tế, Bộ giáo dục cũng như các trường đại học Hàn Quốc đang tích cực trong việc thu hút sinh viên nước ngoài. Đến năm 2019, Hàn Quốc có khoảng 160.000 sinh viên quốc tế, trong đó có khoảng 100.000 sinh viên đang theo học bậc đại học.

A. Đại học

Chương trình đào tạo của trường đại học như sau

Học kỳ chính	Chương trình học các lớp chính quy với kỳ học chính là vào mùa xuân và mùa thu, tương tự với sinh viên Hàn Quốc. Giáo trình giảng dạy bằng tiếng Hàn và bằng tiếng nước ngoài. Nhận bằng cử nhân sau khi tốt nghiệp.
Chương trình sinh viên trao đổi	Hầu hết các trường đại học ở Hàn Quốc sẽ dựa theo các ký kết hợp tác với các trường đại học ở nước ngoài để trao đổi sinh viên, và cũng có các chính sách về sinh viên trao đổi trong thời gian học tập ở nước ngoài. Sinh viên mong muốn được tham gia chương trình trao đổi phải có điểm số và năng lực ngoại ngữ nhất định
Học kỳ hè (hoặc đông)	Sinh viên quốc tế có thể học các lớp học vào học ký hè hoặc đông bao gồm cả học môn chính hoặc học tiếng Hàn
Chương trình học hoàn toàn bằng tiếng Anh	Hiện nay một số trường quan tâm đến việc quốc tế hóa đào tạo đang có chương trình giảng dạy với khoảng 30% chương trình học bằng tiếng Anh. Hệ cao học có các lớp học bằng tiếng Anh nhiều hơn so với hệ đại học. Có nhiều trường thành lập khoa quốc tế và giảng dạy tất cả các khóa học bằng tiếng Anh
Khóa học tiếng Hàn	Nhiều trường đại học thành lập các trung tâm học tiếng và mở các khóa học tiếng Hàn dành cho sinh viên nước ngoài. Các khóa học đào tạo tập trung ngắn hạn từ 3 ~ 4 tuần nhằm mục đích nâng cao khả năng giao tiếp trong thời gian ngắn. Các khóa học chính quy từ 10 ~ 40 tuần nhằm mục đích nâng cao năng lực giao tiếp thông qua các hoạt động đời sống thực tế, kết hợp song song với lớp học văn hóa, bằng việc mở rộng kiến thức về văn hóa Hàn Quốc để nâng cao hiệu quả đào tạo.

B. Cao học

Các trường cao học của Hàn Quốc được chia thành trường cao học thường nhằm mục đích nghiên cứu học thuật và trường cao học chuyên ngành với trọng tâm nghiên cứu nghiệp vụ.

Thời gian học của chương trình thạc sĩ tối thiểu là 2 năm. Thông thường, số tín chỉ cần học là 24 tín. Sinh viên mong muốn tốt nghiệp thạc sĩ sẽ phải tích lũy đủ tín chỉ, vượt qua các kỳ thi đã được chỉ định, viết và bảo vệ luận văn tốt nghiệp trước hội đồng 3 người trở lên.

Thời gian học của chương trình tiến sĩ tối thiểu là 3 năm. Thông thường, số tín chỉ cần học là 36 tín. Sinh viên mong muốn tốt nghiệp tiến sĩ sẽ phải tích lũy đủ tín chỉ, vượt qua các kỳ thi đã được chỉ định, viết và bảo vệ luận văn tốt nghiệp trước hội đồng 5 người trở lên.

Hệ sau tiến sĩ là quá trình tiếp tục nghiên cứu sau khi đã tốt nghiệp tiến sĩ. Hiện nay rất nhiều trường đại học mời các viện nghiên cứu sau tiến sĩ thực hiện các dự án nghiên cứu để triển khai dự án BK21.

C. Nhập học đại học, cao học

(1) Thủ tục nhập học đối với sinh viên nước ngoài

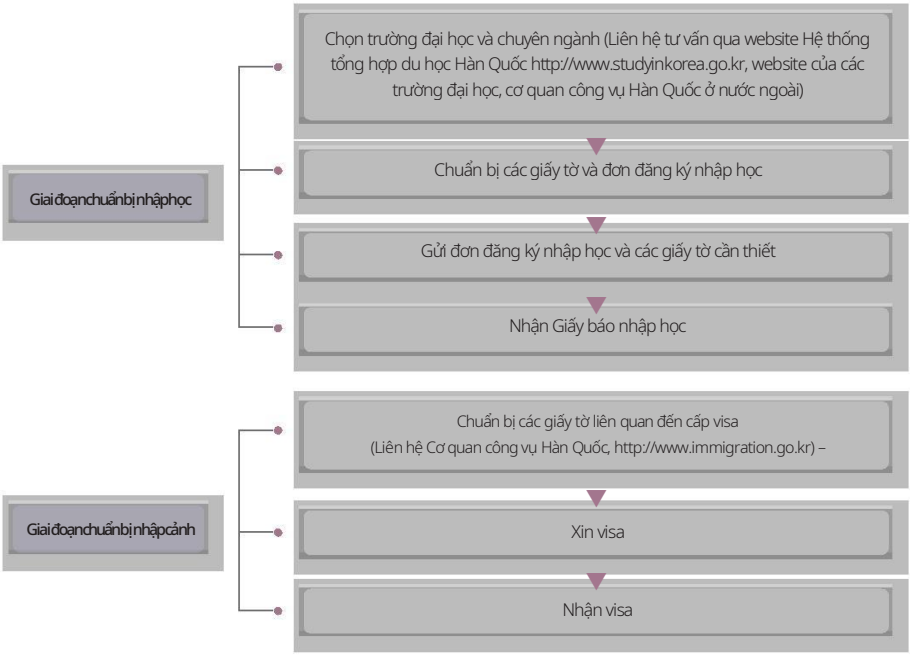

(2) Giấy tờ cần thiết

* Đơn đăng ký (chứng nhận) cấp thị thực
* Giấy đăng ký kinh doanh của cơ sở giáo dục
* Giấy báo nhập học
* Giấy chứng minh quan hệ nhân thân
* Bằng cấp học lực cấp cao nhất
* Giấy chứng minh tài chính

※ Thời gian đăng ký, giấy tờ yêu cầu, hình thức tuyển sinh giữa các trường, các chuyên ngành có sự khác nhau nên nhất định phải tham khảo thêm trên thông báo tuyển sinh của trường mà mình ứng tuyển.

※ Tìm kiếm thông tin về trường và chuyên ngành khác tại http://www.studyinkorea.go.kr

※ Tùy theo từng loại giấy tờ (chủ yếu là Giấy chứng minh học lực cao nhất) có thể yêu cầu dịch thuật công chứng hoặc hợp thức hóa lãnh sự

* Chính sách hợp thức hóa lãnh sự: Là việc công nhận hợp thức văn bản giấy tờ được cấp ở một quốc gia khác. Trên thế giới hiện có 117 quốc gia (số liệu tháng 5/2019) đã gia nhập hiệp ước hợp thức hóa lãnh sự, Trung Quốc chưa gia nhập hiệp ước này (ngoại trừ Hongkong và Macao)
* https://www.apostille.go.kr/gb/app/appIndex.do

(3) Thời gian đăng ký

Từ tháng 11 ~ tháng 1 sẽ chuẩn bị đăng ký cho học kỳ mùa xuân năm sau (nhập học vào tháng 3), từ tháng 4 ~ tháng 6 sẽ chuẩn bị đăng ký cho học kỳ mùa thu (nhập học vào tháng 9). Hiện nay hầu hết các phương pháp đăng ký đều thông qua Internet.

Nhập học hệ đại học sẽ chia thành nhập học mới và học chuyển tiếp. Đối với nhập học mới, sinh viên tốt nghiệp cấp trung học phổ thông trở lên có thể đăng ký, còn đối với học chuyển tiếp, sinh viên đang theo học đại học trong một khoảng thời gian nhất định theo yêu cầu hoặc đã tốt nghiệp trường cao đẳng có thể đăng ký.

(4) Cách tuyển sinh

Hầu hết các trường đại học đều tuyển sinh chủ yếu bằng hình thức chọn lọc hồ sơ, một số trường tiến hành phỏng vấn hoặc thi. Sinh viên nên tìm hiểu trước cách tuyển sinh của trường đại học mà mình muốn đăng ký.

(5) Thuật ngữ và nội dung thường dùng trong trường đại học ở Hàn Quốc

Đăng ký môn học	Đăng ký môn học trước khi bắt đầu kỳ học mới
Đánh giá môn học	Đánh giá môn học của giảng viên ở cuối mỗi học kỳ
Học kỳ hè (hoặc đông)	Lớp học học trong khoảng một tháng trong thời gian nghỉ hè (hoặc đông), chủ yếu đăng ký để bổ sung tín chỉ
Bảo lưu (Đăng ký)	Nghỉ học trong một thời gian và có sự đồng ý của trường (Trường hợp sinh viên quốc tế phải rời khỏi Hàn Quốc trong vòng 15 ngày kể từ ngày xin bảo lưu)
Quay lại học (Đăng kí)	Học sinh đang bảo lưu quay trở lại trường học
Cảnh cáo học vụ	Nếu điểm trung bình mỗi cuối học kỳ chỉ từ 1.5 ~ 2.0 đối với hệ 4.5 hoặc dưới mức điểm tiêu chuẩn của mỗi trường thì sẽ bị trường cảnh cáo, nếu quá 3 lần sẽ bị đình chỉ học (sẽ gặp bất lợi khi gia hạn visa)
Chuyển chuyên ngành	Chuyển chuyên ngành có sự đồng ý của trường học
Chuyên ngành kép/ Chuyên ngành phụ	Nếu đăng ký/ hoàn thành số tín chỉ quy định của một chuyên ngành khác (của khoa, bộ môn) ngoài chuyên ngành chính khi nhập học thì có thể công nhận hoàn thành cả hai chuyên ngành Khi tốt nghiệp sẽ được công nhận là bằng kép
Môn học hoàn toàn bằng tiếng Anh	Môn học được học và thi hoàn toàn bằng tiếng Anh 100% Gần đây, ở nhiều trường đại học các môn học hoàn toàn bằng tiếng Anh đăng tăng dần, ở những trường đại học lớn, mỗi học kỳ mở hơn 100 môn học bằng tiếng Anh nên có thể theo học mà không gặp nhiều khó khăn
Đình chỉ học	Xóa học bạ tại trường học tùy theo từng lý do khác nhau
Thôi học	Tự bản thân học sinh thôi học vì lý do cá nhân

D. Học phí

Để có thể chuẩn bị du học tốt nhất, sinh viên cần cân nhắc mức học phí để lựa chọn trường học và chuyên ngành. Các trường công lập nhận được nguồn tài chính từ chính phủ Hàn Quốc nên tiền học phí sẽ rẻ hơn so với các trường tư lập. Học phí mỗi trường đại học sẽ có sự khác nhau nên sinh viên cần phải tìm hiểu trước mức học phí của trường mà mình muốn theo học

• Học phí

Chương trình học	Khối ngành	Học phí (USD, tiêu chuẩn 1 năm)
Cao đẳng	Xã hội nhân văn	$1,420 ~ $6,020
	Khoa học tự nhiên	$1,720 ~ $6,200
	Năng khiếu nghệ thuật	$1,650 ~ $7,000
	Khoa học kĩ thuật	$1,650 ~ $6,020
	Trường Y	-
Đại học	Xã hội nhân văn	$1,520 ~ $7,320
	Khoa học tự nhiên	$1,780 ~ $7,930
	Năng khiếu nghệ thuật	$1,800 ~ $8,580
	Khoa học kĩ thuật	$1,780 ~ $8,450
	Trường Y	$4,850 ~ $11,160
Cao học	Xã hội nhân văn	$1,220 ~ $11,800
	Khoa học tự nhiên	$1,410 ~ $8,270
	Năng khiếu nghệ thuật	$1,500 ~ $6,390
	Khoa học kĩ thuật	$1,500 ~ $8,620
	Trường Y	$2,380 ~ $10,580
Phí đăng ký	$26 ~ $242	

※ Web tham khảo: Higher Education in Korea (http://www.academyinfo.go.kr)

Để chuẩn bị tốt nhất cho cuộc sống du học, ngoài tiền học phí sinh viên nên quan tâm đến các chi phí khác liên quan đến cuộc sống du học (phí đăng ký khóa học tiếng Hàn, tiền giáo trình, tiền ký túc xá, tiền sinh hoạt phí). Ngoài học phí, sau đây là những chi phí mà sinh viên nên cân nhắc

• Phí sinh hoạt

Tên	Chi phí dự tính (USD)
Tiền ký túc xá	$420~$1,550 (1 học kỳ) ※ Tùy theo có bao gồm tiền ăn hay không mà tiền ký túc xá có thể thay đổi
Tiền ăn	Khoảng $300~$400/ tháng ※ Một bữa ăn tại nhà ăn của trường: $3.2~
Bảo hiểm y tế	Khoảng $20/ tháng~
Phí giao thông	- Vé xe buýt: $1.0 ~ $1.2 - Vé tàu điện ngầm: $1.1 ~ $2.5
Phí Internet	Khoảng $20/ tháng

※ Chi phí khác có thể thay đổi tùy theo từng trường, chi tiết liên hệ với trường mà mình đăng ký

E. Học bổng

(1) Học bổng theo trường đại học

Nhiều trường đại học Hàn Quốc đang có các chương trình học bổng dành cho sinh viên nước ngoài. Hầu hết các trường đại học đều hỗ trợ học bổng cho sinh viên nước ngoài từ 30% ~ 100% tùy theo thành tích điểm, có thể tìm kiếm học bổng qua trang web của các trường hoặc tại http://www.studyinkorea.go.kr

(2) Học bổng chính phủ Hàn Quốc

Các bộ ban ngành của Chính phủ Hàn Quốc đang triển khai các chương trình học bổng dành cho sinh viên nước ngoài và tăng dần số lượng sinh viên nhận học bổng qua mỗi năm. Hiện tại Bộ giáo dục, Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch, Bộ ngoại giao đều có những chương trình học bổng cho sinh viên nước ngoài

1) Bộ Giáo dục: Học bổng Chính phủ Hàn Quốc (http://www.studyinkorea.go.kr)

• Học sinh nhận học bổng chính phủ Hàn Quốc hệ cao học

Đối tượng	Tất cả các nước có quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc (có thể thay đổi số lượng quốc gia)
Lĩnh vực cấp học bổng	Tất cả mọi lĩnh vực
Hệ đào tạo và thời gian	Học tiếng Hàn (1 năm), Thạc sĩ (2 năm), Tiến sĩ (3 năm)
Nội dung học bổng	Vé máy bay, phí ổn định cuộc sống, sinh hoạt phí (1.000.000 won/tháng), bảo hiểm y tế, khóa học tiếng Hàn, học phí, phí nghiên cứu, phí in luận văn, phí chuẩn bị hồi hương.
Số lượng sinh viên	1.000 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 2 hàng năm

• Học sinh nhận học bổng chính phủ Hàn Quốc hệ đại học

Đối tượng	Tất cả các nước có quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc (có thể thay đổi số lượng quốc gia)
Lĩnh vực cấp học bổng	Tất cả mọi lĩnh vực
Hệ đào tạo và thời gian	Học tiếng Hàn (1 năm), Đại học (4 năm)
Nội dung học bổng	Vé máy bay, phí ổn định cuộc sống, sinh hoạt phí (900.000 won/tháng), bảo hiểm y tế, khóa học tiếng Hàn, học phí, phí chuẩn bị hồi hương.
Số lượng sinh viên	Khoảng 185 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 9 hàng năm

• Sinh viên nhận học bổng chính phủ Hàn Quốc hệ cao đẳng

Đối tượng	Tất cả các nước có quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc (có thể thay đổi số lượng quốc gia)
Lĩnh vực cấp học bổng	Tất cả mọi lĩnh vực
Hệ đào tạo và thời gian	Học tiếng Hàn (1 năm), Cao đẳng (2 năm)
Nội dung học bổng	Vé máy bay, phí ổn định cuộc sống, sinh hoạt phí (900.000 won/tháng), bảo hiểm y tế, khóa học tiếng Hàn, học phí, phí chuẩn bị hồi hương.
Số lượng sinh viên	35 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 9 hàng năm

• Hỗ trợ sinh viên du học tự túc có thành tích xuất sắc

Đối tượng	Những sinh viên du học hệ cao đẳng hoặc đại học ở Hàn Quốc trên 1 năm
Lĩnh vực cấp học bổng	Tất cả mọi lĩnh vực
Hệ đào tạo và thời gian	10 tháng (từ tháng 3-12)
Nội dung học bổng	Sinh hoạt phí (500.000won/tháng), hướng dẫn định hướng và xin việc
Số lượng sinh viên	200 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 2 (liên hệ người phụ trách du học sinh tại trường đại học của mình)

• Hỗ trợ học sinh trao đổi có thành tích xuất sắc

Đối tượng	Sinh viên quốc tế có thành tích xuất sắc (sinh viên hệ đại học hoặc thạc sĩ)
Lĩnh vực cấp học bổng	Tất cả mọi lĩnh vực
Hệ đào tạo và thời gian	4 tháng hoặc 10 tháng
Nội dung học bổng	Sinh hoạt phí (500.000won/tháng), phí ổn định cuộc sống (200.000won/1 lần), vé máy bay khứ hồi, bảo hiểm y tế.
Số lượng sinh viên	250 người
Thời gian nhận hồ sơ	Liên hệ bộ phận hợp tác quốc tế ở các trường đại học

• Học bổng ngắn hạn dành cho sinh viên đại học Châu Phi, Trung Nam Mĩ

Đối tượng	Sinh viên đại học năm 2 trở lên ở các nước Châu Phi, Trung Nam Mĩ
Lĩnh vực cấp học bổng	Chuyên ngành mà cơ quan đào tạo (các trường đại học) cấp
Hệ đào tạo và thời gian	5 tuần (khoảng tháng 7~8)
Nội dung học bổng	Vé máy bay, ký túc xá, bảo hiểm, chi phí theo học khóa đào tạo
Số lượng sinh viên	80 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 3~4

• Học bổng ngắn hạn dành cho sinh viên đại học các nước ASEAN

Đối tượng	Sinh viên đại học năm 2 trở lên của 10 nước ASEAN
Lĩnh vực cấp học bổng	Tùy theo ngành mà các cơ quan đào tạo (các trường đại học Hàn Quốc) cấp
Hệ đào tạo và thời gian	5 tuần (khoảng tháng 7 ~ 8)
Nội dung học bổng	Vé máy bay, chi phí ăn ở, bảo hiểm, chi phí theo học khóa đào tạo
Số lượng sinh viên	200 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 4~5

• Học bổng ngắn hạn cho một số quốc gia

Đối tượng	Sinh viên xuất sắc của các trường đại học hợp tác với Hàn Quốc và các trường có lớp tiếng Hàn
Lĩnh vực cấp học bổng	Tất cả mọi lĩnh vực
Hệ đào tạo và thời gian	11 ngày (vào tháng 7)
Nội dung học bổng	Học và trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc
Số lượng sinh viên	Khoảng 120 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 3~4

• Học bổng ngắn hạn dành cho sinh viên đại học các nước Trung Á

Đối tượng	Sinh viên đại học năm 2 trở lên các nước Trung Á
Lĩnh vực cấp học bổng	Tùy theo ngành mà các cơ quan đào tạo (các trường đại học Hàn Quốc) cấp
Hệ đào tạo và thời gian	5 tuần (khoảng tháng 7~8)
Nội dung học bổng	Vé máy bay, chi phí ăn ở, bảo hiểm, chi phí theo học khóa đào tạo
Số lượng sinh viên	80 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 4~5

2) Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch: Sinh viên nhận học bổng tài năng nghệ thuật Châu Á (AMA) (http://www.karts.ac.kr)

Đối tượng	Sinh viên tài năng nghệ thuật ở các nước Châu Á (20 quốc gia)
Lĩnh vực cấp học bổng	Lĩnh vực nghệ thuật (Âm nhạc, vũ đạo, hội họa, kịch, nghệ thuật truyền thống)
Hệ đào tạo và thời gian	Đại học và cao học
Nội dung học bổng	Học phí, sinh hoạt phí 800.000won/tháng, vé máy bay, bảo hiểm y tế
Số lượng sinh viên	00 người
Thời gian nhận hồ sơ	Tháng 2~5

3) Bộ Ngoại giao: Quỹ nghiên cứu sau tiến sĩ (http://www.kf.or.kr)

Đối tượng	Học giả nước ngoài mới tốt nghiệp tiến sĩ có chủ đề liên quan đến Hàn Quốc
Lĩnh vực cấp học bổng	Những người tốt nghiệp tiến sĩ trong lĩnh vực khoa học xã hội/ nhân văn, văn hóa/ nghệ thuật
Hệ đào tạo và thời gian	12 tháng
Nội dung học bổng	Phí nghiên cứu hàng năm (quỹ học bổng sẽ quyết định theo chi phí thực cần thiết)
Số lượng sinh viên	Mỗi năm không quá 10 người
Thời gian nhận hồ sơ	Thời gian khác nhau tùy theo từng khu vực (Bắc Mĩ, Châu Âu, Châu Đại Dương)

(3) Các học bổng khác

Tên cơ quan	Tên học bổng	Trang chủ
Daewoong Foundation	Daewoong School	http://daewoongfoundation.or.kr
Rotary Club	Học bổng Rotary	http://www.rotarykorea.org
Samsung Dream Scholarship	Học bổng ước mơ toàn cầu Samsung	http://www.sdream.or.kr
Alpha Mall	Học bổng bút chì	http://www.pensaf.or.kr
Lee & Won Foundation	Lee & Won Asia Fellowship	http://www.leewonfoundation.org
Posco Cheongam	Posco Asia Fellowship	https://www.postf.org
Hansaeyes24 Foundation	Học bổng sinh viên quốc tế	http://www.hansaeyes24foundation.com
KASAN Cultural Foundation	KASAN Global Scholarship	

3 Giáo dục tiểu học trung học

Nếu đưa cả con cái sang Hàn Quốc, người học có thể lựa chọn 1 trong 3 phương pháp giáo dục dưới đây

A. Trường Hàn Quốc thông thường

Thông thường người nước ngoài nói trôi chảy tiếng Hàn cũng có thể theo học ở trường của Hàn Quốc. Cần liên hệ với Sở giáo dục nơi mình cư trú về thông tin liên quan đến điều kiện nhập học. Ở Hàn Quốc cũng có các trường công lập và trường tư. Trường tiểu học công lập ở Hàn Quốc thường được miễn học phí (chưa bao gồm tiền ăn và các chi phí hoạt động ngoại khóa khác). Trường tiểu học tư phải đóng học phí cao hơn so với trường tiểu học công lập. Tuy nhiên, học phí ở cấp trường trung học cơ sở và trung học phổ thông công lập và tư lập lại không có sự khác biệt quá lớn.

B. Trường quốc tế/ dành cho người nước ngoài

Hầu hết những người nước ngoài đang sống ở Hàn Quốc thường chi trả khoảng từ 19 triệu ~ 38 triệu won một năm cho con em mình. Nếu là trường quốc tế dạy bằng tiếng Anh thường sẽ theo chương trình đào tạo của Anh hoặc Mĩ. Nếu muốn được học hệ đào tạo đặc biệt, cần tìm hiểu trước về chương trình đào tạo và phương tiện cơ sở vật chất của trường mà mình định đăng ký

Phần 3 Cuộc sống du học ở Hàn Quốc

1 Quản lý việc xuất nhập cảnh sau khi đã đến Hàn Quốc

A. Đăng ký người nước ngoài

(1) Đối tượng đăng ký người nước ngoài

- Người nước ngoài lưu trú tại Hàn Quốc trên 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh
- Người mất quốc tịch Hàn Quốc đã đổi sang quốc tịch khác hoặc người nước ngoài sinh ra tại Hàn Quốc có thời gian lưu trú ở Hàn Quốc trên 90 ngày kể từ ngày nhận tư cách lưu trú.
- Trường hợp không phải đăng ký người nước ngoài: những người sau đây được miễn không phải đăng ký người nước ngoài
  - Visa ngoại giao, công vụ, hợp tác (A-1, A-2, A-3)
  - Người đang làm nhiệm vụ quan trọng ở lĩnh vực ngoại giao, công nghiệp, quốc phòng và gia đình của họ, người nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận đặc biệt cần miễn đăng ký người nước ngoài.
  - Công dân Canada nhập cảnh không cần thị thực và lưu trú dưới 6 tháng

(2) Thời gian đăng ký người nước ngoài

- Người nước ngoài lưu trú trên 90 ngày tại Hàn Quốc → trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhập cảnh
- Người nước ngoài được cấp hoặc được phép thay đổi tư cách lưu trú → kể từ ngày được cấp phép (ngay lập tức)

  ※ Ví dụ: Trong trường hợp công dân Canada visa B-2 (thông hành du lịch) thay đổi tư cách lưu trú sau 5 tháng lưu trú nếu muốn đăng ký thay đổi tư cách lưu trú thì phải đăng ký người nước ngoài ở thời điểm đăng ký thay đổi tư cách lưu trú

Quy trình đăng kí thẻ người nước ngoài

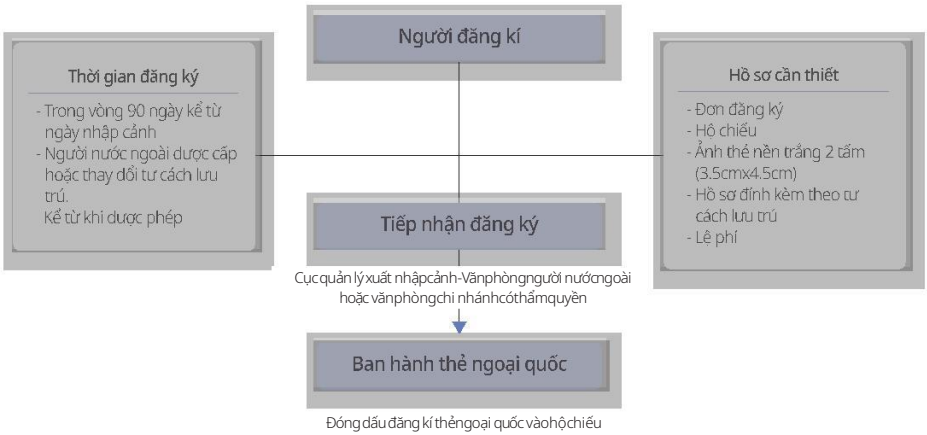

(3) Giấy tờ chung cần nộp

- Hộ chiếu
- Đơn đăng ký
- 1 ảnh màu (3.5cm×4.5cm)
- Lệ phí (miễn với visa đầu tư doanh nghiệp (D-8))
- Giấy tờ chứng minh nơi ở (Hợp đồng thuê nhà, Giấy xác nhận chỗ ở, Thông báo hết hạn lưu trú, Hóa đơn nộp chi phí công cộng

B. Khai báo thay đổi nội dung đăng ký người nước ngoài

(1) Khai báo thay đổi nội dung đăng ký người nước ngoài

Người nước ngoài đã đăng ký người nước ngoài khi phát sinh lý do như dưới đây thì phải khai báo thay đổi nội dung đăng ký người nước ngoài ở Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh tương ứng trong vòng 14 ngày kể từ ngày phát sinh lý do khai báo

(2) Lý do khai báo thay đổi nội dung đăng ký người nước ngoài

- Trường hợp thay đổi tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch
- Trường hợp thay đổi số hộ chiếu, ngày cấp, thời hạn hộ chiếu
- Trường hợp người nước ngoài theo diện visa văn hóa nghệ thuật (D-1), du học (D-2), nghiên cứu thông thường (D-4), phóng viên (D-5), tôn giáo (D-6), lưu trú dài hạn (D-7), đầu tư doanh nghiệp (D-8), kinh doanh thương mại (D-9) hoặc khi thay đổi cơ quan công tác (kể cả đổi tên cơ quan)

(3) Cách khai báo thay đổi nội dung đăng ký người nước ngoài

Cá nhân hoặc người đại diện phải chuẩn bị các giấy tờ cần thiết để khai báo tại Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh

(4) Giấy tờ cần nộp khi khai báo thay đổi nội dung đăng ký người nước ngoài

- Hộ chiếu và thẻ đăng kí người nước ngoài
- Đơn khai báo thay đổi nội dung đăng ký người nước ngoài

(5) Hạng mục tham khảo

Nếu người ngoại quốc đã đăng ký người nước ngoài không khai báo với Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh trong vòng 14 ngày kể từ ngày thay đổi thông tin đăng ký người nước ngoài thì sẽ phải nộp phạt theo Điều 35 Luật quản lý xuất nhập cảnh

C. Thay đổi tư cách lưu trú

(1) Thay đổi tư cách lưu trú là gì?

Là trường hợp người nước ngoài lưu trú tại Hàn Quốc đã kết thúc hoạt động ở diện visa lưu trú hiện tại và chuyển sang hoạt động với một tư cách lưu trú khác

Trình tự thay đổi tư cách lưu trú

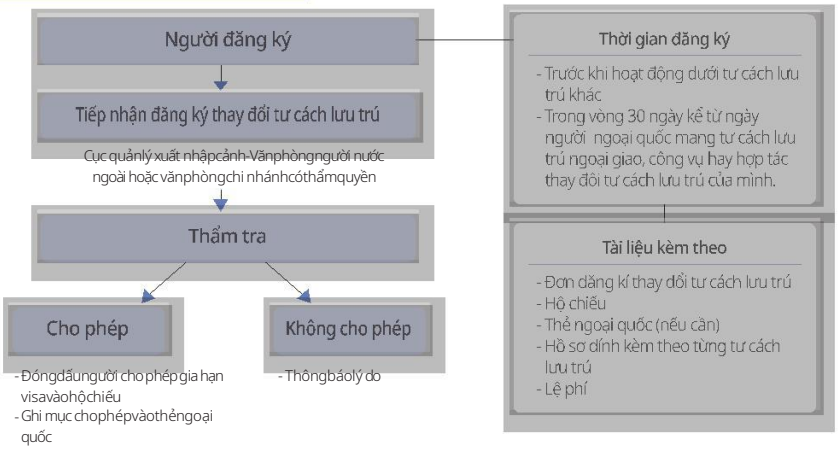

D. Gia hạn thời gian lưu trú

(1) Gia hạn thời gian lưu trú là gì?

Người nước ngoài đã quá thời gian cho phép lưu trú trước đó và dự định tiếp tục ở Hàn Quốc phải gia hạn thời gian lưu trú

Trình tự thay đổi tư cách lưu trú

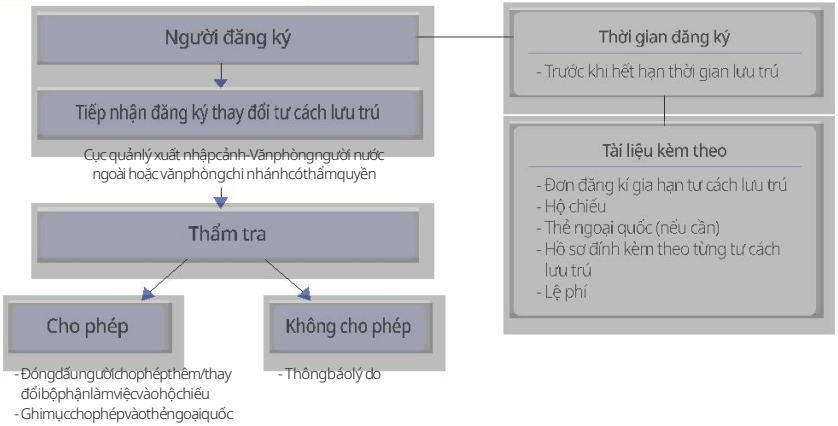

(2) Ví dụ gia hạn thời gian lưu trú của visa D2 và visa D4

• Du học (D-2)

A. Nguyên tắc cơ bản

Gia hạn thời gian lưu trú sau khi cân nhắc lịch trình học tập

- Visa du học (từ D-2-1 đến D-2-6)
  - Khi đăng Khi người nước ngoài: cấp thẻ đăng ký sau khi cho hạn đến cuối tháng 3 hoặc cuối tháng 9 năm sau
  - Khi thay đổi/ gia hạn: cho phép đến cuối tháng 3 hoặc cuối tháng 9 trong vòng 2 năm tới

Không công nhận nghỉ tạm thời để làm việc nhà

- Hạn chế gia hạn thời gian lưu trú cho người dừng việc học (bảo lưu) vì không đạt đủ tín chỉ
- Tuy nhiên, trường hợp có những lý do bất đắc dĩ như bị bệnh, tai nạn... là trường hợp ngoại lệ có thể thay đổi tư cách lưu trú phù hợp

B. Giấy tờ cần nộp

- Đơn đăng ký, hộ chiếu, thẻ đăng kí người nước ngoài, lệ phí
- Giấy chứng minh đang đi học (nghiên cứu)
  - (Ví dụ) Giấy chứng nhận sinh viên, giấy chứng nhận gia hạn sinh viên trao đổi, Giấy chứng nhận nghiên cứu sinh
- Giấy tờ chứng minh đang học tập bình thường
  - (Ví dụ) Bảng điểm, Giấy xác nhận chuyên cần
- Giấy chứng minh tài chính
- Thông báo khai giảng (có ghi lịch trình học tập) hoặc kế hoạch học tập (đối với học sinh học tiếng Hàn Quốc)
- Giấy tờ chứng minh nơi ở (Hợp đồng thuê nhà, Giấy xác nhận chỗ ở, Thư thông báo hết hạn lưu trú, Hóa đơn nộp chi phí công cộng, Hóa đơn kí túc xá...)

• Nghiên cứu thông thường (D-4)

Cho phép gia hạn thời gian lưu trú đối với sinh viên học tiếng (D-4-1, D-4-7)

A. Nguyên tắc cơ bản

Không công nhận nghỉ để làm việc nhà

- Hạn chế gia hạn thời gian lưu trú cho người dừng việc học (bảo lưu) vì lý do cá nhân và không đạt đủ tín chỉ.
- Tuy nhiên, trường hợp có những lý do bất đắc dĩ như bị bệnh, tai nạn, là trường hợp ngoại lệ có thể thay đổi tư cách lưu trú phù hợp

Cho điểm cộng đối với sinh viên của các trường đại học được chứng nhận

- (Đối tượng) Sinh viên của các trường được chứng nhận đạt điểm trung bình (điểm tích lũy tín chỉ) từ C trở lên (điểm trung bình 2.0 trở lên)
- (Giấy tờ cần nộp) Không theo nguyên tắc bắt buộc
  - Thay bằng xác nhận thông tin học tập trên FIMS sẽ bỏ Giấy chứng minh tài chính

Tăng cường xét duyệt đối với sinh viên của các trường đại học không được chứng nhận

- (Đối tượng) Sinh viên của các trường không được chứng nhận tin cậy có điểm trung bình (điểm tích lũy tín chỉ) dưới điểm D (điểm trung bình dưới 1.0)
- (Giấy tờ cần nộp) Sử dụng thông tin học tập trên FIMS (về tín chỉ, có đang đi học không), Giấy chứng minh tài chính. Khuyến khích gia hạn online hoặc thông qua người phụ trách du học sinh của trường (phương án giảm thiểu tắc nghẽn)
- (Đối tượng) Sinh viên không phải là đối tượng đến gia hạn trực tiếp như sinh viên của các trường được chứng nhận
- (Ví dụ đăng ký)
  - Đăng ký online: bản thân du học sinh hoặc người phụ trách du học sinh
    ※ Trong trường hợp là người phụ trách du học sinh đăng kí, đăng ký thì có thể đăng ký cho tối đa 8 người 1 lần
  - Đăng ký trực tiếp: bản thân du học sinh hoặc người phụ trách du học sinh

B. Giấy tờ cần nộp

- Đơn đăng ký, hộ chiếu, thẻ đăng ký người nước ngoài, lệ phí
- Giấy tờ chứng minh đang đi học – ví dụ Giấy chứng nhận sinh viên, Giấy chứng nhận gia hạn sinh viên trao đổi, Giấy chứng nhận nghiên cứu sinh
- Giấy tờ chứng minh đang học tập bình thường – ví dụ Bảng điểm, Giấy xác nhận chuyên cần...
- Giấy chứng minh tài chính
- Thông báo tuyển sinh (có ghi lịch trình học tập) hoặc kế hoạch học tập (đối với học sinh học tiếng Hàn Quốc)
- Giấy tờ chứng minh nơi ở (Hợp đồng thuê nhà, Giấy xác nhận chỗ ở, Thư thông báo hết hạn lưu trú, Hóa đơn nộp chi phí công cộng, Hóa đơn kí túc xá...)
- Chứng nhận đóng bảo hiểm du học sinh hoặc Chứng nhận đóng bảo hiểm y tế quốc dân (đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)

  ※ Phải kiểm tra kĩ giấy tờ cần nộp tùy theo từng loại visa lưu trú. Tùy theo trường hợp của người đăng ký mà có thể thêm hoặc bớt giấy tờ cần nộp
  ※ Nguồn: Hi Korea (http://www.hikorea.go.kr)

2 Cư trú

Sau khi quyết tâm đến Hàn Quốc du học, việc đầu tiên mà mỗi sinh viên phải quyết định tiếp theo là chọn trường và chọn nơi ở. Kí túc xá cũng là một trong những lựa chọn mà sinh viên căn cứ để lựa chọn trường học. Nếu không muốn ở ký túc xá có thể lựa chọn ở trọ riêng hoặc ở trọ cùng với chủ nhà

A. Ký túc xá

Hầu hết tất cả các trường đại học ở Hàn Quốc đều có ký túc xá và cũng có ký túc xá dành riêng cho sinh viên quốc tế. Để có thể ở ký túc xá, cần phải chuẩn bị các giấy tờ sau đây. Tùy theo trường sẽ có sự khác nhau, nên cần tham khảo thông tin trên trang chủ của trường trước khi đăng ký.

(1) Thời gian đăng ký: tháng 2/ học kỳ 1, tháng 8/ học kỳ 2

(2) Hồ sơ đăng ký: Đơn đăng ký ký túc xá người ngoại quốc (theo mẫu có sẵn)

(3) Các loại phòng: tiêu chuẩn là phòng 2 người (hoặc phòng 1 người, 3 người, 4 người)

(4) Phí ký túc xá: Một học kỳ khoảng 490,000~1,800,000 won

(5) Thời gian cư trú: 4~6 tháng (Phải đăng ký lại khi mỗi học kỳ mới bắt đầu)

(6) Lưu ý: Tuân thủ theo hướng dẫn của ký túc xá từng trường

B. Ở trọ cùng với chủ nhà

Trong trường hợp không tìm được ký túc xá, có thể chọn ở trọ cùng với chủ nhà. Điểm khác nhau giữa ở trọ riêng và ở trọ cùng với chủ nhà đó là, nếu ở trọ riêng sẽ phải tự nấu ăn , ngược lại nếu ở trọ cùng với chủ nhà thì chủ nhà sẽ chuẩn bị bữa ăn hàng ngày và học sinh có thể ăn tại nơi đã thống nhất trước (thường là khu bếp chung).

(1) Địa điểm: chủ yếu là gần các trường đại học

(2) Chi phí: 300.000 – 550.000 won (phí trong 1 tháng, khác nhau theo từng nơi)

(3) Bữa ăn: thường là 2 bữa/ ngày (bữa sáng, bữa tối)

(4) Cách tìm: tốt nhất là tự tìm xung quanh trường, tham khảo trên các diễn đàn tại trang chủ của trường đại học (cũng có trường hướng dẫn tại Phòng hợp tác quốc tế), Internet v.v...

(5) Hợp đồng: ký hợp đồng trực tiếp với chủ nhà

Tip Lưu ý khi tìm nhà trọ ở chung chủ

* Phòng trọ chỉ có phòng 2 người, hay có cả phòng 1 người/ phòng?
* Thời gian ăn sáng, ăn trưa, ăn tối là mấy giờ?
* Menu như thế nào?
* Sinh viên có thể sử dụng bếp không?
* Thiết bị nhà vệ sinh như thế nào?
* Nước có chảy tốt không?
* Bao nhiêu sinh viên cùng sử dụng chung một phòng vệ sinh?
* Máy giặt là dùng chung hay không?
* Đồ dùng trong phòng có những gì?
* Có được dùng Internet miễn phí không?

C. Nhà trọ luyện thi

Nếu chỉ tìm một chỗ ở để ngủ thì nhà trọ luyện thi cũng là một sự lựa chọn tốt. Nhà trọ luyện thi là một căn phòng nhỏ chỉ có một giường, một bàn học và có thể có thêm điều hòa. Máy giặt thường là dùng chung, vì có không gian bếp chung nên có thể nấu ăn, tuy nhiên phải tự chuẩn bị thức ăn cho mình. Ngoài ra an toàn và phòng ngừa hỏa hoạn cũng là yếu tố ưu tiên hàng đầu khi quyết định chọn nhà trọ luyện thi.

Có thể tìm thấy nhà trọ luyện thi ở bất cứ đâu xung quanh các trường đại học, Ở Seoul còn xuất hiện khu nhà trọ luyện thi ở phường Sillim và Noryangjin, ở đây có giá rẻ hơn so với những nơi khác. Dĩ nhiên tùy theo cơ sở vật chất và có thể nấu ăn hay không mà sẽ có nhiều mức giá khác nhau. Ít thì khoảng 300.000won một tháng, cũng có trường hợp trên 550.000 won một tháng.

D. Nhà trọ riêng

Nhà trọ riêng là loại hình cư trú chỉ có phòng ở, người thuê phải tự lo bữa ăn, giặt giũ. Tuy vậy, nếu muốn ở theo ý thích thì có thể chia theo loại phòng như sau.

(1) Cách tìm: có thể tìm qua văn phòng môi giới bất động sản, diễn đàn sinh viên của trường trang chủ hay các ứng dụng (App) bất động sản

(2) Các loại nhà trọ: phòng one-room, nhà riêng, căn hộ.

(3) Loại hình chi trả: theo tháng, đặt cọc 1 lần không mất tiền thuê tháng, kết hợp

(A) Theo tháng: trả tiền phòng theo từng tháng. Có thể trả kết hợp theo kiểu trả tiền phòng 10 tháng 1 lần hoặc có thể đặt cọc một khoản và trả tiền theo từng tháng một.

(B) Đặt cọc 1 lần không mất tiền thuê tháng: là hình thức không trả tiền theo tháng mà sẽ đưa cho chủ nhà một khoản tiền trong thời gian ký hợp đồng, sau khi hết hợp đồng kết thúc thì nhận lại khoản tiền đó. Thời gian hợp đồng thường là 2 năm

① Phòng one-room: phòng càng rộng, càng gần trường học và ga tàu điện ngầm thì càng đắt. Phòng đầy đủ đồ đạc sẽ được bố trí sẵn đồ dùng như bàn học, tủ quần áo, giường, máy giặt, tủ lạnh, điều hòa...

② Nhà riêng: hầu hết là một ngôi nhà độc lập hoặc một tầng trong tòa nhà nhiều tầng.

③ Căn hộ: trừ trường hợp là căn hộ cao cấp, chủ yếu là nhà gồm phòng khách và 2 phòng ngủ, ban công, phòng tắm...

④ Chung cư

(C) Dạng kết hợp: Thường là phòng one-room trả theo hình thức tiền đặt cọc + tiền thuê nhà theo tháng.

Cần tìm hiểu kĩ nhiều nơi và quyết định một cách thận trọng khi tìm phòng one-room, nhà riêng, căn hộ hay chung cư. Sử dụng các ứng dụng bất động sản có thể dễ dàng tìm hiểu được về loại phòng và các thông tin khác mà không cần phải đi lại nhiều

Tip Lưu ý khi tìm phòng one-room

* Phòng có những đồ đạc gì? (Điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, bàn học, giường...)
* Phí quản lý và chi phí tiện ích (phí sưởi, tiền điện, tiền nước...) mỗi tháng là bao nhiêu?
* Có Internet không?
* Kiểm tra vấn đề an toàn xem có lắp các thiết bị chống tội phạm, có CCTV quanh nhà không?
* Ánh sáng trong phòng như thế nào
* Áp lực nước của bồn cầu và bồn rửa mặt như thế nào?

• Phòng tư vấn Sở thuế 126

• Văn phòng hỗ trợ luật Hàn Quốc 132

• Tổng đài khai báo giao dịch bất động sản (Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng và Giao thông) 1588-0149

3 Giao thông

Có thể dễ dàng sử dụng phương tiện giao thông công cộng trên toàn Hàn Quốc. Dù có những thành phố lớn với dân số đông và nhiều xe cộ gây nên tình trạng giao thông phức tạp, nhưng phương tiện giao thông công cộng đang được thiết kế cực kỳ tiện lợi với hệ thống hiện đại và rõ ràng. Có nhiều tuyến xe buýt trải rộng trên nhiều tỉnh thành. Lần đầu tiên sử dụng xe buýt có thể sẽ thấy hơi phức tạp, nhưng sau khi hiểu hơn sẽ thấy đây là phương tiện đi lại cực kỳ tiện lợi. Ở Seoul, xe buýt có làn đường riêng nên bớt bị ảnh hưởng bởi tắc đường.

Ngoài ra ở các thành phố lớn có thể di chuyển bằng tàu điện ngầm. Đây là phương tiện giao thông công cộng không những rẻ mà còn dễ dàng và thoải mái khi sử dụng do khoảng cách di chuyển giữa các ga tàu chỉ mất 2~3 phút. Trong giờ cao điểm, việc sử dụng tàu điện ngầm có thể tiết kiệm thời gian di chuyển hơn rất nhiều so với đi bằng xe buýt hay ô tô. Ở các thành phố nhỏ tuy quy mô nhỏ hơn nhưng hệ thống giao thông cũng đang được mở rộng.

Khi muốn di chuyển giữa các thành phố thì xe buýt đường dài và tàu cũng là một giải pháp tiện lợi.

A. Xe buýt

(1) Xe buýt nội thành

Ở hầu hết các thành phố, bất kể to hay nhỏ cũng đều có thể sử dụng xe buýt nội thành. Tuy nhiên mỗi khu vực có hệ thống vận hành khác nhau, số chuyến và cước phí cũng khác nhau. Điển hình như ở Seoul, vì số người sử dụng lớn nên có nhiều xe buýt hơn và nhiều chuyến hơn (tham khảo xe buýt nội thành Seoul). Cả những thành phố nhỏ hơn cũng đều được bố trí hệ thống xe buýt nội thành ở mọi ngóc ngách trong thành phố. Cước phí có sự khác nhau tùy theo khu vực, khoảng cách, độ tuổi nhưng nhìn chung dao động trong khoảng từ 1.200 ~ 2.300 won (bằng thẻ giao thông), một người trưởng thành khi sử dụng xe buýt nội thành mất khoảng 1.200 won (ở khu vực thủ đô). Có thể tham khảo thêm thông tin về xe buýt nội thành qua các trang dưới đây.

* Giao thông công cộng Seoul. http://bus.go.kr/
* Hệ thống quản lý thông tin xe buýt thành phố Incheon. http://bus.incheon.go.kr
* Hệ thống quản lý thông tin xe buýt thành phố Busan. http://bus.busan.go.kr/
* Thông tin xe buýt Daegu. http://businfo.daegu.go.kr/
* Thông tin vận hành xe buýt thành phố Gwangju. http://bus.gjcity.net/
* Trung tâm thông tin giao thông Daejeon. http://traffic.daejeon.go.kr
* Hệ thống thông tin giao thông thành phố tự trị Sejong. https://bis.sejong.go.kr
* Hệ thống thông tin xe buýt Jeju. http://bus.jeju.go.kr/
* Tham khảo: Bộ Hành chính và an toàn

※ Có thể dùng điện thoại để tìm kiếm nhanh chóng và dễ dàng các tuyến đường bằng cách tải các ứng dụng hướng dẫn giao thông mà mình thích trên điện thoại như kết nối mã QR, bản đồ Naver, bản đồ Daum, xe buýt thông minh toàn quốc, giao thông công cộng Seoul

• Các loại xe buýt nội thành Seoul

Hiện nay xe buýt nội thành Seoul bao gồm 6 loại: xe buýt tuyến chính, xe buýt tuyến phụ, xe buýt trung chuyển, xe buýt tuyến tỉnh, xe buýt đặt, xe buýt đêm, và bên cạnh đó là xe buýt sân bay

* Hoạt động và cách phân biệt của các loại xe buýt nội thành, cách phân biệt số hiệu tuyến xe

Phân loại xe bus		Khu vực vận hành	Phân biệt số hiệu tuyến xe
	Xe buýt tuyến chính (Xe màu xanh nước biển)	Vận hành ở ngoại thành và khu trung tâm	- Có 3 chữ số - Khu vực xuất phát + Khu vực điểm cuối + số thứ tự 1 chữ số
	Xe buýt tuyến phụ (Xe màu xanh lá cây)	Vận hành chuyển tiếp giữa xe buýt tuyến chính và tàu điện ngầm	- Có 4 chữ số - Khu vực xuất phát + Khu vực điểm cuối + số thứ tự 2 chữ số
	Xe buýt tuyến tỉnh (Xe màu đỏ)	Vận hành từ khu vực thủ đô tới trung tâm các thành phố	- Có 4 chữ số - 9 + khu vực xuất phát ở tỉnh Gyeonggi + số thứ tự 2 chữ số
	Xe buýt trung chuyển (Xe buýt màu vàng)	Trung chuyển ở khu trung tâm	- Có 2 chữ số - Số khu vực + số thứ tự

※ Nếu là khu vực khác ngoài Seoul, các loại xe buýt có thể khác đi ít nhiều nên cần kiểm tra hệ thống xe buýt của khu vực đó trước

※ Nguồn: Phụ trách tình nguyện công dân, Trung tâm tổng đài Dasan http://opengov.seoul.go.kr/civilappeal/2896400

(2) Xe buýt ngoại thành

Khi cần di chuyển đến các thành phố khác, xe buýt ngoại thành là một trong những phương tiện tiện lợi nhất. Xe buýt ngoại thành có 2 loại là xe buýt cao tốc và xe buýt liên tỉnh thường, xe buýt cao tốc chạy thẳng trên tuyến cao tốc nối hai tỉnh thành, còn xe buýt liên tỉnh thường chạy trên tất cả các tuyến đường như đường cao tốc, quốc lộ và có đi qua một vài tỉnh thành. Gần như mọi khu vực ở Hàn Quốc đều không mất quá 10 tiếng di chuyển, đa số đi mất khoảng 5 tiếng. Ở những thành phố lớn có những bến xe cao tốc lớn đi về nhiều tỉnh thành. Còn ở những thành phố nhỏ tần suất xe chạy ít hơn nên nếu có ý định đi du lịch tỉnh nên việc tìm hiểu trước thông tin đi lại cũng rất quan trọng. Đặc biệt, tuỳ từng vùng, từng công ty vận chuyển lại có cách mua vé khác nhau nên cần tìm hiểu trước qua mạng hay điện thoại tư vấn. Tùy theo từng nơi mà bến xe buýt cao tốc và bến xe buýt liên tỉnh thường có thể ở cùng một chỗ hoặc riêng biệt nên cần tìm hiểu trước khi đi.

• Thông tin bến xe buýt nội ngoại thành chủ yếu

Khu vực	Tên bến xe	Số điện thoại	Trang chủ
Seoul	Bến xe Đông Seoul	1688-5979	https://www.ti21.co.kr/
	~~Bến xe cao tốc Seoul~~	1688-4700	~~http://www.exterminal.co.kr/~~
	Bến xe trung tâm thành phố	02-6282-0114	~~http://www.shinsegaecentralcity.com/~~ terminal
	Bến xe phía Nam Seoul	1688-0540	http://www.nambuterminal.com/
Incheon	Bến xe tổng hợp Incheon	1666-7114	http://www.ictr.or.kr/
Daejeon	Bến xe tổng hợp Daejeon	1577-2259	http://www.djbusterminal.co.kr/
Daegu	Bến xe Đông Daegu (Trung tâm trung chuyển)	1666-3700	https://www.kobus.co.kr/
Gwangju	Bến xe tổng hợp Gwangju	062-360-8114	http://www.usquare.co.kr/
Ulsan	Bến xe cao tốc Ulsan	1688-7797	http://www.kobus.co.kr
Busan	Bến xe tổng hợp Busan	1577-9956	http://www.bxt.co.kr/

* Hệ thống bán vé tích hợp xe buýt liên tỉnh
https://txbus.t-money.co.kr/
App: Xe buýt liên tỉnh điện thoại

* Bustago
https://www.bustago.or.kr
App: Bán vé xe buýt liên tỉnh toàn quốc

B. Tàu điện ngầm

Các thành phố có hệ thống tàu điện ngầm ngoài khu vực thủ đô Seoul còn có Busan, Daegu, Gwangju, Daejeon. Khu vực thủ đô do dân cư tập trung nhiều nên tàu điện ngầm là phương tiện giao thông chính. Có nhiều tuyến tàu điện ngầm và có thể di chuyển đến hầu hết tất cả các khu vực chỉ bằng tàu điện ngầm. So với khu vực thủ đô các thành phố Busan, Daegu, Gwangju, Daejeon mặc dù hệ thống tàu điện ngầm nhỏ hơn nhưng đang mở rộng và lượng người sử dụng cũng ngày một tăng. Mặc dù hiện tại mới chỉ có 1 ~ 3 tuyến tàu điện ngầm nhưng do đang được xây dựng thêm nên sau này sẽ dần trở nên tiện nghi hơn.

(1) Tàu điện ngầm Seoul

Phương tiện di chuyển hiệu quả nhất ở Seoul là tàu điện ngầm. Sau khi tuyến tàu số 1 được mở vào năm 1974, hệ thống tàu điện ngầm ở Seoul đang tiếp tục được phát triển. Nhờ có 23 tuyến tàu điện ngầm nối tận mọi ngóc ngách Seoul mà chỉ đi tàu điện ngầm thôi người dân cũng có thể đến nơi mình muốn, không cần phải sử dụng xe buýt hay taxi. Mỗi tuyến tàu đều được phân biệt bởi một màu khác nhau, và mỗi ga đều được đánh dấu bằng mã 3 chữ số khác nhau nên rất dễ phân biệt. Chữ số đầu tiên chỉ tuyến tàu, hai chữ số sau chỉ số của ga tàu. Ví dụ mã số của ga Myeongdong là 424 có nghĩa là ở tuyến tàu số 4 và ga số 24. Hệ thống giao thông công cộng ở Seoul được vận hành bởi 3 công ty khác nhau (Seoul Metro, công ty đường sắt Hàn Quốc, công ty đường sắt thành phố) nên tàu và ga tàu có thiết kế hơi khác nhau. Tàu điện ngầm hoạt động từ 5h30 phút sáng đến nửa đêm. Thời gian di chuyển giữa các ga khoảng 2 ~ 3 phút, thời gian hoạt động có sự khác nhau tùy vào từng tuyến tàu nên hành khách nên kiểm tra trước thời gian.

(2) Hệ thống cước phí tàu điện ngầm

Ở Seoul và tỉnh Gyeonggi giá vé được tính theo tổng quãng đường di chuyển. Giá vé đối với một người lớn là 1.250 won với quãng đường dưới 10 km, quãng đường 10~50 km mỗi 5 km cộng thêm 100 won, nếu quãng đường trên 50 km mỗi 8 km cộng thêm 100 won (nếu sử dụng thẻ giao thông dùng 1 lần sẽ tăng thêm 100 won). Ngoài ra, người chưa thành niên được giảm 350 won so với giá thông thường và giảm thêm 20% (giá vé cơ bản là 720 won), trẻ em được giảm 350 won so với giá thông thường và giảm thêm 50% (giá vé cơ bản là 450 won). Có thể mua vé ở các quầy bán vé hoặc máy bán vé tự động.

Tip Cách sử dụng thẻ giao thông dùng một lần

1. Mua thẻ giao thông dùng một lần
Lựa chọn đích đến ở [Máy bán thẻ dùng một lần/ nạp tiền thẻ giao thông], sau đó nhét phí giao thông và tiền đặt cọc (500 won) vào và nhận thẻ giao thông dùng một lần.

* Mẫu thẻ giao thông dùng một lần

2. Lên và xuống các phương tiện công cộng
Đặt thẻ giao thông dùng một lần lên máy đọc thẻ ở phía bên phải

3. Nhận lại tiền đặt cọc
Sau khi xuống tàu, trả thẻ giao thông dùng một lần ở [Máy hoàn trả tiền đặt cọc và nhận lại tiền đặt cọc

※ Nguồn: Seoul Metro (http://www.seoulmetro.co.kr)

C. Taxi

Taxi ở Hàn Quốc không đắt và cũng rất dễ dàng sử dụng. Ở Seoul có 2 loại là taxi thường và taxi cao cấp được phân biệt bởi màu sắc. Taxi có loại màu vàng cam, trắng, bạc và đen; trong đó taxi đen là taxi cao cấp còn lại là taxi thường. Hoặc cũng có thể phân biệt dựa vào biển gắn trên nóc xe là màu trắng hay màu xanh. Biển màu trắng là taxi cá nhân còn biển màu xanh là taxi công ty.

(1) Taxi thường

Có thể phân biệt taxi cá nhân và taxi công ty dựa vào biển gắn trên nóc xe, taxi công ty sẽ có tên và số điện thoại công ty ghi ở cửa xe. Phí mở cửa thông thường cho 2 km đầu tiên là 3.280 ~ 3.828 won, mỗi 133 ~ 152m sẽ tăng thêm 100 won. Thời gian từ nửa đêm đến 4 giờ sáng cước phí sẽ tăng thêm 20%

※ Tổng đài taxi toàn quốc : 1333 (Hoặc sử dụng app Taxi toàn quốc)

(2) Taxi quốc tế

Là tên chính thức của dịch vụ taxi ở Seoul dành cho khách du lịch và người nước ngoài cư trú ở Seoul có thể sử dụng một cách tiện lợi.

※ 1644-2255

(3) Call van

Là loại hình vận chuyển có mặt ở Hàn Quốc được du nhập từ các nước phát triển. Xe call van có thể chở được nhiều người và hành lí thiết kế theo dạng xe riêng khác với xe taxi 7 chỗ

(4) Taxi cao cấp

Taxi cao cấp có gắn biển màu vàng ở nóc xe, thiết kế tiện lợi hơn so với xe taxi thường

Phí mở cửa cho 3 km đầu tiên là 3.900 ~ 5.000 won, từ mỗi 106 ~ 168m tiếp theo tăng thêm 200 won

(A) Khái niệm vận chuyển của taxi và Call van

- Taxi: vận chuyển hành khách là chính, kèm theo đó là hành lý của khách
- Call van: vận chuyển chủ yếu là hành lý, đồng thời vận chuyển hành khách đi cùng

※ Cước phí taxi ở từng khu vực có thể tra cứu thêm trên http://taxi.or.kr

D. Tàu hỏa

Có thể sử dụng nhiều loại phương tiện giao thông công cộng để đi du lịch ở Hàn Quốc. Ngoài đi bằng xe buýt, có thể di chuyển thuận tiện hơn bằng máy bay hoặc tàu hoả. Tùy theo thời gian di chuyển mà tàu được chia thành 6 loại là KTX, Saemaul, Mugunghwa, Nuriro, SRT, ITX.

- KTX: KTX có từ năm 2004 và đã rút ngắn được thời gian di chuyển từ thành phố này đến thành phố khác. KTX một giờ có thể đi được 305 km, tổng 20 toa tàu có tất cả 935 ghế ngồi. Toa đặc biệt một hàng gồm 3 ghế, tổng 127 ghế còn toa thường một hàng gồm 4 ghế, tổng 808 ghế ngồi. Sau khi bắt đầu vận hành từ năm 2004, số hành khách ngày càng tăng và vé đứng cũng được áp dụng.
- Tàu Saemaul là tàu lửa di chuyển cự li trung bình và cự li dài của Korail, bắt đầu vận hành lần đầu tiên từ năm 1969 với tên gọi tàu du lịch. Sau khi tàu KTX bắt đầu đưa vào sử dụng, tàu chỉ còn chạy trên những tuyến đường sắt Janghang không phải là tuyến tàu điện ngầm
- Tàu Mugunghwa được đặt theo tên quốc hoa của Hàn Quốc và là tàu chạy chậm nhất trong các loại tàu. Trước năm 2004 tàu được sử dụng phổ biến nhưng hiện nay thì tàu chỉ vận hành ở những ga không có tàu KTX hoặc tàu Saemaul
- Tàu Nuriro bắt đầu vận hành từ năm 2009 và giống với tàu Mugunghwa. Hiện tại tàu chỉ chạy trên một số tuyến Janghang và tuyến Chungbuk
- Tàu hỏa ITX Cheongchun: Là chuyến tàu nhanh (Inter-city Train eXpress) được vận hành từ năm 2012 chạy qua nhiều thành phố từ Yongsan đến Chuncheon mang theo khát khao, mộng ước và hoài bão của tuổi trẻ, đồng thời thể hiện mong ước và tái hiện lại ký ức về thanh xuân của những người trưởng thành
- SRT: Là tàu "Super Rapid Train" chạy với vận tốc nhanh 300km/h trên các tuyến cao tốc Gyeongbu và tuyến Honam từ năm 2016, trong đó 'SR' là viết tắt của loại tàu sử dụng (SR Train). Một tàu gồm 10 toa tất cả, trong đó có một toa điều khiển và các toa hành khách, dự định sẽ vận hành 32 tàu. Việc đưa vào sử dụng tàu SRT giúp khu vực đông nam của thủ đô bắt đầu từ Gangnam của Seoul đến các vùng Gyeongbu và Honam được thuận tiện hơn, từ Cheonan Asan đến Busan Mokpo ở những khu vực vừa có SRT và KTX, hành khách có thể lựa chọn nhiều phương án để di chuyển.

※ Công ty đường sắt Hàn Quốc: http://info.korail.com

※ SR: http://www.srail.co.kr/

E. Hàng không nội địa

Hàn Quốc có 8 sân bay quốc tế (Incheon, Gimpo, Gimhae, Jeju, Daegu, Cheongju, Yangyang, Muan) và 7 sân bay nội địa (Gwangju, Ulsan, Yeosu, Sacheon, Pohang, Gunsan, Wonju) nên có thể đi du lịch một cách dễ dàng bất cứ lúc nào. Các đường bay quốc tế thường qua 2 sân bay là Incheon và Gimpo nhưng tùy từng nơi muốn đến mà có thể chọn xuất phát từ các sân bay ở địa phương

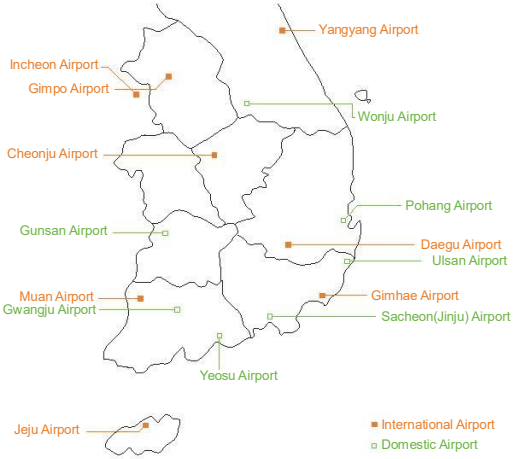

F. Thi lấy bằng lái xe

(1) Thủ tục lấy bằng lái xe ở Hàn Quốc

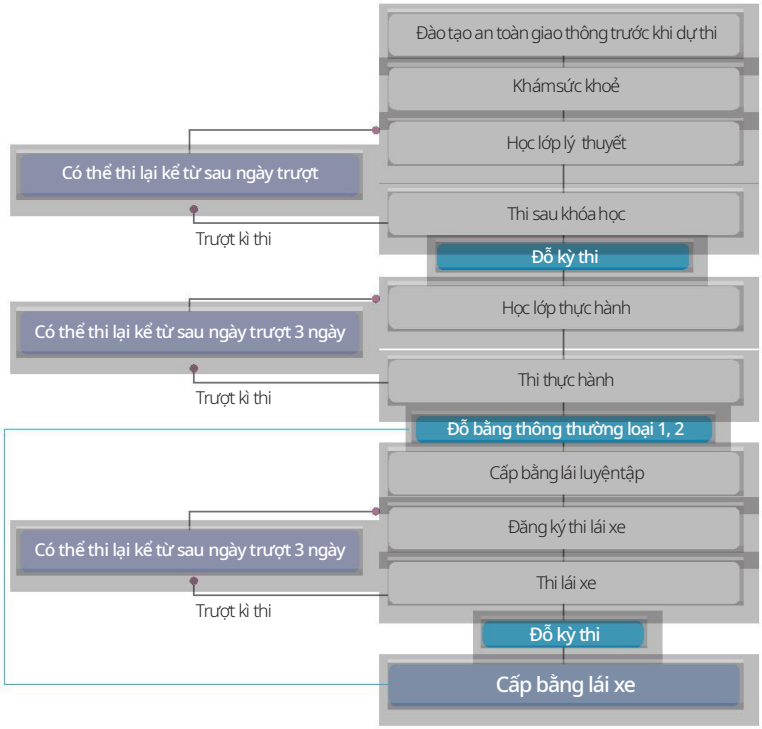

Nếu là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Hàn Quốc có thể thi lấy bằng theo trình tự trên, kì thi cấp khoa có thể lựa chọn các ngôn ngữ như tiếng Anh ,tiếng Trung và tiếng Việt

(2) Thay đổi từ bằng nước ngoài thành bằng trong nước

Mặc dù không thể lái xe ở Hàn Quốc bằng bằng lái xe được cấp ở nước ngoài nhưng người sở hữu bằng lái xe có thể đăng ký đổi thành bằng Hàn Quốc theo thủ tục đổi bằng tại các cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài.

※ Nguồn:+ Cơ quan giao thông đường bộ, Văn phòng thi bằng lái xe
(HYPERLINK "https://www.safedriving.or.kr/"https://www.safedriving.or.kr Tel.02-2075-4127)

4 Bảo hiểm y tế

A. Bảo hiểm Y tế Quốc dân

Để nhận được các quyền lợi từ bảo hiểm y tế tại các bệnh viện Hàn Quốc, sinh viên quốc tế phải tham gia bảo hiểm sức khỏe thông qua trang "Bảo hiểm Y tế Quốc dân" (http://www. nhis.or.kr).

Để được hưởng các quyền lợi từ bảo hiểm y tế, phải đăng ký thẻ người nước ngoài, và bản thân người du học sinh đó, vợ/ chồng, và cả con cái dưới 20 tuổi cũng có thể được hưởng các quyền lợi từ bảo hiểm. Để tham gia bảo hiểm y tế, du học sinh cần phải hoàn tất đăng ký thẻ người nước ngoài tại "Cục xuất nhập cảnh - Trung tâm chính sách người nước ngoài (Korea Immigration Service)" và nộp các giấy tờ chứng minh được mục đích lưu trú cho chi nhánh của Tổng công ty Bảo hiểm y tế Quốc dân. Có thể tra cứu các điều khoản khác về bảo hiểm sức khỏe dành cho sinh viên ngoại quốc thông qua Tổng đài tư vấn tiếng Anh (Tel: 033-811-2000) do Tổng công ty Bảo hiểm y tế Quốc dân cung cấp.

B. Bảo hiểm tai nạn cho du học sinh

Ở Hàn Quốc, các công ty bảo hiểm hiện đang vận hành loại bảo hiểm tai nạn với tư cách là một hệ thống hỗ trợ y tế dành cho du học sinh. Với bảo hiểm tai nạn, thời gian tham gia được tính theo đơn vị 1 năm và người tham gia sẽ mua bảo hiểm với số tiền nhất định theo từng năm, sau khi trả viện phí do bị bệnh hay bị thương và gửi yêu cầu trả phí phát sinh tới công ty bảo hiểm thì sẽ nhận lại được toàn bộ số tiền đã thanh toán trừ đi một khoản nhất định.

C. Hệ thống y tế

Ở Hàn Quốc có các cơ sở khám chữa bệnh được trang bị thiết bị y tế hiện đại nhất, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao, với nhiều loại hình khác nhau như bệnh viện, trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa, bệnh viện Đông y, trung tâm y tế khu vực. Những kỹ thuật y tế liên quan đến khoa mắt, y học cột sống, nha khoa, phẫu thuật thẩm mỹ, tim mạch và điều trị vô sinh đặc biệt phát triển. Đồng thời tại đây sở hữu trang thiết bị và tiêu chuẩn mang tầm quốc tế. Cùng với sự tăng lên của số lượng người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc, số lượng cơ sở y tế mà người nước ngoài có thể sử dụng cũng ngày một nhiều hơn.

Hệ thống y tế của Hàn quốc được chia làm 3 bậc lớn, để sử dụng các cơ sở khám chữa bệnh bậc 3 là bệnh viện đa khoa, cần có giấy giới thiệu khám chữa bệnh được cơ sở khám chữa bệnh bậc 1 (trung tâm y tế) hoặc bậc 2 (bệnh viện) cấp. Trường hợp nếu bệnh nhân chưa nhận điều trị tại các cơ sở thuộc bậc 1 hoặc bậc 2 mà điều trị ngay tại các cơ sở bậc 3 thì phí khám bệnh ban đầu sẽ cao hơn.

※ Hiệp hội Y khoa Hàn Quốc: http://www.kma.org (Tel: 02-794-2474)

(1) Cơ sở khám chữa bệnh bậc 1

Bao gồm bệnh viện tư nhân, trạm y tế cộng đồng. Các cơ sở khám chữa bệnh bậc 1 thường bị giới hạn về các mục khám chữa bệnh, có thể tiến hành khám cơ bản mang tính tổng quát để chẩn đoán sớm.

(2) Cơ sở khám chữa bệnh bậc 2

Có trên 4 mục khám chữa bệnh, bác sĩ chuyên khoa sẽ thăm khám cho bệnh nhân ngoại trú và nội trú. Thông thường, các cơ sở này có khoảng từ 30 đến 500 giường bệnh và có khả năng điều trị cấp cứu.

(3) Cơ sở khám chữa bệnh bậc 3

Là bệnh viện khoa hoặc bệnh viện đại học y khoa. Ở mỗi khoa đều có bác sĩ chuyên môn, đồng thời có trên 500 giường bệnh, có khả năng điều trị cấp cứu và thăm khám chuyên sâu.

Tip Cơ quan y tế khám chữa bệnh cho người nước ngoài

* Để có thể sử dụng dịch vụ của bệnh viện nhanh chóng và tiện lợi thì, cần hẹn trước. Có thể tra cứu danh mục các nhà thuốc có sử dụng tiếng nước ngoài hay các cơ sở y tế khám chữa bệnh cho người nước ngoài tại trang chủ của hầu hết các trung tâm y tế. Hoặc tìm hiểu tại trang chủ trạm y tế của văn phòng quận quản hạt gần nơi sinh sống

Ví dụ:

Trung tâm tế quận Dongdaemun http://health.ddm.go.kr/ → Bệnh viện, hiệu thuốc có sử dụng tiếng nước ngoài

Thành phố Daegu Gwangyeok http://www.daegu.go.kr/ → Thông tin theo từng lĩnh vực → Vệ sinh và chăm sóc sức khỏe → Cơ sở khám chữa bệnh cho người nước ngoài ở khu vực sống

Chi trả phí khám chữa bệnh

Ở phần lớn các bệnh viện, đều chấp nhận thẻ tín dụng và nộp phí tại các quầy y vụ. Đôi khi ở những bệnh viện mà có phòng khám chữa bệnh quốc tế tách biệt thì có thể nộp phí tại phòng khám chữa bệnh quốc tế đó. Thông thường, ở phần lớn các bệnh viện đa khoa đều có thể cấp hóa đơn thanh toán bằng tiếng Anh theo yêu cầu. Phí khám chữa bệnh sẽ khác nhau tùy theo việc có bảo hiểm hay không, trường hợp bảo hiểm được mua ở nước ngoài có thể không được chấp nhận tùy theo bệnh viện và cũng có trường hợp được nhận lại phí khám chữa bệnh thông qua các thủ tục yêu cầu cấp phí bảo hiểm sau khi bệnh nhân đã tự trả phí y tế trước đó.

Tip Sử dụng trạm y tế tại trường học

* Khi chỉ cần thuốc cảm nhẹ hay đau đầu thì không cần phải tìm đến nhà thuốc hay bệnh viện mà hãy đến trạm y tế hay trung tâm chăm sóc sức khỏe nằm trong trường học. Thông thường tại trạm y tế ở trường luôn chuẩn bị sẵn thuốc cảm tổng hợp, thuốc nhức đầu, thuốc tiêu hóa và các loại thuốc có thể chữa trị vết thương nhẹ. Ngoài ra, ở một số trường còn tiến hành khám bệnh miễn phí cho sinh viên ngoại quốc vào mỗi học kì, và tổ chức nhiều chương trình khác nhau như tư vấn cai thuốc lá, đo chỉ số cơ thể Inbody, tiêm phòng cảm độc v.v...

Tip Cổng thông tin y tế khẩn cấp (E-GEN)

* Trung tâm cấp cứu y tế Trung ương đã thu thập thông tin khám chữa bệnh của các cơ sở y tế và cơ sở cấp cứu sau đó tiến hành cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thông tin cho công dân và cơ quan liên quan thông qua Cổng thông tin y tế khẩn cấp E-GEN (Trang chủ) cũng như Cung cấp thông tin y tế khẩn cấp (Ứng dụng).

http://www.e-gen.or.kr/egen/main.do

5 Nghiệp vụ ngân hàng

Ở Hàn Quốc bạn có thể nhận được các sản phẩm và dịch vụ tín dụng đa dạng như gửi tiền tiết kiệm, trái phiếu, bảo hiểm thông qua các cơ quan tín dụng. Tuy nhiên, mọi giao dịch tín dụng đều phải tuân theo các quy định trong nước khá nghiêm ngặt nên tùy theo từng trường hợp mà dựa vào quy định tương ứng người nước ngoài đang lưu trú tại Hàn Quốc có thể bị hạn chế khi giao dịch tín dụng. Đặc biệt trong trường hợp giao dịch ngoại hối, tùy theo loại giao dịch mà quy định riêng hồ sơ cần thiết cũng như hạn mức giao dịch nên cần phải lưu ý các quy định liên quan. Thời gian làm việc của ngân hàng thông thường là từ **9h sáng và đến 4h chiều.**

A. Mở sổ ngân hàng (Tạo số tài khoản)

Mở sổ ngân hàng hay còn gọi là mở tài khoản sẽ được tiến hành theo sự hướng dẫn của nhân viên khi đến ngân hàng.

Trình tự làm sổ ngân hàng

Chuẩn bị

Giấy tờ tùy thân (một trong các giấy tờ như : hộ chiếu, thẻ cư trú cho người nước ngoài, chứng minh thư nhân dân), con dấu (ký tên)

Rút phiếu báo số thứ tự ở máy, rồi ngồi chờ đến khi số của mình xuất hiện trên bảng điện tử.

Nói với nhân viên ngân hàng là "Tôi muốn lập sổ ngân hàng" và có thể đăng ký cả dịch vụ internet banking, thẻ rút tiền mặt nếu muốn. (thẻ sử dụng để nộp hoặc rút tiền mặt tại ATM)

Điền vào phần mà nhân viên ngân hàng đã đánh dấu như số chứng minh thư nhân dân (số thẻ cư trú dành cho người nước ngoài), ngày tháng năm sinh, địa chỉ, số điện thoại liên lạc rồi ký tên.

Hãy lựa chọn mật khẩu bao gồm 4 chữ số cho sổ ngân hàng và thẻ rút tiền mặt.

Hãy giữ cẩn thận sổ ngân hàng và thẻ rút tiền mặt.

B. Gửi tiền

Người nước ngoài có thể gửi tiền ra nước ngoài tại ngân hàng gần nơi cư trú. Có thể gửi thông qua ngân hàng giao dịch ngoại hối và khi gửi thì không cần chứng minh gì thêm trong phạm vi 50.000 USD trong một năm. Trường hợp vượt quá 50.000 USD thì phải nộp các giấy tờ cần thiết do ngân hàng yêu cầu. Mức phí giao dịch ở từng ngân hàng có thể khác nhau nên cần tìm hiểu kĩ trước khi gửi tiền.

Tip Phòng tránh thiệt hại do tội phạm tín dụng

* Trường hợp có ai đó yêu cầu bạn cho biết số tài khoản ngân hàng ,số thẻ hay mật mã v.v... qua điện thoại thì cần phải nghĩ đến khả năng bị lừa qua điện thoại. Ngoài ra, bản thân các du học sinh cần lưu ý và cẩn thận để không bị dính líu đến các tội phạm lừa đảo qua điện thoại.
* Cần quản lý cẩn thận tên tài khoản, mật khẩu dùng cho Internet Banking và không để cho người khác biết. Ngoài ra, cần quản lý triệt để mã xác minh chủ tài khoản.

C. Đổi tiền

Có thể dễ dàng đổi ngoại tệ hoặc ngân phiếu của khách du lịch ở những quầy đổi tiền đặt ở sân bay hoặc ngân hàng Hàn Quốc. Tuy nhiên, tùy theo từng ngân hàng mà ngoại tệ đổi có thể khác nhau nên nếu muốn đổi số tiền lớn hoặc tiền không phải là dollar thì cần tư vấn ngân hàng trước khi đổi. Ngoài ra, vì tỉ giá internet banking có lợi hơn nên đây cũng là cách tốt để đổi tiền.

▶ Các website tham khảo

Ngân hàng Kukmin: www.kbstar.com
Ngân hàng Shinhan: www.shinhan.com
Ngân hàng Suhyup: www.suhyup-bank.com
Ngân hàng Woori: www.wooribank.com
Ngân hàng xuất nhập khẩu Hàn Quốc: www.koreaexim.go.kr
Ngân hàng thành phố Hàn Quốc: www.citibank.co.kr
Ngân hàng Hàn Quốc: www.bok.or.kr
Ngân hàng doanh nghiệp IBK: www.ibk.co.kr
Ngân hàng công nghiệp KDB: www.kdb.co.kr
Ngân hàng KEB Hana: www.kebhana.com
Ngân hàng Nonghyup NH: banking.nonghyup.com
NgânhàngStandardChartered: www.standardchartered.co.kr

▶ Đơn vị tiền

Tiền giấy

50,000元

10,000元

5,000元

1,000元

Tiền xu

500元

100元

50元

10元

6 Dịch vụ viễn thông

A. Internet tốc độ cao

KT, LG U+, SK là 3 công ty tiêu biểu có thể đăng ký Internet tốc độ cao. Nếu đăng ký sử dụng mạng tốc độ cao sau khi gọi tới số điện thoại tư vấn lắp đặt hoặc đăng ký thành viên tại trang chủ sẽ có nhân viên đến tận nhà và tiến hành lắp đặt. Để sử dụng dịch vụ với Internet có dây thì cần thiết bị có dây, Internet không dây thì cần có thiết bị có dây và không dây.

Phí lắp đặt ban đầu là 22.000 KRW (đã bao gồm VAT, 3 công ty giống nhau), phí sử dụng dịch vụ hằng tháng ở khoảng 22.000 ~ 44.0000 KRW (chưa bao gồm VAT) tùy theo công ty cũng như dịch vụ đã chọn mà phí sử dụng sẽ khác nhau. Thông thường, người dùng sẽ ký hợp đồng từ 1 đến 3 năm và theo đó mà có thể được giảm giá phí sử dụng dịch vụ. Tuy nhiên, khi hủy bỏ trong thời hạn hợp đồng thì cước phí sử dụng thông thường sẽ được áp dụng nên người dùng phải hoàn trả lại khoản cước phí đã được giảm giá tính đến thời điểm đó. Đồng thời lúc này phải trả thêm phí thuê thiết bị có dây (Modem) và phí thuê thiết bị không dây (AP).

Công ty	Trang chủ	Số điện thoại
KT	https://www.kt.com	100 không có mã quốc gia
LG U+	http://www.uplus.co.kr	101 không có mã quốc gia
SK Broadband	http://www.skbroadband.com	106 không có mã quốc gia / 080-8282-106

※ Cước phí sử dụng – cước phí cơ bản sẽ bao gồm phí sử dụng dịch vụ hàng tháng (trả theo tháng), phí lắp đặt, phí sử dụng thiết bị đầu cuối (Modem, trả theo tháng) và được áp dụng giảm giá theo thời hạn hợp đồng. Ngoài ra, trong trường hợp người dùng đăng ký vào thời gian diễn ra sự kiện của công ty thì có thể được nhận thêm những ưu đãi như giảm giá, cước, nhận quà tặng trúng thưởng v.v...

B. Quán cà phê Internet (Phòng PC)

Nhiều nơi ở Seoul, ngay cả ở những con phố nhỏ bạn cũng thể dễ dàng tìm thấy những nơi có thể sử dụng Internet như 'Quán net' hay 'Quán cà phê Internet'. Khi phải sử dụng Internet để gửi mail hay lướt web, soạn thảo văn bản, in ấn v.v... chỉ cần đến những tiệm net gần nơi mình ở là có thể sử dụng Internet một cách tiện lợi với mức giá phải chăng.

C. Điện thoại

Khi số người sử dụng điện thoại di động ngày càng tăng thì ngoài các dịch vụ gọi điện, gửi tin nhắn, các công ty viễn thông di động đã cho ra mắt nhiều dịch vụ đa dạng như máy ảnh, video, cuộc gọi video... đồng thời cũng đang nỗ lực hết mình để thu hút khách hàng. SK Telecom, KT, LG U+ là những công ty viễn thông di động tiêu biểu ở Hàn Quốc. Ở trang chủ của mỗi công ty đều cung cấp dịch vụ bằng tiếng Anh nên khách hàng có thể tham khảo về các sản phẩm cũng như hướng dẫn về cước phí.

Người nước ngoài khi muốn đăng ký sử dụng điện thoại di động thì cần có các giấy tờ cần thiết như **hộ chiếu hay thẻ đăng kí người nước ngoài** trường hợp có người đại diện đăng ký thì cần phải mang theo giấy tờ cần thiết của người đăng ký và giấy tờ tùy thân của người đại diện khi đến đăng ký tại đại lý.

SK Telecom	www.tworld.co.kr / 080-011-6000
KT	www.kt.com / 080-515-9000
LG U+	www.uplus.co.kr / 1544-0010

Về cước phí sử dụng, các công ty viễn thông điện thoại đều cung cấp các gói cước khác nhau theo phong cách sống và khuôn mẫu sinh hoạt đa dạng của khách hàng. Do đó người đăng ký có thể chọn cho mình gói cước phù hợp với nhu cầu bản thân. **Cước phí có thể được trả bằng nhiều cách khác nhau như chuyển khoản, nộp qua thẻ tín dụng, nộp tại CD/ATM v.v...**

▶ Điện thoại thông thường

- Gọi trong nước: khi gọi điện thoại liên tỉnh đường dài, cần nhấn mã khu vực (area code) trước khi nhấn số điện thoại cần gọi.

  (Ví dụ) Nếu muốn gọi điện thoại cho một người bạn ở Daegu: số khu vực (053) + số điện thoại cần gọi (123-4567)

• Mã khu vực ở Hàn Quốc

Khu vực	Mã khu vực	Khu vực	Mã khu vực
Seoul	02	**Gyeonggi-do**	031
Incheon	032	**Daejeon**	042
Gwangju	062	**Daegu**	053
Chungcheongbuk-do	043	**Chungcheongnam-do**	041
Gyengsangbuk-do	054	**Gyeongsangnam-do**	055
Busan	051	**Ulsan**	052
Jeollabuk-do	063	**Jeollanam-do**	061
Jeju	064	**Gangwon-do**	033
Sejong	044		

- Gọi quốc tế: khi gọi điện thoại quốc tế cần nhấn theo thứ tự đầu số dịch vụ gọi điện thoại quốc tế, mã quốc gia, mã khu vực và số điện thoại

  (Ví dụ) Nếu muốn gọi điện thoại cho một người bạn ở Trung Quốc: 001 (số dịch vụ gọi điện thoại quốc tế) + 86 (Mã quốc gia của Trung Quốc) + 01022477618 (số điện thoại người nhận)

7 Dịch vụ chuyển phát

A. Dịch vụ chuyển phát

Có thể gửi thư, bưu thiếp, bưu phẩm nhỏ bằng cách để vào hòm thư gần nơi ở hoặc đến gửi trực tiếp bưu điện khu vực. Trong trường hợp bao thư hoặc thiệp không đúng quy cách thì phải đến bưu điện để gửi. Khi gửi thư và bưu phẩm nhất định phải ghi địa chỉ và mã bưu điện bên ngoài bưu phẩm. Ngoài bưu điện cũng có thể gửi bằng DHL, Federal Express, UPS hoặc công ty chuyển phát

(1) Chuyển phát trong nước

Nếu đến bưu điện khu vực mình sinh sống sẽ thấy danh bạ mã bưu điện toàn quốc. Sau khi ghi mã bưu điện nơi nhận đồ, xem phong bì đã đúng quy cách chưa, dán tem theo trọng lượng bưu phẩm Nếu đăng ký gửi bưu phẩm bảo đảm sẽ nhận được hóa đơn tại quầy, gửi bưu phẩm bảo đảm dù hơi đắt nhưng quá trình giao nhận bưu phẩm và chuyển phát đều được ghi lại nên có thể theo dõi lộ trình của bưu phẩm.

▶ Hướng dẫn thông tin bưu điện

Trung tâm chăm sóc khách hàng chuyển phát: 1588-1300
Thời gian làm việc: Ngày thường 09:00~18:00 / Thứ 7 09:00~13:00
Khách hàng quốc tế: 82-2-2108-9895
Thời gian làm việc: Ngày thường 09:00~18:00 / Nghỉ thứ 7

• Biểu giá và phí gửi bưu phẩm

Danh mục	Nội dung	Trọng lượng	Cước phí gửi bưu điện thường
Bưu kiện thông thường	Bưu kiện theo quy chuẩn	Dưới 5g	350 won
		Từ 5g - 25g	380 won
		Từ 25g - 50g	400 won
		Trên 50g	470 won
	Bưu kiện ngoài quy chuẩn	Từ 50g - 1kg	Mỗi 50g cộng thêm 120 won
		Từ 1kg - 2kg	Mỗi 200g cộng thêm 120 won
		Từ 2kg - 6kg	Mỗi 1kg cộng thêm 400 won

※ Khi trọng lượng quá 50g sẽ áp dụng với giá bưu kiện ngoài quy chuẩn (tham khảo "Quy chuẩn bưu kiện")

※ Gửi trong nước bằng dịch vụ tốc hành áp dụng cho bưu kiện không quá 30kg (nếu quá 6kg mỗi 1kg cộng thêm 400 won)

※ Bưu thiếp ngoài quy chuẩn mà dưới 50g áp dụng giá 350원 (cước phí bao bì đúng quy cách từ 25g - 50g)

(2) Chuyển phát quốc tế

Nếu gửi bưu phẩm ra nước ngoài phải đến gửi ở bưu điện. "Express Mail Service (EMS)" là dịch vụ bưu điện gửi nước ngoài nhanh chóng và an toàn nhất nếu muốn gửi nhanh thư, hồ sơ, bưu phẩm, dịch vụ đã được kí hiệp định giữa các bưu điện uy tín ở mỗi nước. Người gửi cần ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của cả người gửi và người nhận, tên hàng hoá, số lượng, giá trị hàng hóa và dán lên bưu phẩm trước khi chuyển. Theo từng chủng loại của bưu phẩm và trọng lượng như thư từ, bưu thiếp, chuyển phát sân bay, ấn phẩm, bao bì... mà cước phí có thể khác nhau nên người gửi cần kiểm tra kĩ các thông tin. Sau khi gửi bưu phẩm quốc tế (EMS, bưu kiện sân bay, bưu kiện bảo đảm) có thể tra cứu quá trình vận chuyển tại Trung tâm chăm sóc khách hàng bưu điện (1588-1300)

• Vận chuyển quốc tế theo danh mục hàng hóa

Hàng hóa có thể gửi được	Hàng hóa không được gửi
Các hàng hóa như thư từ, tài liệu, quà có thể gửi tối đa 30kg. Tuy nhiên ở một số quốc gia như Tây Ban Nha, Argentina, Bangladeschỉ cho gửi dưới 20kg. Có thể tra cứu các nội dung khác như danh mục các mặt hàng cấmgửi đến từng quốc gia trên website của bưu điện. Tài liệulàmviệc(Official Communications) Tài liệukinhdoanh(Commercial Papers) Dữ liệu máy tính (Computer Data) Phiếu trao đổi giữa các cơ quan tiền tệ (Check Clearances) MẫukinhdoanhBusinessSamples) Băng từ (Magnetic Tape). Filmmicro(Microfilm) Hànghóabuônbán(Merchandise: có thể bị cấmtùy theo từng quốc gia)	Các loại hàng hóa bị cấm được quy định trong UPU (bưu kiện theo điều 25 hiệp định UPU) Ma túy, các chất kíchthích, các chất có tính bắt lửa, dễ cháy nổ nguyhiểm, chất phóngxạ, vật phẩm có tính đồi trụy hoặc phi đạo đức. Hàng hóa cấm nhập và lưu hành ở nước nhận bưu phẩm Đồ ăn (đặc biệt làkimchi), thuốcbắc, các loại động thực vật, nấm do có đặc tính có thể gây hại cho nhân viên kiểm tra, hoặc làm bẩn, ô nhiễm, hư hại đến các vật phẩm khác và thiết bị vậnchuyển. <Các hàng hóa bị cấm khác> Tiềnđúc, hồi phiếungânhàng, các loại tiền xu hay tiền giấy, các loại chứng từ chứng khoán, ngân phiếu khách du lịch, các loại vàng bạc đá quý gia công và chưa gia công, thẻ tín dụng, vé máy bay, vé tàu Châu Âu (EurailPass)

※ Nếu gửi hàng hóa có trong danh mục cấm có thể bị tịch thu hoặc phải trả thuế. Trước khi gửi nhất định phải kiểm tra hàng hóa mình gửi có trong danh mục cấm hay không.

B. Dịch vụ giao hàng

Dịch vụ giao hàng đưa trực tiếp đến tay người nhận tuy chi phí đắt hơn so với chuyển phát thông thường nhưng có ưu điểm là hàng hóa được giao nhanh chóng và an toàn. Thêm nữa, vì có thông tin liên lạc của người nhận nên khả năng hàng bị thất lạc cũng thấp hơn. Từ giấy tờ cho đến bưu kiện nhỏ hay to, từ trước cửa nhà của người gửi cho đến trước cửa nhà người nhận, chỉ cần gọi một cuộc điện thoại là nhân viên giao hàng sẽ trực tiếp đến nhận và giao hàng ngay ngày hôm sau dù ở bất cứ đâu trên toàn quốc. (Tuy nhiên ngoại trừ ngày nghỉ lễ hay ngày kỉ niệm... Với một số khu vực giao thông không được thuận lợi như đảo, đồi núi... thì thời gian giao hàng có thể mất lâu hơn 1~2 ngày.)

Ngoài việc đăng ký bằng điện thoại, người dùng có thể đặt trước sau khi đăng nhập vào trang chủ của công ty vận chuyển, đối với trường hợp gửi bằng bưu điện thì khách hàng có thể đến bưu điện và trực tiếp đăng ký tại đó. Phí giao hàng có thể sẽ khác nhau tùy thuộc vào khu vực giao nhận, chủng loại và kích cỡ của bưu phẩm, tình trạng của hàng hóa, số lượng... có thể tra tại trang chủ của công ty vận chuyển

Hàng gửi qua bưu điện sẽ được giao vào ngày hôm sau tính từ ngày tiếp nhận, khu vực Jeju thì sẽ được giao sau ngày đăng ký 2 ngày (D+2 ngày).

Bưu phẩm thông thường thì không đăng ký bảo đảm/ phụ thu được và sẽ được vận chuyển trong vòng 3 ngày kể từ ngày gửi, cũng như không được ghi lại lịch sử giao nhận như bưu phẩm bảo đảm nên sẽ không được bồi thường thiệt hại khi xảy ra thất lạc.

Phí gửi thường áp dụng tính theo cách có giá cao hơn giữa trọng lượng và kích cỡ, kích cỡ là nói đến giá cộng thêm theo chiều rộng, chiều dài và chiều cao.

Trọng lượng được tính cho bưu phẩm từ 30kg trở xuống, chiều dài tối đa một cạnh giới hạn dưới 100cm.

Đồng nhất khu vực là khi nơi giao hàng và nơi nhận hàng cùng nằm trong một tỉnh/ thành phố, trong trường hợp bưu phẩm được gửi tại Jeju để giao đến một khu vực khác thì phí gửi sẽ được áp dụng theo khu vực Jeju.

C. Dịch vụ chuyển phát nhanh

Dịch vụ chuyển phát nhanh vận chuyển hàng nhanh chóng hơn hẳn so với dịch vụ giao hàng và thường sử dụng xe máy hoặc xe ô tô để giao hàng trực tiếp cho người nhận trong vòng 24 giờ. Tuy nhiên vì khu vực giao hàng bị giới hạn nên rất khó để chuyển phát trên toàn quốc như vận chuyển thông thường. Có nhiều nơi tiếp nhận, nhận đơn qua internet hoặc điện thoại liên tục 24 tiếng/ ngày và 365 ngày/ năm Tùy theo từng công ty mà ngoài cách trả bằng tiền mặt, khách hàng có thể thanh toán bằng thẻ tín dụng, gửi tiền không cần số tài khoản hoặc thanh toán qua điện thoại v.v... Phí gửi sẽ khác nhau tùy thuộc vào khoảng cách giữa nơi gửi và nơi nhận, loại hàng hóa hay trọng lượng, có thể tra cứu phí gửi tại trang chủ của các công ty.

8 Phân loại rác

Phương pháp phân loại rác thải đúng cách (từ chối thu gom rác nếu như không phân loại đúng cách)

Đây là rác tái sử dụng?

YES

- Rác thải giấy: thùng, hộp, báo ...
- Rác thải nilon: giấy gói (gói mì, café, bánh kẹo), khay trứng, túi nilon ...
- Rác thải nhựa: chai nhựa (bia, nước ngọt), chai dầu, gáo nhựa, hộp sữa chua, chai đựng dung dịch tẩy rửa...
- Rác thải lon, thiếc: lon, thìa đũa sắt, hộp thiếc, hộp sữa bột, nồi, chảo, bình ga du lịch, bình xịt côn trùng (bình ga du lịch, bình xịt côn trùng phải đục lỗ, bỏ hết khí ở bên trong trước khi vứt)
- Rác thủy tinh: chai thủy tinh (chai rượu Soju, bia, nước hoa quả) sau khi đã bỏ nắp chai
- Đèn huỳnh quang, pin: bỏ ở những nơi quy định ở gần nhà hoặc khu dân cư
- Quần áo, chăn: bỏ vào túi rồi buộc lại để không bị ướt

Không thể tái chế nếu dính dị vật
Phân loại rác theo đúng loại trước khi vứt
Khi vứt đồ vật cần vào túi sao cho nhìn thấy đồ bên trong (dùng túi trong suốt, dây chun, lưới đựng đồ)
Danh sách rác tái sử dụng đựng bằng lưới đựng:
Chai thủy tinh, lon sắt vụn, chai nhựa (thamkhảo thêm ở bảng chỉ dẫn gắn trên lưới)

Đây là đồ nội thất, đồ gia dụng?

YES

[redacted] đồ gia dụng loại to: TV, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, lò vi sóng, máy lọc không khí, máy lọc nước, máy tính bàn
Cách đăng ký: 1599-0903, http://edtd.co.kr/ kakaotalk: weec

· [redacted] đồ gia dụng loại nhỏ (dưới 1m): quạt điện, bếp gas, máy in, nồi cơmđiện...
· [redacted] đồ nội thất: tủ quần áo, giá sách, cửa, ghế, bàn học, giường, ghế sofa...
· Cách đăng ký: đăng kí với các cơ sở theo từng khu vực, thời gian nhận điện thoại (thứ 2 - thứ 6: từ 9h - 18h) http://waste.isdc.co.kr/

Đây có phải là rác không cháy không?

YES

- Thủy tinh, đồ gốm, kim loại, chum, chậu hoa, bát đĩa ...
  Túi **không cháy chuyên dụng** (mua ở những nơi bán túi nilon/ không cần khai báo)

<Rác cháy>
(Tất cả rác còn lại sau khi đã phân loại!!)
- Rác có dính dị vật: bỉm trẻ em, đũa gỗ, búp bê, giấy tráng nhựa (tờ rơi, tờ quảng cáo...
- Rác chất liệu da: thắt lưng, túi xách, giày
  Túi đựng rác thải để đốt

Tip

Hầu hết các khu vực, ở Ủy ban quận và Ủy ban thành phố đều làm và phát hướng dẫn phân loại rác bằng nhiều ngôn ngữ dành cho người nước ngoài. Bạn có thể dễ dàng tải xuống tài liệu hướng dẫn trên trang chủ của quận hoặc thành phố nơi mình sinh sống.

Hướng dẫn phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt được viết bằng nhiều ngôn ngữ ở thành phố Seongnam

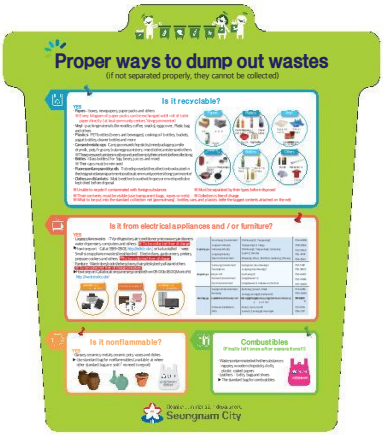

※ Phải mua và sử dụng túi đựng rác thải ở nơi mà mình sống, vì cách phân loại rác và ngày thu gom rác có thể khác nhau nên cần phải tìm hiểu trước.

※ Nguồn: Phòng xoay vòng tài nguyên, thành phố Seongnam

9 Các hoạt động vui chơi giải trí

A. Thể thao giải trí

(1) Bóng chày chuyên nghiệp

Từ tháng 4 đến tháng 10 là mùa bóng chày chuyên nghiệp. Đây là môn thể thao có lượng người hâm mộ lớn nhất Hàn Quốc và là môn bóng đang được chú ý ở những nước lớn trên thế giới. Đặc biệt, không phân biệt già trẻ gái trai, vào cuối tuần có rất nhiều người đến các trận đấu bóng chày. Ở nhiều nơi như sân vận động Jamsil, Mokdong của Seoul, Daegu, Gwangju, Busan, Daecheon, Incheon... đều có sân bóng chày chuyên nghiệp và được chia thành 10 đội. Vé xem bóng chày thường vào khoảng 15.000 won ~ 60.000 won. Tùy theo sân bóng chày và vị trí chỗ ngồi mà giá vé có thể khác nhau nên hãy kiểm tra trên trang chủ từng đội bóng chày hoặc các trang đặt vé

- Hiệp hội bóng chày Hàn Quốc: http://www.koreabaseball.com/

(2) Bóng đá chuyên nghiệp

Từ tháng 3 đến tháng 11 là mùa bóng đá Hàn Quốc. Hàn Quốc là nước đăng cai World Cup vào năm 2002 và bóng đá cũng là môn thể thao được hâm mộ như bóng chày. Hiện tại có 12 đội bóng đang thi đấu mỗi năm. Ngoài ra, Hàn Quốc cũng đang tổ chức nhiều sự kiện bóng đã khác nhau cùng với các ngôi sao bóng đá trong và ngoài nước như giải K League All Star, các giải đấu từ thiện, giải sân nhà... Vé vào cửa vào khoảng 14.000~35.000 won

- Hiệp hội bóng đá Hàn Quốc: http://www.kfa.or.kr

(3) Bóng rổ chuyên nghiệp

Từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, là thời gian chơi các môn thể thao trong nhà vào mùa đông, trong đó bóng rổ chuyên nghiệp là hạng mục được yêu thích nhất. Bóng rổ nam được chia thành 10 đội còn bóng rổ nữ được chia thành 6 đội

Vào mùa bóng rổ chuyên nghiệp, có thể gặp các fan hâm mộ bóng rổ qua nhiều trận đấu. Vé vào cửa thường vào khoảng 12.000~60.000 won

- Hiệp hội bóng rổ nam: http://www.kbl.or.kr
- Hiệp hội bóng rổ nữ: http://www.wkbl.or.kr

(4) Bóng chuyền chuyên nghiệp

Từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau cùng với bóng rổ, bóng chuyền cũng là một trong những môn thể thao trong nhà tiêu biểu ở Hàn Quốc vào mùa đông

Có 7 đội nam và 6 đội nữ. Vé vào cửa thường vào khoảng 15.000 ~ 120.000 won

- Hiệp hội bón

B. Phim ảnh, biểu diễn nhạc kịch

(1) Phim ảnh

Xem phim là một trong những sở thích được ưa chuộng nhất ở Hàn Quốc có thể dễ dàng tìm được rạp chiếu phim trên toàn quốc. Ngoài ra với làn sóng Hallyu, Hàn Quốc đang dần trở thành một cường quốc điện ảnh. Không những nhận được nhiều giải thưởng điện ảnh ở liên quan phim quốc tế nổi tiếng, ngành công nghiệp điện ảnh cũng gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể. Giá vé xem phim thường từ 8.000~12.000 won, nhưng có thể mua được vé rẻ hơn nếu đăng ký thành viên hoặc có ưu đãi của thẻ tín dụng hay các nhà mạng điện thoại di động.

- CGV: http://www.cgv.co.kr
- Lotte cinema: http://www.lottecinema.co.kr
- Megabox: http://www.megabox.co.kr

Tip Liên hoan phim quốc tế Hàn Quốc

* Liên hoan phim quốc tế Busan: http://www.biff.kr
* Liên hoan phim quốc tế Jeonju: http://www.jiff.or.kr/
* Liên hoan phim viễn tưởng quốc tế fantasic Bucheon: http://www.pifan.com/

(2) Kịch và công diễn

Daehakro là khu trung tâm của các nhà hát kịch ở Hàn Quốc. Mọi hoạt động nghệ thuật như diễn kịch, nhạc kịch, opera, múa đều có thể xem ở các nhà hát ở Daehakro. Không chỉ ở Daehakro, ở các nhà văn hóa của quận, thành phố hay ở trung tâm nghệ thuật khu vực cũng có thể xem các chương trình nghệ thuật trên. Ở nhà hát quốc gia hay khu trung tâm nghệ thuật, nhà văn hóa Sejong đều có thể xem những buổi công diễn, nhạc kịch. Có thể kiểm tra thông tin về lịch biểu diễn, ưu đãi, tải sơ đồ nhà hát trên các trang chủ đặt vé

- Hiệp hội nhà hát kịch Hàn Quốc: http://ktheater.bravod.co.kr/
- Nhà hát quốc gia: http://www.ntok.go.kr/
- Trung tâm nghệ thuật Seoul: http://www.sac.or.kr
- Trung tâm kịch Seoul: http://www.e-stc.or.kr
- Văn phòng Văn hóa Du lịch quận Jongno: http://tour.jongno.go.kr

(3) Bảo tàng, triển lãm nghệ thuật

Bảo tàng, triển lãm ở Hàn Quốc vô cùng đa dạng, do quốc gia, địa phương, trường học, doanh nghiệp hay cá nhân thành lập. Thêm nữa, các bảo tàng cũng đang được hoạt động với nhiều chủ đề, quy mô, hình thức khác nhau. Tùy vào sở thích của mỗi người mà có thể tìm đến thăm quan những bảo tàng lịch sử, bảo tàng nghệ thuật mà mình thích, vì giá vé vào cửa không giống nhau nên cần kiểm tra kĩ trước khi đến. Hiện nay có rất nhiều bảo tàng, triển lãm đang hoạt động nên hơi khó trong việc tìm thông tin, các bạn có thể tìm thông tin dễ dàng hơn bằng cách truy cập vào những trang được giới thiệu dưới đây.

- Hiệp hội bảo tàng Hàn Quốc: http://www.museum.or.kr
- Triển lãm mỹ thuật đương đại quốc gia: http://www.mmca.go.kr
- Triển lãm mỹ thuật Daelim: http://www.daelimmuseum.org
- Triển lãm mỹ thuật Seoul: http://sema.seoul.go.kr

Tip Ngày hội văn hóa thường được tổ chức vào thứ 4 cuối cùng mỗi tháng

* Ngày hội văn hóa được Ủy ban phát triển văn hóa và Bộ văn hóa thể thao du lịch tổ chức từ tháng 1 năm 2014, là dự án ưu đãi các sản phẩm văn hóa vào ngày thứ 4 cuối cùng của tháng, nhằm mục đích để người dân có thể dễ dàng tiếp cận văn hóa trong cuộc sống thường ngày hơn. Vào ngày này, có thể được giảm giá hoặc miễn phí vé vào cửa những địa điểm văn hoá như rạp chiếu phim cho đến các nhà hát, bảo tàng, triển lãm, cố cung trên toàn quốc

Ngày hội văn hóa: http://www.culture.go.kr

C. Công viên nước

Một trong những hoạt động vui chơi giải trí phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới là công viên nước. Hàn Quốc cũng không phải là ngoại lệ, chủ yếu là những người trẻ muốn trải qua thời gian vui vẻ cùng gia đình, bạn bè ở công viên nước. Ở Hàn Quốc, Ở Hàn Quốc, các đô thị lớn sẽ có những công viên nước có qui mô lớn, ngoài ra cũng có những công viên qui mô nhỏ hơn. Dưới đây là một số công viên nước lớn ở Hàn Quốc

- Lotte World: http://adventure.lotteworld.com
- Everland: http://www.everland.com
- Seoulland: http://www.seoulland.co.kr
- Gyeongju World: http://www.gjw.co.kr
- Eworld: http://www.eworld.kr
- Wolmido MyLand: http://www.my-land.kr

D. Phòng tắm hơi

Mấy năm gần đây, phòng tắm hơi có nhiệt độ khoảng 50~90 độ đã trở thành nơi vui chơi tổng hợp rất phổ biến ở Hàn Quốc, tại đây mọi người có thể cùng gia đình, bạn bè nghỉ ngơi thoải mái. Vốn dĩ phòng tắm hơi chỉ có ở Hàn Quốc nhưng gần đây đã lan rộng ra nhiều nước trên thế giới. Vì phòng hơi có rất nhiều loại như phòng xông hơi bằng lửa, phòng xông hơi đất vàng, phòng muối... nên chúng ta có thể tận hưởng theo sở thích của bản thân. Đặc biệt, phòng tắm hơi còn được biết đến với tác dụng loại bỏ chất thải cơ thể và mồ hôi sau khi xông hơi, giúp làm đẹp da, giải tỏa stress, điều chỉnh cân nặng. Không chỉ vậy, ở các phòng tắm hơi còn có những tiện ích đa dạng như phòng PC, rạp chiếu phim, khu chơi bowling, nhà ăn, phòng ngủ. Đặc biệt quấn khăn mặt thành hình sừng cừu, ăn trứng và uống nước gạo là hình ảnh thường xuyên xuất hiện trên các bộ phim truyền hình hoặc các chương trình truyền hình thực tế đã khiến cho rất

nhiều khách du lịch muốn đến và trải nghiệm, trở thành trào lưu du lịch. Vé vào cửa phòng tắm hơi khác nhau theo từng khu vực, vào khoảng 8.000 won ~18.000 won

E. Mua sắm

(1) Chợ truyền thống

Nếu muốn vừa mua sắm vừa trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc thì việc thử mua đồ ở các chợ truyền thống cũng là một lựa chọn hợp lý. Nếu không phải là Seoul mà là thành phố nhỏ thì mỗi 3 ~ 5 ngày sẽ có phiên họp chợ, đây chính là thời gian có thể mua những đặc sản của từng nơi và có thể tham quan, trải nghiệm các lễ hội văn hóa khác nhau. Hơn nữa giá cả cũng rẻ nên rất đáng để trải nghiệm thử một lần nếu như đang du lịch ở địa phương đó.

(2) Mua sắm trên đường phố

Nếu như muốn thử cảm giác đi trên những con phố tràn ngập cửa hàng bán các loại quần áo, giày dép, phụ kiện và tận hưởng niềm vui sướng khi mua được một món hàng ưng ý đang giảm giá thì Hàn Quốc rất chào đón bạn. Vì mỗi một vùng khác nhau đều có những sản phẩm độc đáo riêng nên sẽ rất thú vị nếu như bạn chọn một địa điểm và bắt đầu mua sắm ở đó.

(3) Mua sắm online

Gần đây việc sử dụng internet tăng cao nên mua sắm online cũng trở nên phổ biến hơn. Mua sắm online có ưu điểm là có thể tìm mua được nhiều mặt hàng với giá cả phải chăng hơn những cửa hàng offline. Nhưng nếu như có vấn đề thì việc đổi, hoàn trả hàng tương đối bất tiện. Mỗi trang mua sắm đều có những quy định riêng về đổi trả và hoàn trả hàng nên khi mua hàng nhất định phải kiểm tra kĩ những quy định này. Ngoài ra, cũng có nhiều trường hợp chỉ nhìn giá rẻ rồi mua nên chất lượng sản phẩm không tốt, vì vậy nên xem đánh giá của những người khác và tìm rồi so sánh sản phẩm đó ở cả các trang mua sắm khác trước khi mua.

• Giá cả ở Hàn Quốc qua một vài sản phẩm

Sản phẩm		Số tiền
	Cơm Hàn	7.200 won
	McDonald's Big Mac	6.350 won
	Phô mai (1kg)	20.160 won
	Capuchino	4.500 won
	Gimpap (1 cuộn)	2.500 won
	Nước lọc (1.5L)	1.360 won
	Sữa (1L)	2.450 won
	Coca-cola (1 lon)	1.670 won

Sản phẩm		Số tiền
	Bánh mì	2.940 won
	Trứng (12 quả)	3.210 won
	Chuối (1kg)	4.320 won
	Táo (1kg)	7.330 won
	Xem phim	8.000 ~ 12.000 won
	Gà rán	17.000 won
	Sách	15.000 ~ 20.000 won

※ Nguồn: Numbeo (https://www.numbeo.com)

10 Du lịch Hàn Quốc

Nếu nhìn Hàn Quốc trên bản đồ thế giới sẽ thấy đây là một quốc gia nhỏ bé. Thế nhưng ẩn sâu bên trong đó là nền văn hóa và cảnh vật thiên nhiên đa dạng nên vẫn chiếm được tình yêu của du khách nước ngoài. Đặc biệt điều kiện khí hậu 4 mùa rõ rệt cộng với đặc trưng địa lý được bao quanh bởi biển chính là thế mạnh của Hàn Quốc.

Chính vì thế Hàn Quốc là nơi có thể thoải mái khám phá du lịch bằng nhiều cách khác nhau. Mỗi người có thể tùy theo sở thích và lĩnh vực mà mình quan tâm để tự lên kế hoạch du lịch, hoặc nếu cần cũng có thể đi thông qua các công ty du lịch. Nếu như muốn đi theo hình thức cá nhân, hãy chuẩn bị chu đáo từ trước để có thể tận hưởng được hết vẻ đẹp và nét độc đáo của văn hóa Hàn Quốc.

Để giới thiệu về một trong những cách du lịch Hàn Quốc thì đó chính là tận hưởng những lễ hội khác nhau được tổ chức ở các địa phương. Mỗi năm Hàn Quốc mở hàng trăm lễ hội khác nhau để tái hiện lại những nét văn hóa độc đáo của từng vùng miền.

Có thể tra cứu các thông tin về lễ hội thông qua trang chủ của Tổ chức du lịch Hàn Quốc.

- Tổ chức du lịch Hàn Quốc: http://www.visitkorea.or.kr

Tip Thẻ Korea Tour

Thẻ Korea Tour là thẻ giao thông du lịch dành riêng cho người nước ngoài sử dụng với các phương tiện giao thông công cộng trên toàn quốc như tàu điện ngầm, taxi, xe buýt và có thể nhận được nhiều ưu đãi hấp dẫn tại các địa điểm được liên kết khi mua sắm, xem biểu diễn, tham quan du lịch.

※ Nguồn: Ủy ban du lịch Hàn Quốc (http://koreatourcard.kr)

11 Thư viện & nhà sách

A. Thư viện

Có thể trau dồi năng lực tiếng Hàn một cách tự nhiên bằng việc tìm đọc sách trong các thư viện Hàn Quốc. Việc sử dụng tiếng Hàn thành thạo là yếu tố tiên quyết quan trọng để có thể làm được nhiều việc một cách thoải mái và có ý nghĩa hơn.

※ Ngoài ra, mỗi trường đại học đều có "Thư viện trung ương" và thư viện ở các trường đại học trực thuộc để sinh viên có thể dễ dàng mượn sách cần thiết phục vụ cho học tập.

Thư viện	Số điện thoại và trang chủ	Đặc điểm
Thư viện quốc gia trung ương	02-535-4142 http://www.nl.go.kr (Hàn/Anh)	Nơi lưu trữ tất cả tài liệu được phát hành ở Hàn Quốc. Vị trí ở đường Banpodae quận Seijo, là thư viện lớn nhất Hàn Quốc lưu giữ hơn 10.000.000 cuốn sách
Thư viện Quốc hội	02-788-4211 https://www.nanet.go.kr (Hàn/Anh)	Nằm bên cạnh tòa nhà Quốc hội ở Yeoido, tương tự với thư viện Quốc hội của Mĩ, đây là nơi cung cấp thông tin cần thiết về các cơ quan lập pháp, các thông tin về các cơ quan quốc gia, đoàn thể địa phương tự trị, cơ quan nhà nước cho người dân
Thư viện Namsan	02-754-7338 http://nslib.sen.go.kr	Nằm ở quận Yongsan là nơi lưu trữ khối tài liệu khổng lồ đối với những ai tìm đến nơi đây. Ở đây không những có thể ngắm được cảnh trí của sông Hàn và Seoul mà còn có những con đường leo núi tuyệt đẹp vào mùa xuân và mùa thu

B.Nhà sách (Khu vực Seoul)

hà sách	Vị trí, số điện thoại, trang chủ	Đặc điểm
Nhà sách Kyobo	Chi nhánh Gwanghwamun: Line số 5 ga Gwanghwamun, được nối với tòa nhà Kyobo. Chi nhánh Gangnam: line số 2 ga Gangnam, cửa ra số 10; line số 7 ga Nonhyeon, cửa ra số 3; line số 9 ga Sinnonhyeon, cửa ra số 7 1544-1900 / www.kyobobook.co.kr	Là một trong số những nơi có nhiều ấn phẩm bằng tiếng nước ngoài nhất trong số các nhà sách lớn ở Hàn Quốc
Nhà sách Youngpoong	Nối thẳng với cửa ra số 5, 6 ga Jonggak, tàu điện ngầm line số 1 1544-9020 / www.ypbooks.co.kr	Nhà sách Youngpoong ở Jongno cũng có khối lượng sách ngoại ngữ khổng lồ
Bandi & Luni's	Chi nhánh Shinsegae Gangnam: Line số 3 ga Express terminal cửa ra số 7, 8 Line số 7 ga Express terminal cửa ra số 3 Line số 9 ga Express terminal cửa ra số 8 1577-4030 / www.bandinlunis.com	Là một trong những hiệu sách lớn của Hàn Quốc có nhiều đầu sách đa dạng
Seoul Selection	Seoul, Jongno-gu, Samcheong-ro6, tầng hầm 1 02-734-9565/ www.seoulselection.com	Là nơi có số lượng lớn ấn phẩm bằng tiếng Anh về Hàn Quốc
What the Book	Seoul, Yongsan-gu, Bogwang-ro 86 02-797-2342 / https://ko.whatthebook.com/	Là nơi bán những ấn phẩm mới nhất và sách cũ, không những có thể mua trực tiếp mà còn có thể mua online những ấn phẩm mới nhất
Nhà sách online	yes24: http://www.yes24.com/ Interpark: http://book.interpark.com Aladin: http://www.aladin.co.kr Ridibooks: http://www.ridibooks.com	

※ Có thể xem thêm những chi nhánh khác tại trang chủ.

12 Việc làm

A. Du học sinh làm việc bán thời gian (Part-time)

(1) Nguyên tắc cơ bản: giới hạn ở các công việc bán thời gian (lao động đơn giản) mà sinh viên có thể làm.

(2) Đối tượng

Người có visa du học (D-2) visa học tiếng (D-4-1, D-4-7) có khả năng tiếng Hàn nhất định và được người phụ trách du học sinh của trường mình đồng ý

※ Đối với sinh viên học tiếng, chỉ áp dụng với những người đã có visa sinh viên học tiếng (đã nhập cảnh vào Hàn Quốc) trên 6 tháng. Học sinh học tiếng (cả người chuẩn bị tốt nghiệp) ở trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông dù có visa D-4 cũng không phải là đối tượng được làm việc bán thời gian.

(3) Phạm vi cho phép

• Thời gian cho phép theo năng lực tiếng Hàn, chương trình học tập

Loại hình du học	Năm học	Năng lực tiếngHàn (TOPIK, KIIP)		Thời gian bắt đầu	Thời gian cho phép		Thời gian cho phéptrong tuần đối với các trường được chứng nhận
					Trong tuần	Cuối tuần, nghỉ hè, nghỉ đông	
Học tiếng	Không quy định	Trước 1/10/2018		Sau 6 tháng	20 tiếng		25 tiếng
		Cấp2	X	Sau 6 tháng	10 tiếng		10 tiếng
			O	Sau 6 tháng	20 tiếng		25 tiếng
Cao đẳng	Không quy định	Trước 1/10/2018		Không giới hạn	20 tiếng		25 tiếng
		Cấp 3	X	Không giới hạn	10 tiếng		10 tiếng
			O	Không giới hạn	20 tiếng	Không giới hạn	25 tiếng
Đại học	Năm 1~2	Trước 1/10/2018		Không giới hạn	20 tiếng	Không giới hạn	25 tiếng
		Cấp 3	X	Không giới hạn	10 tiếng		10 tiếng
			O	Không giới hạn	20 tiếng	Không giới hạn	25 tiếng
	Năm 3~4	Trước 1/10/2018		Không giới hạn	20 tiếng	Không giới hạn	25 tiếng
		Cấp 4	X	Không giới hạn	10 tiếng		10 tiếng
			O	Không giới hạn	20 tiếng	Không giới hạn	25 tiếng
Thạc sĩ/ Tiến sĩ	Không quy định	Trước 1/10/2018		Không giới hạn	30 tiếng	Không giới hạn	35 tiếng
		Cấp 4	X	Không giới hạn	15 tiếng		15 tiếng
			O	Không giới hạn	30 tiếng	Không giới hạn	35 tiếng

※ Chương trình theo tiếng Anh: người có TOEFL 530(CBT 197, iBT 71), IELTS 5.5, CEFR B2, TEPS 600 điểm trở lên bất kể niên học, miễn nộp chứng chỉ với những nước nói tiếng Anh

(4) Giấy tờ đăng ký

- Hộ chiếu, thẻ đăng ký người nước ngoài, đơn đăng ký
- Giấy giới thiệu làm việc bán thời gian, bảng điểm hoặc giấy xác nhận điểm chuyên cần (thay thế cho việc nộp FIMS), giấy tờ chứng minh năng lực tiếng Hàn

(5) Trường hợp ngoại lệ (Đối tượng không cần khai báo)

Không cần khai báo với những việc làm nhận tiền cảm ơn, tiền thưởng hoặc tiền thù lao ngắn hạn mà không vi phạm bản chất du học

(6) Tiêu chuẩn xử lý người vi phạm làm việc bán thời gian mà không khai báo

- Đối với ngành xây dựng, ngay khi bị phát hiện lần đầu sẽ bị yêu cầu xuất cảnh trong vòng 30 ngày, không có ngoại lệ (tạm hoãn nhập cảnh)
- Nếu vi phạm làm việc bán thời gian như nhận số tiền nhiều hơn số tiền khai báo sẽ hạn chế đổi tư cách sang visa xin việc (D-10)

Visa du học-làm việc kết hợp (D-2-7) dành cho sinh viên nhận học bổng chính phủ

* Người tốt nghiệp là sinh viên nhận học bổng chính phủ theo diện visa du học làm việc kết hợp (D-2-7) khi đổi sang visa chuyên ngành (E7) thì được miễn xét tỷ lệ sử dụng lao động người Hàn, quy mô của công ty theo chuyên môn/ bán chuyên môn/ thông thường và được cho phép áp dụng rộng rãi trong ngành nghề tương tự

B. Visa xin việc (D-10)

Đổi từ visa du học (D-2) sang diện visa xin việc (D-10)

※ Sách hướng dẫn du học sinh chỉ giới thiệu về visa xin việc dựa trên điểm số (D-10-1).

(1) Đối tượng cấp visa

- (Học lực và lĩnh vực xin việc) Nghị định thi hành Luật quản lý xuất nhập cảnh đối với người nước ngoài có học vị trên đại học (bao gồm cả bậc cao đẳng của Hàn Quốc)

  Bảng 1. Người có ý định xin việc ở lĩnh vực tương ứng với visa E-1 ~ E-7 trong các loại tư cách lưu trú của người nước ngoài

  ※ Tuy nhiên, trường hợp visa biểu diễn nghệ thuật (E-6) thì loại trừ hoạt động biểu diễn tại các công ty giải trí (E-6-2), trong visa E-7 thì nhân lực bán chuyên nghiệp và nhân lực có tay nghề cao không thể đăng ký ra nước ngoài.

- (Điều kiện điểm số) Người đạt trên 20 điểm ở hạng mục cơ bản và có tổng điểm trên 60 điểm trên tổng 180 điểm theo bảng điểm xét tư cách xin việc đính kèm

• (Chuyên ngành và ngành nghề) Cho phép cấp thị thực trong trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện tư cách cần thiết và ngành nghề xin việc đúng với chuyên ngành, đúng với ngành nghề được cho phép.

- Trường hợp có kiến thức chuyên ngành hoặc kỹ thuật đặc biệt thì có thể nhận visa dễ dàng thông qua sự giới thiệu của trưởng cơ quan công vụ ở nước ngoài*

  * Ngoài những giấy tờ đã quy định trên nếu nộp các giấy tờ chứng minh thành tích đặc biệt (đăng báo, thư giới thiệu của các tổ chức có liên quan...) thì trưởng cơ quan công vụ ở nước ngoài có thể cân nhắc để cấp thị thực

- Cho phép cấp visa xin việc trong trường hợp ngành nghề sẽ xin việc có liên quan trực tiếp hoặc liên quan tới môn chuyên ngành.

(2) Thời hạn tối đa cho một lần gia hạn: 6 tháng

(3) Đối tượng hạn chế

• (Người phạm pháp) Hạn chế đối với những trường hợp vi phạm Luật quản lý xuất nhập cảnh trong vòng 1 năm trở lại và từng bị yêu cầu xuất cảnh, hoặc tổng số tiền xét xử hoặc phải nộp phạt quá 2 triệu won*

  * Tuy nhiên, trong trường hợp đến thực tập theo thư mời của doanh nghiệp và không bị hạn chế nhập cảnh thì có thể được cấp thị thực không quá 1 lần (Visa D-10 theo diện thực tập thì thời gian lưu trú tối đa là 1 năm)

- Thêm vào đó, visa xin việc theo hệ thống điểm (D-10-1) sẽ không được cấp cho những trường hợp trong thời gian lưu trú ở Hàn Quốc đã từng vi phạm Luật quản lý xuất nhập cảnh như đi làm trái phép, làm việc khác với loại hình visa, vi phạm luật làm việc bán thời gian...*

  * Tiêu chuẩn loại trừ cấp thị thực: những trường hợp đã từng phải nộp các loại tiền phạt trên 400.000 won do vi phạm Luật quản lý xuất nhập cảnh như trên trong thời gian đang lưu trú ở Hàn Quốc

• (Tránh lạm dụng luật) Nhằm tránh tình trạng hỗn loạn về trật tự lưu trú do đăng ký thị thực bừa bãi, hạn chế cấp thị thực với những trường hợp sau đây

- Những trường hợp đã lưu trú trên 6 tháng* bằng visa xin việc (D-10) trong vòng 1 năm gần đây

  * Tuy nhiên, trong trường hợp là nhân viên thực tập nhận được thư mời của các doanh nghiệp, đoàn thể Hàn Quốc thì có thể được cấp thị thực không quá 1 lần. (Visa D-10 với mục đích thực tập thì thời gian lưu trú là 1 năm)

(4) Hồ sơ đăng ký

- Giấy tờ chung (Đơn đăng ký, ảnh, bản sao hộ chiếu, lệ phí, bản sao thẻ đăng kí người nước ngoài...)
- Kế hoạch xin việc
- Bằng học vị
  - Người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng trở lên ở Hàn Quốc: Giấy chứng minh học lực*
    * Miễn nộp đối với các trường hợp đã được xác nhận trên hệ thống thông tin quản lý xuất nhập cảnh (Hệ thống thông tin du học sinh)
  - Người đã tốt nghiệp đại học danh tiếng trên thế giới: Giấy tờ chứng minh học lực*
    * Nộp một trong các giấy tờ sau: bằng tốt nghiệp (tạm thời), bằng học vị, giấy chứng nhận đạt học vị
- Giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc (nếu có)
  - Giấy chứng nhận kinh nghiệm làm việc có ghi thời gian làm việc, địa điểm, ngành nghề... (Giấy chứng minh đang làm việc)
- Giấy chứng minh hoạt động nghiên cứu tại Hàn Quốc (nếu có)
  - Giấy chứng nhận do người đứng đầu cơ quan nghiên cứu (học tập) cấp có ghi chủ đề nghiên cứu (quá trình nghiên cứu), thời gian nghiên cứu (học tập), đã hoàn thành chương trình hay chưa...
    ※ Người đã hoàn thành hoạt động nghiên cứu ở cơ quan nghiên cứu: Giấy chứng nhận hoàn thành
    ※ Người đã hoàn thành khoá học ở cơ sở đào tạo: Giấy chứng nhận hoàn thành khoá học
    ※ Sinh viên trao đổi: Giấy chứng nhận năng lực sinh viên trao đổi do hiệu trưởng cấp
- Giấy tờ chứng minh năng lực tiếng Hàn (nếu có)
  - Chứng chỉ TOPIK (còn hiệu lực) hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khoá học KIIP
- Thư giới thiệu làm việc (nếu có)
  - Giới thiệu của người đứng đầu cơ quan hành chính trung ương liên quan: Thư giới thiệu làm việc do phòng ban (cơ quan được ủy nhiệm) cấp
  - Giới thiệu của người đứng đầu cơ quan công vụ ở nước ngoài: Văn bản giới thiệu nội bộ của cơ quan công vụ
    * Giấy tờ chứng minh học lực, giấy chứng nhận kinh nghiệm làm việc, thư giới thiệu của đoàn thể hoặc giấy chứng nhận liên quan (trong trường hợp được đăng báo hoặc nhận giải thưởng của các cuộc thi uy tín trong nước và quốc tế tế)
- Giấy chứng minh chuyên gia có thu nhập cao (nếu có)
  - Giấy chứng minh thu nhập trong năm trước được các cơ quan của nước mình cấp

- Giấy chứng minh chi phí đi lại nhà ở tại Hàn Quốc (tuy nhiên, miễn nộp nếu thay đổi visa lần đầu tiên từ visa D-2)

※ Tùy theo trường hợp của người đăng ký mà có thể thêm hoặc bớt giấy tờ

(5) Lưu ý khi đăng ký

- Ngay khi có thay đổi về nội dung thẻ người nước ngoài cần đăng ký lại ngay tại cơ quan có thẩm quyền nơi mình sinh sống

C. Thông tin xin việc

(1) Cung cấp thông tin việc làm cho du học sinh

Du học sinh có thể tìm kiếm thông tin tuyển dụng thông qua trang web được liên kết tại Trung tâm thu hút nhân lực chuyên gia nước ngoài KOTRA (http://www.contactkorea.go.kr) và tại Hệ thống tổng hợp du học Hàn Quốc (www.studyinkorea.go.kr)

(2) Thư giới thiệu làm việc cho các kỹ thuật viên nước ngoài (Science Card) là gì?

Là thư giới thiệu do Bộ trưởng Bộ Khoa học công nghệ, Thông tin và Truyền thông cấp cho nhân lực chất lượng cao người nước ngoài ngành khoa học kỹ thuật nhằm thúc đẩy tuyển dụng nhân lực ưu tú người nước ngoài ở lĩnh vực khoa học kỹ thuật, bằng việc ưu tiên trong quá trình xin phép lưu trú và xin visa (loại visa, hoạt động, thời gian...) ở Hàn Quốc.

(3) Thư giới thiệu làm việc (Gold card) là gì?

Là chế độ ưu đãi về lưu trú và visa qua việc hỗ trợ cấp visa chuyên ngành (E-7). Giám đốc KOTRA nhận ủy nhiệm từ Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Thương mại và Tài nguyên gửi thư giới thiệu việc làm đến tổ chức công/ tư tuyển dụng nhân lực kỹ thuật nước ngoài ưu tú.

※ Nguồn: Bộ Khoa học kỹ thuật Công nghệ thông tin và truyền thông (https://www.msit.go.kr)

※ Văn phòng xúc tiến đầu tư thương mại Hàn Quốc KOTRA (https://contactkorea.kotra.or.kr)

13 Kiến thức an toàn cơ bản trong cuộc sống du học

Sau khi đến trường hoàn thành thủ tục nhập học, cần báo cáo với giáo sư hướng dẫn của khoa hoặc bộ phận quản lý du học sinh, chia sẻ thông tin liên lạc của mình cho bạn bè ở Hàn Quốc hoặc gia đình ở quê hương và báo lại cho họ khi thay đổi số điện thoại.

Báo cho nhà trường số điện thoại và nơi ở của mình, thường xuyên liên lạc với bạn bè học cùng hoặc người thân. Khi thay đổi số điện thoại, địa chỉ, hoặc chuyển đến nơi khác trong thời gian dài nhất định phải báo cho nhà trường, người thân hoặc bạn bè biết.

Trong trường hợp đặc biệt, khó liên lạc với gia đình thì nên nhắn lại tình hình của bản thân qua bạn bè hoặc họ hàng để gia đình không lo lắng. Khi thay đổi số điện thoại, địa chỉ, email nhất định phải báo cho người nhà biết.

Ngoài ra, cần chú ý an toàn và chấp hành luật an toàn giao thông, khi gặp sự cố cần báo ngay cho cảnh sát để xử lý.

A. Hướng dẫn khi có hỏa hoạn

1. Khi phát hiện đám cháy, hãy hô to "Có đám cháy" để thông báo cho mọi người xung quanh.
2. Nếu có chuông báo cháy, hãy nhấn chuông báo cháy để thông báo tình hình hỏa hoạn cho mọi người trong tòa nhà.
3. Nhanh chóng gọi điện trình báo đến 119 và thoát ra ngoài càng nhanh càng tốt.
4. Nếu có nhiều khói, hãy dùng khăn ướt che mũi và miệng lại và di chuyển với tư thế khom người.

- Tuyệt đối không được dùng thang máy mà phải di chuyển bằng lối cầu thang bộ xuống tầng dưới hoặc lên tầng thượng, sau đó yêu cầu cứu hộ.
- Trong trường hợp bạn không thể thoát ra ngoài, hãy dùng các đồ vật như rèm cửa bịt kín các khe cửa để ngăn không cho khói tràn vào phòng, nếu xung quanh có nước hãy đổ nước lên người, che mũi, miệng và duy trì hô hấp.

※ Nguồn : Bộ hành chính và an toàn, Phòng quản lý tài nguyên và thiên tai (https://www.mois.go.kr)

B. Hướng dẫn khi có động đất

Trong trường hợp ở trong nhà

Trú dưới bàn để bảo vệ cơ thể. Khi mặt đất dừng rung chuyển khóa gas ,tắt điện và mở cửa tìm lối thoát để chạy ra ngoài .

Trong trường hợp ở bên ngoài

Tránh xa các vật dụng dễ rơi đồng thời dùng túi xách hoặc tay để bảo vệ đầu. Di chuyển đến các địa điểm có không gian rộng lớn như công viên hoặc sân vận động, tránh xa các tòa nhà cao tầng.

Trongtrườnghợpởtrongthangmáy

Nhấntấtcảcácnútcáctầngcủathangmáy, ngaykhithangmáymởcửa,nhanhchóng rờikhỏithangmáyvàsửdụngcầuthangbộ.

※ Khicóđộngđấttuyệtđốikhôngđược sửdụngthangmáy

Trong trường hợp ởTrường

Trú dưới bàn học và nắm chặt chân bàn. Nếu mặt đất dừng rung chuyển, phải tuân theo trình tự di chuyển đến sân vận động để trú ẩn.

TrongtrườnghợptạiSiêuthị,Trungtâmbáchhóa

Bảo vệ cơ thể tránh xa những vật dụng dễ rơi từ các tủ trưng bày, di chuyển đến gần các trụ cột hoặc cầu thang. Nếu mặt đất dừng rung chuyển thoát ra ngoài ngay lập tức.

Trongtrườnghợpởsânvậnđộng,nhàhát

Bảo vệ cơ thể bằng vật dụng xách tay như túi xách đồng thời ngồi tại chỗ đến khi mặt đất dừng rung chuyển, bình tĩnh di chuyển theo sự hướng dẫn.

Trongtrườnghợpđangđitàuđiệnngầm

Cần nắm chặt tay cầm hoặc thanh trụ để không bị ngã. Nếu tàu điện dừng lại, di chuyển theo sự hướng dẫn.

Trong trường hợp đang lái xe

Bậtđèntínhiệukhẩncấp,giảmtốc độvàđỗxebênlềphải,nghekĩthôngtin pháttrênradiovừacầmsẵnchìakhóaxe, chuẩnbịdichuyển.

Trongtrườnghợpởtrênnúihoặcởbiển

Chú ý sập vách đá, lở núi và di chuyển đến nơi an toàn. Nếu nhận được thông tin đặc biệt về địa chấn sóng thần ở bãi biển cần di chuyển đến những chỗ cao hơn để trú ẩn.

※ Nguồn : Bộ hành chính và an toàn, Phòng quản lý tài nguyên và thiên tai (https://www.mois.go.kr)
Bộ bình đẳng giới và gia đình (http://www.mogef.go.kr/)

Khu vực thủ đô

※ Tổng công ty vận tải Seoul (http://www.seoulmetro.co.kr)

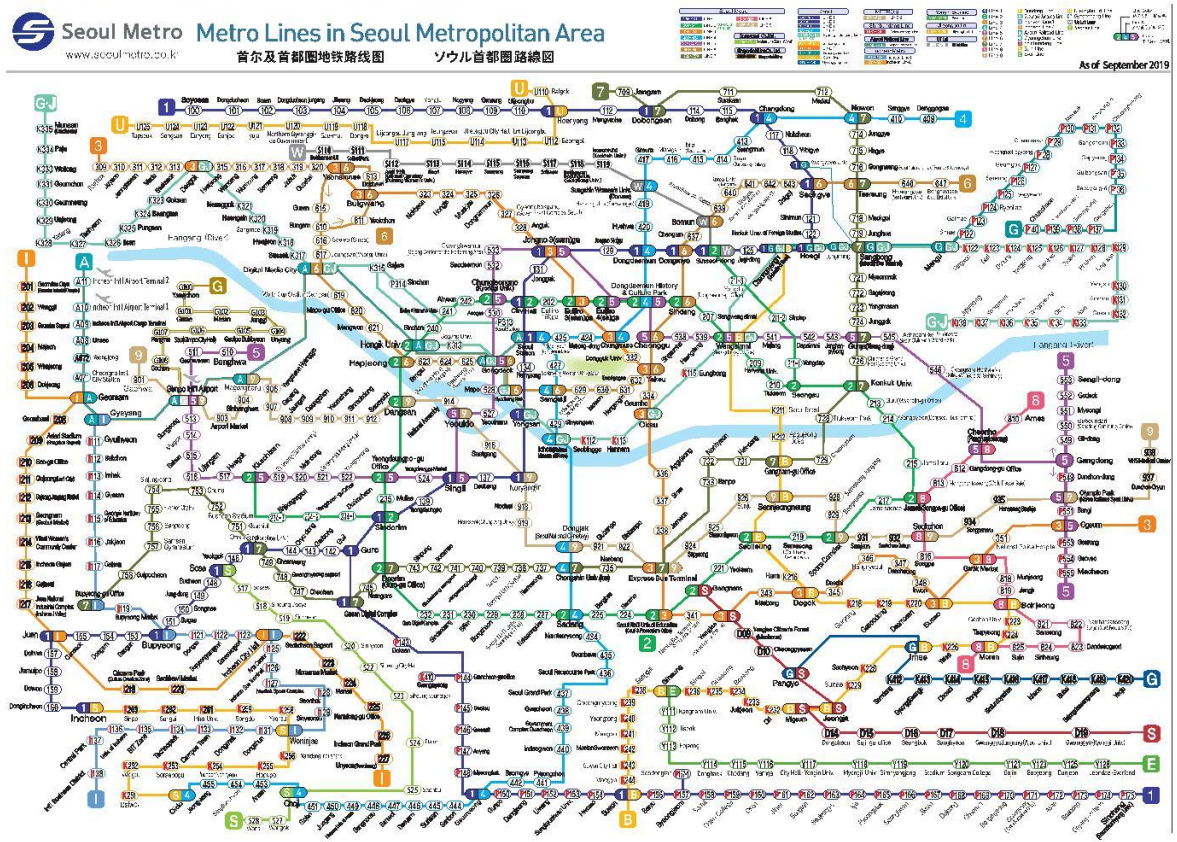

Busan

※ Tổng công ty vận tải Busan (https://www.humetro.busan.kr)

Daegu

※ Tổng công ty đường sắt thành phố Daegu (http://www.dtro.or.kr/)

Gwangju

※ Tổng công ty đường sắt thành phố Gwangju (http://www.grtc.co.kr)

Daejeon

※ Tổng công ty đường sắt thành phố Daejeon (http://www.djet.co.kr)

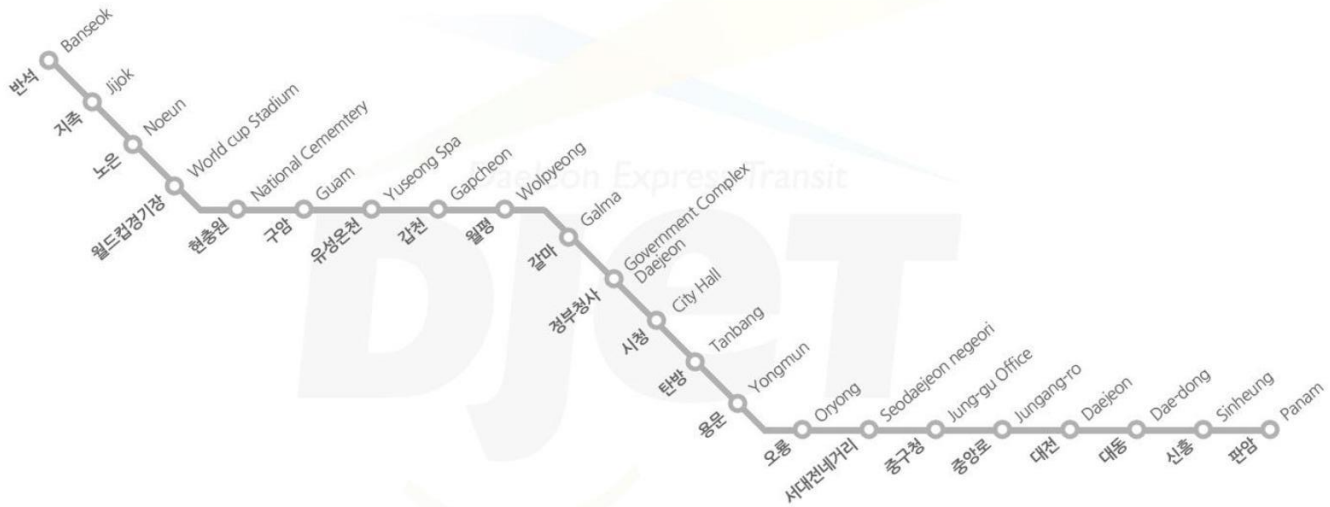

Phụlục2 Những điều cần kiểm tra trước khi du học Hàn Quốc

Vì sẽ mất một thời gian nhất định để thích ứng với cuộc sống ở Hàn Quốc nên cần phải chuẩn bị trước những đồ dùng cơ bản cần thiết trong sinh hoạt sẽ dùng trong một khoảng thời gian sau khi đến nơi. Tham khảo danh mục khi chuẩn bị hành lý dưới đây để có một hành trang tốt nhất

Phân loại	Đồ dùng	Phân loại	Đồ dùng
Hồ sơ	Hộ chiếu	**Đồ dùng cá nhân**	Mỹ phẩm
	Bản photo hộ chiếu và visa		Khăn mặt
	Bản photo Giấy báo nhập học		Đồ dùng vệ sinh cá nhân
	Vé máy bay		Đồ cạo râu/ đồ cá nhân của phụ nữ
	Ảnh hộ chiếu và ảnh chứng minh		Thuốc dự phòng, thuốc điều trị
	Chứng minh thư		Kính mắt/ lens
	Bằng lái xe Quốc tế	**Đồ điện tử**	Máy ảnh
	Thẻ sinh viên Quốc tế		Laptop
Tài chính	Tiền mặt		USB
	Thẻ tín dụng		Phích cắm chuyển chân
Quần áo	Quần áo		Tai phone
	Quần áo lót	**Khác**	Sách
	Tất/ Quần tất		Bút viết
	Giày dép		Sổ, vở ghi chép
	Thắt lưng, phụ kiện cá nhân		Quà lưu niệm

Tip Điện

Điện áp định mức ở Hàn Quốc là 220V. Nếu không phải là đồ điện dùng nguồn điện 220V thì cần có máy biến áp. Cần chú ý nếu sử dụng máy biến áp không phù hợp thì có thể làm hư hại đồ điện tử của bạn

Phụlục3 Tiếng Hàn thiết yếu

Tiếng Việt	한국어(Korean)
Xin chào	안녕하세요. (an-nyeong-ha-se-yo)
Bạn tên là gì	이름이 뭐예요? (i-reum-i mue-e-yo?)
Tôi tên là …	제 이름은 ... 입니다. (je i-reum-eun ... im-ni-da)
Bạn đến từ đâu?	어디서 오셨어요? (Eo-di-seo o-syeo-sseo-yo?)
Tôi đến từ …	저는 ... 에서 왔어요. (Jeo-neun ... e-seo wa-sseu-yo)
Rất vui được gặp bạn	만나서 반갑습니다. (Man-na-seo ban-gap-seum-ni-da)
~~Chào tạm biệt (khi mình đi)~~ Chào tạm biệt (khi mình ở lại)	안녕히 계세요. (an-nyeong-hi gye-se-yo) - you are leaving 안녕히 가세요. (an-nyeong-hi ga-se-yo) - you are staying
~~Tôi không biết~~	모르겠습니다. (mo-reu-ge-sseum-ni-da)
~~Bạn có biết tiếng Hàn không?~~	한국말 하실 줄 아세요? (han-guk-mal ha-sil jul a-se-yo?)
~~Vâng. Tôi biết một chút~~	예, 조금요. (yae, jo-geum-yo)
… tiếng Hàn nói như thế nào?	... 를 한국말로 어떻게 말해요? (... reul han-guk-mal-lo eo-tteo-ke ma-rae-yo?)
Xin thất lễ!	실례하겠습니다! (shil-le-ha-ge-ssum-ni-da)
Cái này bao nhiêu tiền?	이거 얼마예요? (i-geo eol-ma-ye-yo?)
Xin lỗi	미안합니다! (mi-an-ham-ni-da)
Cảm ơn	감사합니다. (kam-sa-ham-ni-da)
~~Có thể giúp tôi một chút được không?~~	좀 도와주실 수 있나요? (jom do-wa-ju-shil ssu in-na-yo?)
(Nhà vệ sinh/ hiệu thuốc) ở đâu?	(화장실/약국)이 어디예요? (Hwa-jang-shil/yak-kuk)-i oe-di-ye-yo?
~~Xin nói lại một lần nữa được không?~~	다시 한 번 말씀해 주시겠어요? (da-shihan-ben mal-sseum-hae-ju-shi-ge-sse-yo?)
Có thể nói từ từ không?	천천히 말씀해 주시겠어요? (Cheon-cheo-ni mal-sseum-hae ju-shi-ge-sse-yo?)
Xin hãy viết cho tôi	적어 주세요! (jeok-eo ju-se-yo!)
Cái này là gì?	이게 뭐예요? (I-ge mue-ye-yo?)
Tôi không giỏi tiếng Hàn	저는 한국말 잘 못해요. (jeo-neun han-gung-mal jal-mo-tae-yo.)
Vâng/ Không	네/아니요. (Ne/A-ni-yo.)

Phụlục4 Ngày nghỉ lễ ở Hàn Quốc

Ngày	Tên ngày lễ
Ngày 1 tháng 1	Tết dương lịch
Ngày 1 tháng 1 (âm lịch)	Tết âm lịch
Ngày 1 tháng 3	Kỉ niệm phong trào độc lập
Ngày 8 tháng 4 (âm lịch)	Lễ Phật Đản
Ngày 5 tháng 5	Ngày thiếu nhi
Ngày 6 tháng 6	Ngày tưởng niệm liệt sĩ
Ngày 15 tháng 8	Ngày giải phóng
Ngày 15 tháng 8 (âm lịch)	Tết Trung thu
Ngày 3 tháng 10	Ngày Quốc khánh
Ngày 9 tháng 10	Ngày kỉ niệm chữ Hangul
Ngày 25 tháng 12	Lễ Giáng sinh

Phụlục5 Số điện thoại và trang web của một số cơ quan

1. Điện thoại cứu hộ khẩn cấp

Cơ quan		Điện thoại	Ghi chú
Hi! Korea (Tư vấn lưu trú, xuất nhập cảnh)		1345	Không cần mã quốc gia
Tố giác tội phạm		112	
Cứu hỏa cứu hộ khẩn cấp		119	
Hướng dẫn về các số điện thoại		114	
Văn phòng quản lý bệnh tật		1339	
Tổng đài 120	**Tổng đài Dasan Seoul**	02-120	
	Tổng đài Metropolitan Incheon	032-120	
	Tổng đài tỉnh Gyeonggi	031-120	
	Tổng đài Busan	051-120	
	Tổng đài Dalgubeol Daegu	053-120	
Tổng đài bảo hiểm sức khỏe quốc dân		033-811-2000	

2. Đại sứ quán các nước tại Hàn Quốc

Đại sứ quán	Số điện thoại	Homepage
Angola	02-792-8463	http://angolaembassy.or.kr/
Afghanistan	02-793-3535	https://www.facebook.com/AfghanistanInKR/
Algeria	02-794-5034	http://www.algerianemb.or.kr/
Argentina	02-796-8144	https://ecore.cancilleria.gob.ar/
Úc	02-2003-0100	http://southkorea.embassy.gov.au/seol/home.html
Austria	02-721-1700	https://www.bmeia.gv.at/ko/oeb-seoul/
Azerbaijan	02-797-1765	http://seoul.mfa.gov.az/
Bangladesh	02-796-4056	http://bdembassykorea.org/
Belarus	02-2237-8171	http://korea.mfa.gov.by/ko/
Bỉ	02-749-0381	https://diplomatie.belgium.be/en/south_korea
Bolivia	02-318-1767	https://www.embolcorea.com/
Braxin	02-738-4970	http://seul.itamaraty.gov.br/pt-br/
Bruney	02-790-1078	
Bungary	02-794-8625	https://www.facebook.com/BulgarianEmbassyinKorea/
Campuchia	02-3785-1041	https://www.facebook.com/RoyalEmbassyinSeoul/
Canada	02-3783-6000	http://www.canadainternational.gc.ca/korea-coree/
Chile	02-779-2610	https://chile.gob.cl/corea-del-sur
Trung Quốc	02-738-1038	http://kr.china-embassy.org/kor/
Colombia	02-720-1369	http://corea.embajada.gov.co/
Costa Rica	02-707-9249	https://www.facebook.com/Embajada-de-Costa-Rica-en-Corea-425223514339959/
Cote d'Ivoire	02-3785-0561	http://www.coreedusud.diplomatie.gouv.ci/
Croatia	02-310-9660	
Cộng hòa Séc	02-725-6765	http://www.mzv.cz/seoul
Đan Mạch	02-6363-4800	http://sydkorea.um.dk/
Cộng hòa Dominica	02-756-3513	http://www.embadom.or.kr/
Cộng hòa dân chủ Congo	02-722-7958	
Ecuador	02-739-2401	http://www.facebook.com/HumanTalentEcuador
Ai Cập	02-749-0787	https://www.facebook.com/egypt.embassy.seoul/
El Salvador	02-753-3432	https://www.facebook.com/groups/286015555433520/
Etiopia	02-790-9766	https://www.facebook.com/seoulethioembassy/
Liên minh Châu Âu	02-3704-1700	https://eeas.europa.eu/delegations/south-korea_en
Fiji	02-792-6396	https://fijiembassy.co.kr/

Đại sứ quán	Số điện thoại	Homepage
Finland	02-3701-0300	https://finlandabroad.fi/web/kor/frontpage
Pháp	02-3149-4300	https://kr.ambafrance.org/
Gabon	02-793-9575	
Georgia	02-792-7118	https://www.facebook.com/geoembseoul/
Đức	02-748-4114	http://www.seoul.diplo.de/Vertretung/seoul/ko/ Startseite.html
Ghana	02-3785-1427	https://ghanaembassy.or.kr/en/
Hy Lạp	02-729-1400	https://www.facebook.com/GreekEmbassySeoul
Guatemala	02-771-7582	https://www.facebook.com/Embajada-de-Guatemala-en-Corea-228092143880559/
Vatican	02-736-5725	
Honduras	02-738-8402	https://www.facebook.com/ EmbajadadeHondurasenCorea
Hungary	02-792-2105	https://szoul.mfa.gov.hu/kor
Ấn Độ	02-798-4257	http://www.indembassy.or.kr/
Indonexia	02-2224-9000	https://kemlu.go.id/seoul/lc#!
Iran	02-793-7751	http://seoul.mfa.ir/
Iraq	02-790-4202	https://www.facebook.com/سفارة-جمهورية-العراق-في-سيؤل-Iraqi-Embassy-in-Seoul-2222614391304178/
Ireland	02-721-7200	https://www.dfa.ie/irish-embassy/republic-of-korea/
Israel	02-3210-8500	http://embassies.gov.il/seoul/
Italia	02-750-0200	https://ambseoul.esteri.it/ambasciata_seoul/it/
Nhật Bản	02-2170-5200	http://www.kr.emb-japan.go.jp/itprtop_ko/index.html
Jordan	02-318-2897	http://www.jordankorea.gov.jo/
Kazakhstan	02-379-9714	https://www.facebook.com/Embassy-of-the-Republic-of-Kazakhstan-in-the-Republic-of-Korea-393738660718953/
Kenya	02-3785-2903	http://www.kenya-embassy.or.kr/
Kuwait	02-749-3688	https://twitter.com/kuwaitembseoul
Kyrgyzstan	02-379-0952	http://kyrgyzembassy.kr/
Lào	02-796-1713	http://laoembseoul.blogspot.com/
Cộng hoà Latvia	02-2022-3800	https://www.mfa.gov.lv/seoul
Lebanon	02-794-6482	http://www.seoul.mfa.gov.lb/seoul/korean/home
Lybia	02-797-6001	
Malaysia	02-2077-8600	
Marshall Islands	02-6951-3181	
Mexico	02-798-1694	https://embamex.sre.gob.mx/corea/
Mông Cổ	02-798-3464	http://www.mongolembassy.com/
Moroco	02-793-6249	https://www.facebook.com/profile.php?id=100010816230366
Myanmar	02-790-3814	http://www.myanmar-embassy-seoul.com/

Đại sứ quán	Số điện thoại	Homepage
Nepal	02-3789-9770	https://kr.nepalembassy.gov.np/ko/
Hà Lan	02-311-8600	https://www.netherlandsandyou.nl/your-country-and-the-netherlands/south-korea
New Zealand	02-3701-7700	https://www.mfat.govt.nz/en/countries-and-regions/ north-asia/ republic-of-korea-south/new-zealand-embassy/
Nicaragua	02-6272-1670	
Nigeria	02-797-2370	http://www.nigerianembassy.or.kr/
Norway	02-727-7100	https://www.norway.no/en/south-korea
Oman	02-790-2431	
Pakistan	02-796-8252	http://pkembassy.or.kr/
Panama	02-734-8610	http://panama.embaseoul.kr/
Papua New Guinea	02-2198-5771	
Paraguay	02-792-8335	http://www.embaparcorea.org/
Peru	02-757-1735	http://www.consulado.pe/es/Seul/Paginas/Inicio.aspx
Philipin	02-796-7387	http://www.philembassy-seoul.com/
Phần Lan	02-723-9681	http://www.seul.msz.gov.pl/ko/
Bồ Đào Nha	02-3675-2251	https://www.seul.embaixadaportugal.mne.pt/pt/
Qatar	02-798-2444	https://www.facebook.com/qatarembseoul/
Rumania	02-797-4924	http://seoul.mae.ro/
Nga	02-318-2116	https://korea-seoul.mid.ru/
Rwanda	02-798-1052	http://rwanda-embassy.or.kr/
Tiểu vương quốc Ả Rập Xê út	02-739-0631	http://embassies.mofa.gov.sa/sites/SouthKorea/EN/Pages/ default.aspx
Senegal	02-745-5554	http://kor.senegalembassy.or.kr/
Serbia	02-797-5109	http://www.seoul.mfa.gov.rs
Sierra Leone	02-792-8911	http://www.sierra-leone.or.kr/eng/
Singapore	02-774-2464	https://www.mfa.gov.sg/overseas-mission/Seoul
Slovakia	02-794-3981	https://www.mzv.sk/web/seoul
Cộng hòa Nam Phi	02-2077-5900	http://www.southafrica-embassy.or.kr/
Tây Ban Nha	02-794-3581	http://www.exteriores.gob.es/Embajadas/SEUL/ko/ Paginas/inicio.aspx
Srilanka	02-735-2966	http://www.slembassykorea.com/eng/
Sudan	02-793-8692	http://sudanembassy-seoul.com/
Thụy Điển	02-3703-3700	https://www.swedenabroad.se/ko/embassies/
Thụy Sĩ	02-739-9511	http://www.eda.admin.ch/seoul
Tajikstan	02-792-2535	https://www.facebook.com/tjkoreaemb/

Đại sứ quán	Số điện thoại	Homepage
Tanzania	02-793-7007	https://www.facebook.com/Tanzania-Embassy-SEOUL-177474636431438/
Thái Lan	02-795-3098	http://www.thaiembassy.org/seoul/
Đông Timor	02-797-6151	
Tunisia	02-790-4334	https://www.facebook.com/Embassy-of-Tunisia-in-Seoul-1424889114395829/
Thổ Nhĩ Kỳ	02-3780-1600	http://seul.be.mfa.gov.tr/Mission
Turkmenistan	02-796-9975	https://korea.tmembassy.gov.tm/ko
Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	02-790-3235	
Anh	02-3210-5500	https://www.gov.uk/world/south-korea
Ucraina	02-790-5696	http://korea.mfa.gov.ua/ua
Uruguay	02-6245-3179	http://www.mrree.gub.uy
Mĩ	02-397-4114	https://kr.usembassy.gov/
Uzbekistan	02-574-6554	http://www.uzbekistan.or.kr
Venezuela	02-732-1546	http://www.venezuelaemb.or.kr/
Việt Nam	02-738-2318	https://vietnamembassy-seoul.org/
Zambia	02-793-1961	https://www.facebook.com/Zambian-Embassy-Seoul-Korea-887987547950310/

3. Các trang web tham khảo

Bộ Giáo dục	www.moe.go.kr
Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia	www.niied.go.kr
Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	www.mcst.go.kr
Bộ Ngoại giao	www.mofa.go.kr
Cổng thông tin điện tử dành cho người nước ngoài	www.hikorea.go.kr
Cục xuất nhập cảnh – Văn phòng chính sách người nước ngoài	www.immigration.go.kr
Kỳ thi năng lực tiếng Hàn Quốc	www.topik.go.kr
Hệ thống tổng hợp du học sinh Hàn Quốc	www.studyinkorea.go.kr

Trung tâm du hoc Hankang
Luôn luôn đồng hành cùng các bạn

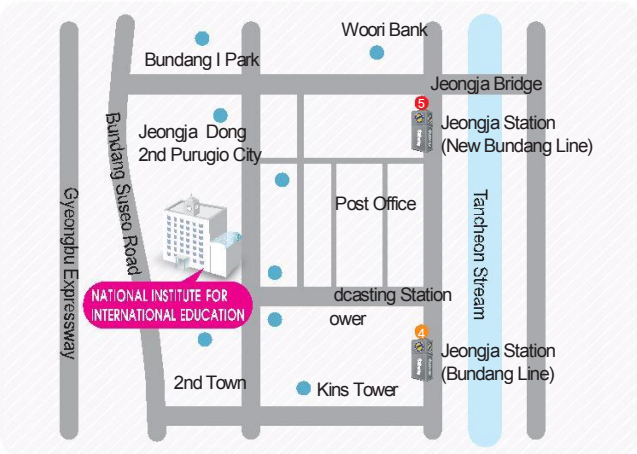

Địa chỉ: (13557) Gyeonggi-do Seongnam-si Bundang-gu Jeongjail-ro 191
Website: www.studyinkorea.go.kr / www.niied.go.kr

Sách hướng dẫn dành cho du học sinh nước ngoài

Ban hành: Trung tâm Du học Hankang

Biên tập: Nhóm hỗ trợ thu hút du học sinh

Ngày phát hành: tháng 12 năm 2019